Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

PHỔ THÔNG

Tạp-chí Văn-Hóa ra ngày 1 và 15

Giám-đốc : NGUYỄN-VỸ

172

15-5-1966

PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT-NAM
VỚI PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CỔ

Giám-đốc, Chủ-bút : Nguyễn-Vỹ

Tòa-soạn : 231, đường Phạm-Ngũ-Lão, Sàigon — Đ.T. 25.861

NĂM THỨ VIII ★ SỐ 172 ★ 15-5-1966

1.— *Hoa.. hoa... (thơ)*	Nguyễn-Vỹ	5 —	6
2.— *Thư gửi anh Nguyễn-văn-Cồn* . . .	Nguyễn-Vỹ	7 —	9
3.— *Phê bình nhân vật hiện đại : Lyndon Johnson*	Thiếu-Sơn	10 —	15
4.— *Đốc Ngữ, người chiến sĩ sông Đà* .	Phạm-văn-Sơn	16 —	21
5.— *Mưa đêm (thơ)*	Thùy dương Tử		22
6 — *Xuôi dòng (truyện)*	Hoàng Thắng	23 —	33
7.— *Tại sao Hoa Kỳ cứ viện trợ mà cứ bị chống đối*	Trịnh văn Tiến	34 —	42
8.— *Cao nguyên, thôi em (thơ)*	Đào-Thanh		43
9.— *Tháp Chàm Bình định.*	Trần-nhâm-Thân	44 —	55
10.— *Thần thoại Hy-Lạp*	Đàm-quang-Thiện	56 —	60
11 — *Quê hương tôi S.O.S (thơ)*	Bùi-trình-Tâm		61
12.— *Danh từ lãng mạn trong văn chương V.N.*	Đông Tùng	62 —	71
13. - *Cái chết của một người đàn ông (truyện)*	Hoàng Hải Thủy	72 —	78

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

14.— *Tuấn, chàng trai nước Việt* . . . . Nguyễn-Vỹ 79 — 83
15.— *Tháng kỷ niệm (thơ)* . . . . . Phương Duyên 84
16.— *Đề mua vòng hoa (truyện dịch)* . . . . Nhã Điền 85 — 89
17.— *Cánh hoa vô chủ (đoản văn)* . . . . . Thùy-Linh 90 — 92
18.— *Những người đàn bà lừng danh : Messaline* . . . . . Tân-Phong 93 — 98
19.— *Phổ Thông vòng quanh thế giới* . . . Tín-Khanh 99 — 103
20.— *Lối nhịp (thơ)* . . . . . Lê-ngọc-Tuấn 104
21.— *Người con gái kẻ chăn cừu (truyện dịch)* . . . . . Nguyễn-kim-Phượng 105 — 107
22.— *Đọc thơ Thế Lữ* . . . . . Trần-tuấn-Kiệt 108 — 112
23 — *Triết học y lý Đông Phương* . Nguyễn-khoa-Huân 113 — 120
24 — *Nhớ sông cầu (thơ)* . . . . . Triều-văn-Tử 121
25.— *Xuân này hỏi em (thơ)* . . . . . Trí-Tường 122
26 — *Bạn đọc viết* . . . . . P.T. 123
27.— *Đáp bạn bốn phương* . . . . . Diệu-Huyền 124 — 130

* Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cảo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
* Bài lai cảo không đăng, không trả lại.
* Các sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỔ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích tạp-chí PHỔ-THÔNG » và đừng viết tắt.
* Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
* Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
Copyright by PHỔ THÔNG, printed in Viêt-Nam.

● Tổng phát hành PHỔ - THÔNG toàn quốc :
ĐỒNG NAI, 270, Đề-Thám — Saigon
● Tổng-phát-hành PHỔ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu
● **Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique**
● **Our general agent in Europa & Africa**
LONG-HIỆP
13 Rue de la Montagne Ste Genevieve — PARIS Vè
(vente — abonnements — Publicité)

Hoa... Hoa...

MỘT cây rụng hết lá,
cao-vút mơ xanh,
đêm Hè, mộng trắng-xóa,
nghìn hoa nở long-lanh.
Tàng cây xao-xuyến
những nụ kim-cương,
gió vờn lưu-luyến
Tào-rạt trôi hương.

TA ngồi bên góc
đêm ảo-huyền-ca,
đếm từng viên ngọc
kết từng chuỗi hoa.
Một chuỗi hoa,
hai chuỗi hoa,
tay ta lóng lánh
chuỗi hoa, chuỗi hoa,
ta tặng A-di-đà,
ta tặng Shakespeare.

THƠ ta đêm nay
nở ngập góc cây,
nghìn sao lóng-lánh
nở ngập tàng cây.
Cây rụng hết lá,
cao-vút mơ xanh,
thơ ta nở trắng xóa
Vườn chùa vắng thanh.

VƯỜN cây không rụng lá,
thơ trắng hòa thơ xanh.
Ta bẻ từng sắc lá,
ta hái từng cánh thơ,
một cánh thơ trắng,
một cánh thơ xanh,
một màu buồn hoang-vắng,
vài giọt sao long-lanh,
ta tặng Quan-thế-âm
ta tặng Omar Khayyâm,

★ NGUYỄN-VỸ
(*Tâm-Trí*)

thư gửi

PHẠM CÔNG THIỆN

★ NGUYỄN-VỸ

BẠN chán cái xã hội mục-nát của Saigon, bỏ qua Mỹ. Chưa đầy một năm, bạn đã chán cái xứ của những nhà « chọc trời » và những tỷ-phú, và bay qua Pháp. Không biết ngày nào bạn sẽ bỏ Paris, chạy qua sống với người Congo ?

Ba thư của bạn từ ở Mỹ và ở Pháp gửi về tôi mấy tháng trước và mới đây, tôi có nhận được đủ cả, nhưng chưa phúc đáp. Tại vì dạo này tôi chán viết thư lắm. Tôi chán tất cả mọi việc, từ những tình cảm cá-nhân, phù-phàng, mai-mỉa, đến tình trạng bi-đát, loạn ly, cuồng-ảo của Đất-Nước, của Xã-hội, của Văn nghệ, của chính-trị, kinh-tế, phụ-nữ, thanh niên, của đạo-đức, tôn-giáo, của đời mạt-pháp.

Không muốn xuất dương trong lúc này, tôi tìm về bóng Phật, để được đôi chút yên tĩnh thuần khiết cho tâm hồn. Tôi không

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

thiếu những phương tiện thoát ly khỏi cảnh đen tối của quốc-gia, nhưng lý do giữ tôi ở lại giữa tai biến đang hăm dọa Vận Nước, là chứng kiến những nhiệt cuồng của máu lửa, những hỗn-hộp hoang mang của đại đa-số đồng bào đau khổ, lo âu, mà nhất định tôi không nhúng tay vào các bi kịch gây ra điêu linh tang tóc cho Giống Nòi, làm điên-đảo tinh thần của thế hệ.

Tôi tìm về Ánh Đạo thuần túy quang minh, thú thật với bạn, là để lương tâm đừng bị dằm máu, lòng không mang thù, trí không nhiễm hận.

Những lời hô hào Đoàn-kết, kêu gọi cứu Quốc, cứu Dân, bây giờ đã trở thành những sáo ngữ nhạt phèo, không còn ý – nghĩa thực-tế hăng say như trước nữa. Người ta đang gào thét đấu-tranh, căm thù, người ta đang chém giết, thủ tiêu, ám sát, thề lấy máu những kẻ thù của tư- tưởng, lao mình vào cuộc thanh toán sinh mạng của đối thủ không đồng quan điểm. Tôn-giáo (Lạy Phật ! Lạy Chúa !), đảng phái, thanh niên, sinh viên, lao động, rục rịch chuẩn bị gây hấn lẫn nhau, cố-tình tạo ra không khí loạn cuồng ở hậu-tuyến. Ai cũng thấy rõ cảnh tượng bi thảm ấy hầu như tuyệt vọng. Định mệnh đối với Dân tộc Việt-Nam mỉa mai tàn nhẫn thật !

Thế nên, xin bạn, cũng như nhiều bạn thân mến của tôi ở Hải-ngoại, đừng « ngạc nhiên » vì sự tôi tìm về bóng Phật, niệm Chú Đại Bi, cầu Kinh Bát-nhã, triệt để tin tưởng vào **giáo lý thuần túy** và Công đức nhiệm màu của Thích Ca Mâu Ni Phật và Quán Thế Âm Bồ Tát. Vì chỉ có các đấng **Phật, Chúa** Thiêng Liêng, và **các bậc Mẹ Lành** của nhân loại đau khổ, là có thể cứu Dân tộc Việt-Nam thoát khỏi mê lầm và thù hằn tiêu diệt.

Bạn Thiện ơi, tôi tin tưởng và quả quyết rằng các Vị Cứu Thế toàn thiện toàn năng của muôn triệu tín đồ Phật-Giáo và Thiên-Chúa-giáo sẽ ban phép nhiệm mầu tạo hoàn cảnh cho chiến tranh Bắc Nam có thể sớm chấm dứt, cho những vết thương hận thù mau hàn gắn lại.

Có mấy bạn ở Paris và ở Nhật viết thư về khuyên tôi

xuất ngoại. Tôi đã nói lý do giữ tôi ở Quê nhà. Lại cũng có nhiều bạn ở Hải ngoại rất hoang mang, do dự trong ý định hồi hương. Tôi thẳng thắn khuyên các bạn ấy đừng về nếu không cần thiết lắm. Riêng Phạm công Thiện, bạn có về Saigon lúc này chỉ có thể để ngày hai buổi ngồi tiệm nước ở góc đường Phạm ngũ Lão với dăm bảy bạn trẻ của làng văn thời-đại, nốc vài chai 33, để rồi say sưa chửi xã hội, chửi loài người, chửi bọn xôi thịt, đầu cơ, chửi lũ bịp bợm, chửi cả ngôi xe hơi Huê-Kỳ, chửi thời Mật-pháp, cho hả cơn cuồng hận, thế thôi !

Chứ lấy gì để « cứu quốc », còn gì để « kiến quốc » được nữa đâu, mặc dù bạn là một thiên tài văn nghệ ?

Thân mến chào bạn,

✯ NGUYỄN - VỸ

PHỔ - THÔNG 172

Đặc biệt PHẬT-ĐẢN

✯

Với sự góp mặt của các nhà văn nhà thơ :

TÂM TRÍ • DIỆU HUYỀN • NGUYỄN VĂN CỒN • VÕ QUANG YẾN • LAN ĐÌNH • TRỌNG TẤU • NGUYỄN THU MINH • TRẦN TUẤN KIỆT • THANH VIỆT THANH • PHƯƠNG DUYÊN • VŨ MINH THIỀU • THIẾU SƠN • TÂN PHONG v.v...

PHÊ BÌNH NHÂN VẬT HIỆN - ĐẠI

LYNDON JOHNSON

● *THIẾU - SƠN*

HỒI còn mồ-ma Tổng-Thống Ngô-đình-Diệm, ông Lyndon Johnson còn làm Phó Tổng-Thống Mỹ, phụ-tá cho Tổng-Thống John Kennedy. Đã có lần ông qua chơi Việt-Nam và đã để lại cho người mình một vài ấn-tượng tốt đẹp. Cùng với Phó Tổng-Thống Nguyễn-ngọc-Thơ ông đã đi thăm chỗ này, chỗ nọ để tìm hiểu dân-tình. Ông đã làm cho ông Phó-Tổng của mình phải kinh-ngạc khi ông đột-ngột chun vô một ngôi nhà lá, bắt tay một bà lão bình-dân, hỏi thăm sức khỏe và công-việc làm ăn của bà rồi có tặng chút đỉnh quà cho bà một cách ân-cần đáo-để. Ông Phó-Tổng của mình vốn là một công-chức nhiễm theo tác-phong phong-kiến của Tổng Ngô nên rất lấy

làm khó chịu về cử-chỉ của ông Johnson. Báo-chí hồi đó đã không tiếc lời ca-tụng con người lịch-thiệp, bình-dân có tác-phong dân-chủ. Tôi chưa hạ lời phê-bình ông lúc đó vì tôi còn dè-dặt không biết ông thiệt-tình hay đóng kịch. Nhưng dầu cho ông đóng kịch ra nữa thì cũng phải khen là ông đóng kịch hay, hay hơn những nhà lãnh-đạo của mình hồi đó, chẳng những không biết đóng kịch mà còn có những cử-chỉ hống-hách vụng-về, khó chịu và khó thương.

Thình lình Tổng-Thống Kennedy bị ám-sát, ông Johnson lên thế rồi ông ra ứng-cử luôn làm Tổng-Thống nước Mỹ. Ông được một số thăm kỷ-lục và ông đã thắng ông Goldwater một cách dễ-dàng. Trong khi tranh-cử thì ông Goldwater thở ra khói, hét ra lửa và tuyên-bố rầm-rĩ là nếu ông đắc-cử thì ông dùng sức mạnh của Hoa-kỳ để đè bẹp tất cả những kẻ nào chống đối Hoa-Kỳ, ông sẽ đưa nước ông lên địa vị một bá chủ trong thiên hạ. Trái lại, ông Johnson thì nói toàn những lời êm ái hòa dịu, không phủ nhận sức mạnh của Hoa-Kỳ nhưng sẽ dùng sức mạnh đó để bảo-vệ Hòa-bình cho nhân loại. Ở nước Mỹ chỉ có bọn quân phiệt và bọn tư-bản là hiếu-chiến, vì có chiến tranh mới phát triển kỹ-nghệ chiến tranh và làm giàu cho họ. Nhưng người dân Mỹ lại không thích chiến-tranh, vì chiến tranh sẽ làm hao tổn công quỹ là tiền đóng góp của họ, thuế má sẽ tăng, sẽ có sự trưng binh, bắt lính và bọn thanh niên sẽ phải đóng góp xương máu của mình. Bởi thế nên ứng-cử-viên Johnson được coi như một thiên thần của hòa-bình và ông được một số thăm kỷ lục đưa ông lên làm Tổng thống nước Mỹ, kế tiếp cố

Tổng-Thống John Kennedy.

Vậy mà triết học Bertrand Russel, một lão chiến-sĩ Hòa-Bình ở nước Anh lại phê bình ông Lyndon Johnson là « *vị Tổng Thống dở nhứt trong lịch-sử của nước Mỹ* ». Ông Bertrand Russel nói tiếp : « *Tổng Thống Johnson đang thi - hành những điều mà trước đây ông Goldwater chủ - trương. Johnson và Goldwater đều thuộc vào hàng những nhà chánh trị tư bản, nhưng Goldwater thì thành thật hơn* ».

Thật ra Johnson và Goldwater là người của hai đảng khác nhau. Một người của đảng Dân-chủ, một người của đảng Cộng-hòa. Đảng Dân-chủ còn có những người như anh em Kennedy, như Fulbright, Mansfield, Morse là những người hay nói tới Hòa-Bình. Nhưng đảng Cộng Hòa thì không hay nói Hòa Bình và hễ mở miệng ra là đánh, là giết, là thả bom nguyên - tử là, chiến-tranh. Nhưng nói là một chuyện, làm lại là một chuyện khác. Chính Đảng Cộng-Hòa đã phê bình đảng Dân-Chủ là mỗi khi gây chiến ở đâu đều do Tổng-thống đảng Dân-chủ quyết-định. Tổng-thống Roosevelt tham gia đệ-nhị thế-chiến, Tổng-thống Truman xuống lịnh ném hai trái bom nguyên tử xuống Nhựt-bổn và điều khiển cuộc chiến-tranh ở Triều-Tiên, Tổng-thống Johnson tăng cường và theo đuổi cuộc chiến tranh ở V.N đều là người đảng Dân-chủ cả. Nhưng khách quan mà nói thì chưa chắc người đảng Cộng-hòa ở vào địa-vị những ông Tổng-thống nói trên lại có thể không làm những việc như những việc của mấy ông nọ. Bởi vì cả hai chánh đảng lớn ở bên Mỹ đều không thoát khỏi sự thao-

túng của những nhà tư-bản tài - phiệt họ cần có chiến-tranh để đúc thêm súng, thêm đạn, thêm chiến-xa và máy bay để bán cho nhà nước. Vả lại chính trong bộ máy nhà nước cũng vô-số người xuất-thân trong giới tư-bản, có phần hùn với các nhà kỹ-nghệ chiến-tranh. Khi tất cả đều toa rập nhau để nuôi dưỡng chiến-tranh thì ông Tổng-Thống cũng không thể làm trái ý họ được. Ấy là chưa nói chính ông Tổng-Thống cũng có phần hùn trong đó. Chính bởi thế mà ông Bertrand Russel mới ghép cả hai ông Johnson và Goldwater vào nhau mà gọi chung họ là những nhà chánh-trị tư-bản. Và ông còn mỉa mai thêm : « *Nhưng Goldwater thì thành thật hơn* ».

Nhưng trong đảng Dân-chủ không phải không có người thành-thật. Tôi thấy ông Humphrey, phó Tổng-Thống Mỹ là một người thành-thật. Ông đã thổ-lộ với tuần báo Newsweek những câu này : « *Sao tôi lại thích làm Phó Tổng-Thống với ông Johnson ? Nó nặng-nề hơn tôi trông đợi. Tôi luôn luôn biết tánh-chất căn-bản của sự giao-tế : một hòa-ước mà không được ly-dị... Tôi từng biết rõ những khó-khăn và những cơ-hội làm việc với Tổng-Thống. Tôi đi với cặp mắt mở rộng và tôi không bao giờ ân-hận về việc đó.* » Báo Newsweek viết thêm : « *Theo ông Humphrey thì nhiệm-vụ khó-khăn nhứt trong sự giao-tế giữa ông và Tổng-Thống là phải đóng cho đúng vai trò của mình dưới một vị Tổng-Thống mạnh, một mặt phải hành-động tự-do... Nó cảm thấy chua-chát như trường-hợp xảy ra cho hai anh em khi một người trở nên tu-sĩ.* »

Ông Humphrey đã làm

đầy đủ nhiệm - vụ của mình do Tổng - thống Johnson ủy thác. Ông đã đi khắp cùng thế giới để lôi kéo đồng minh tiếp tay cho Mỹ trong cuộc chiến-tranh ở Việt-Nam. Nhưng cũng có lúc ông muốn hành động tự do, cũng có lúc ông muốn trở nên tu-sĩ. Và những lúc đó ông đã thành thật với ông, thành thật với mọi người và đã nói : « *Chỉ có Trời mới lật ngược được tình thế ở trong quốc gia phiền toái này... Tôi tin chắc rằng người Mỹ sẵn sàng thực hiện những ý-nghĩ mới mẻ, thẳng-thắn nhứt về Á-châu, một vùng trên thế-giới mà chúng ta từng nói là chúng ta dốt nát một cách thậm tệ* ».

Ông Humphrey đã thẳng-thắn nhìn nhận là người Mỹ đã dốt nát một cách thậm tệ về vấn đề Á-châu nói chung và Việt Nam nói riêng. Lúc này ông đã bỏ hẳn được đầu óc tư-bản của ông và nhìn thẳng vào vấn-đề với con mắt của một người tự-do và với trái tim của một nhà tu-sĩ.

Thật ra không phải khi không mà ông lột bỏ được những ảnh-hưởng nặng-nề của chế độ tư-bản. Chính những phong-trào phản-chiến một ngày một sâu rộng ở khắp nơi trên đất Mỹ, chính dư-luận thế-giới một ngày một gắt-gao đối với chánh-sách Mỹ ở Việt-Nam, chính những phong-trào nhân-dân ở vùng quốc-gia Việt-Nam tranh-đấu đòi hòa-bình đã giúp cho ông Humphrey thấy rõ sự thật và đã nói ra sự thật.

Ở địa-vị ông Humphrey thật khó mà nói ra sự thật vì ông đã ký với Tổng-Thống Johnson một « *giao-kèo mà không được ly-dị* » như ông đã nói.

Nhưng ở địa-vị khác thì dễ hơn như địa-vị một thượng

nghị-sĩ hay địa-vị một nhà báo.

Nhà báo Walter Lippmann từ lâu vẫn chống-đối chánh-sách của Mỹ ở Việt-Nam lại mới lên tiếng công-kích Mỹ chậm-chạp, lạc-hậu không theo kịp trào-lưu của thế-giới. Ông nói rằng thế-giới đã biến-chuyển rất nhiều từ sau thế-chiến thứ hai tới giờ. Năm nay là năm 1966 mà Mỹ còn áp-dụng một chánh-sách được áp-dụng từ những năm 1949-50. Và như thế tránh sao khỏi thất-bại được.

Thượng-nghị-sĩ Fulbright đi thẳng vào vấn-đề và nói : *«Vấn-đề Việt-Nam còn có vấn đề danh-dự và uy-tín đối với Hoa-kỳ nhưng nếu như vậy là bởi vì Hoa-Kỳ đã lao mình vào một cuộc chiến-tranh mà không chú ý tới điểm pháp-lý của các hành động của mình».*

Ông còn nói : *«Lòng quảng đại phù hợp với một đại cường-quốc như Hoa-Kỳ hơn là chủ trương gây hấn chỉ là dấu hiệu của một sự yếu đuối.* »

Ta nên nhớ rằng Thượng-nghị-sĩ Fulbright là chủ-tịch ủy-ban ngoại - giao của Thượng-viện. Lời nói của ông có một sức mạnh đáng kể đối với Tổng - thống Johnson là đồng-chí của ông.

Những áp-lực trên nầy cùng với áp-lực của nhân dân Mỹ và dư-luận thế-giới đủ sức chống lại với áp lực của phe tư bản và sẽ giúp cho Tổng-thống Johnson giải-quyết vấn-đề Việt-Nam một cách hợp tình, hợp lý để cứu vãn danh-dự cho nước Mỹ, cho đảng Dân-chủ và chính cho bản thân ông.

Nhà bác học Bertrand Russel tuy có nặng lời với Tổng-Thống Johnson nhưng ông cũng đã thấy rõ sự khó-khăn của ông ở địa-vị một nhà chánh-trị tư-bản. Hơn nữa, ông lại là Tổng-Thống của một nước đại tư-bản.

người chiến-sĩ sông Đà 75 năm về trước

ĐỐC NGỮ

PHẠM-VĂN-SƠN

(tiếp theo P.T. 170 và hết)

NHƯ ta thấy trong chiến dịch thứ nhất của Thực dân Pháp phát động vào năm 1891 để bình-định nghĩa quân Đốc Ngữ và Đề-Kiều có thể coi như thất bại.

Binh đoàn của quan tư Geil phải rút về Sơn-tây mặc cho nghĩa-quân thả sức tung hoành. Binh đoàn của Bergougnioux sau một hồi càn quét lùng tung các vùng bên này sông Thao qua bên kia sông Chảy cũng chẳng diệt trừ được các cánh quân ái-quốc. Tình trạng ung-thối của miền Tây Nam và Tây-Bắc Bắc-kỳ vẫn nguyên vẹn dưới con mắt của bọn « *Bạch quỷ* ». Đã vậy, tình hình các tỉnh Trung-châu về phía Đông Nam và Trung-du Bắc-Kỳ cũng nghiêm trọng không kém. Thực dân sốt ruột vì chiến tranh vẫn lai rai, cuộc bình định vẫn thất bại nên đã áp-dụng tận pháp

vừa với kháng-chiến vừa với nhân dân mà chúng thấy luôn luôn có sự ủng-hộ tích-cực phong trào chống Pháp.

Chẳng những chúng thẳng tay chém giết, chúng còn bắt buộc bọn quan lại dưới quyền hạ sát lương dân, do đó bọn Hoàng-cao-Khải và Lê Hoan mỗi ngày xách hàng chuỗi đầu người về nộp quan Tây để lấy điểm. Đầu ấy, của nghĩa quân một phần, của các tiều phu, của dân làm gỗ, của lái buôn các duyên-giang cũng không ít tại các vùng chúng đang mở các cuộc hành quân rộng lớn.

Lanessan trong thời làm Toàn quyền ở Đông-dương đã viết trong cuốn «Histoire militaire de l'IC°trang 30 rằng quân viễn xâm Pháp có tới hàng vạn ở Bắc-Kỳ để lo việc đánh dẹp. Quân đội này đã tàn sát nhân dân dữ dội hết sức và đốt phá vô số xóm làng. Ngay một huyện gần Hà-Nội, các cánh binh của Pháp chia thành nhiều đội đã dùng lưỡi lê đâm dân chúng kể cả đàn bà, con nít tới 75 người trong nửa tháng, chỉ vì không chỉ-điểm cho chúng hay không biết chỉ-điểm khi quân khởi nghĩa băng qua vùng họ ở.

Đó là một chánh sách khủng bố, một chánh sách vũ lực luôn luôn xen kẻ với chánh sách vỗ-về, xoa vuốt để làm suy giảm tinh thần ái quốc của quân dân ta, nhưng trong giai đoạn này chúng vẫn chẳng lượm được những kết quả mong muốn.

Ngoài Hưng-hoá, Sơn-tây, Phú thọ, các tỉnh Vĩnh yên, Bắc-giang, Quảng-yên, Đông-triều cũng sặc mùi súng đạn.

Năm 1892, chiến dịch sông Đà lại tiếp tục vào đầu năm. Địch nhận rằng :

« *Cả vùng đất gần chợ Bờ, Sơn-tây, Hưng-hoá, Yên bái đều càng ngày càng rối loạn. Các lãnh-tụ Đề Kiều, Đốc Ngữ là chúa tể tuyệt đối của những vùng này ; lực lượng của họ, sự táo bạo của họ mỗi ngày một tăng lên vì chúng ta không thể nào trong một lúc mà đủ quân giải ra ở tất cả mọi địa phương của xứ Bắc-Kỳ... trái lại, chúng ta lại phải tập-trung ở một vùng nào đó thôi, còn ở các vùng khác thì chỉ đóng đồn bốt* (Histoire

militaire de l'I.C, trang, 41 quyển 2)

Trong dịp này Đốc Ngữ tiêu diệt đồn Yên-lãng lần thứ hai. Vào ngày 5 tháng 2 - 1892, bọn Pháp đang ăn cơm tối thì 300 nghĩa quân đã lặng lẽ xé rào tiến vào đồn từ bốn phía. Lính canh gác bị đâm chết ; quan ba Pouligo bị giết trong khi y chưa kịp trở tay. Từng loạt đạn bay từ các cửa sổ vào trong. Bọn quân nhân Pháp (những kẻ sống sót) thất thần phải chạy bán mạng ra ngoài, băng rừng trốn sang Tu-vũ.

Nghĩa quân lấy được 50 tay súng và 35.000 viên đạn. Xét ra lối đột kích này là món sở-trường của nghĩa quân và với số vài đại-đội chuyên lối đánh kỳ tập, thực lực của nghĩa quân đã đủ cho đối phương táng đởm kinh hồn.

Lúc này địch đang đóng đại quân ở Yên Thế (Bắc Giang) và vì đồn Yên lãng hai lần thất thủ, địch phải cử quan tư Beaujeux đem một tiểu đoàn về Hà nội cho được trang bị đầy đủ rồi đưa lên xây dựng lại đồn Yên-lãng. Chưa đủ ! Địch còn lấy thêm 500 quân từ thượng lưu sông Hồng về Hưng-hóa và 540 tên quân khác từ Yên-thế do quan năm Boiline điều khiển (cộng tất cả là 1600 quân) tới sông Đà để mở một chiến-dịch đại quy mô thứ hai. Từ ven sông vào trong rừng núi.

Tại đây, nghĩa quân làm các công sự để có những chỗ ẩn nấp tạm thời. Họ không dùng xóm làng làm chỗ lui tới e có hại cho đồng bào.

Địch tiến tới thì từ các bụi quân du-kích bắn tỉa từng tên, từng toán. Đó là khi chúng xông vào các ven rừng một khi thấy có khói lửa và bóng người qua lại sau các lùm cây. Chúng kéo đến các xóm ruộng thì nghĩa quân đã rút khỏi và tại các thôn xã chúng cũng không thấy dân chúng đâu cả. Quanh quẩn ở đây ít hôm, địch không hành động được và luôn luôn bị các đoàn quân ma đột-kích, khi ẩn khi hiện, chúng mỏi mệt tinh thần phải rút về Hà-nội nghiên cứu lại sách lược.

Tại Hưng-hóa, để đối phó với các đạo quân càn quét, nghĩa-quân đánh mạnh ở bên kia sông từ Việt-Trì lên đến phủ Thanh-ba và Lâm-thao (Phú-thọ).

Nghĩa-quân ngày 4-3 thắng ở làng Nam-phù hạ được nhiều đồn nhỏ của giặc.

Quan ba địch là Bataille phải rút về đồn chính là đồn Việt Trì.

Ở Vĩnh-Yên khi ấy địch cũng bị quân của Đốc Khoát chặn đánh từ Liễu-sơn qua Việt-trì. Lúc này Đốc Khoát thay Lãnh Giang. Tàu của địch trên con thiết lộ này bị phá không đi lại nổi. Quan ba Ganeval xục-xạo khắp nơi, dầu dầu dân chúng cũng không chịu chỉ bảo vết tích của các toán quân bí-mật. Chúng đã phải phàn nàn trong bản báo cáo về Bộ chỉ-huy :

« Dân trong vùng hoàn toàn trung thành với kẻ cướp nên họ không cho ta một tin tức gì... » (1)

✱

Vì thế lực của nghĩa-quân Đốc Ngữ mạnh quá, Pháp phải lấy Hưng-hóa làm Hành dinh của khu quân sự số 4 (tức khu Tây-bắc Bắc-kỳ). Trước đây Hưng-hóa, Chợ-bờ chưa được đặt làm khu quân sự, nay xét địa phương này mỗi ngày thêm nghiêm trọng, địch phải gia-nhập cả vùng sông Đà vào khu này, đem quan năm Pennequin đến cầm quyền Tư-lệnh.

Pennequin là một võ tướng rất lợi hại. Y đã thông thạo chiến-trường ở đây, lại còn có nhiều thủ-đoạn chính-trị sâu sắc. Thấy nghĩa-quân Đốc Ngữ gồm cả Kinh lẫn Thượng (vùng hạ-lưu sông Đà là vùng của đồng-bào Mường) y liền tìm cách chia rẽ.

Tháng ba năm 1892 Đốc-Ngữ đóng quân ở Trung Bằng-la. Pennequin cử 2 đạo quân tới bao vây nhưng giặc vào đến nơi thì Đốc Ngữ đã chuyển quân đi chỗ khác. Địch phải rút về Hưng-hóa và Trại Hút để sửa đổi kế-hoạch. Lần này địch tung ra nhiều đạo quân đông đảo làm cuộc phong tỏa lớn hơn trước nhiều khiến nghĩa quân không ra thoát khỏi vùng sông Đà và sông Thao. Con đường từ Văn-Bàn qua phía Nam Sơn-la cũng bị đóng nút. Nghĩa quân đã như lọt vào cái túi và địch cứ thắt dần miệng túi nhờ ở thế quân số quá phong phú. Đồng thời địch lợi dụng triệt để cơ hội các đường ngang lối tắt bị vét hết trên khắp chiến trường hầu triệt lương của nghĩa quân, Đốc

(1) *Histoire militaire de l'IC trang 43 — quyển 2*

Ngữ liền mở một huyết lộ cùng quân bản bộ vượt sang hữu ngạn sông Hồng đóng tại Mộc-hạ giữa Vạn-yên và Suối Rút.

Pennequin cho quân truy kích rất riết. Đốc Ngữ rút qua sông Mã lấy núi rừng Thanh hóa làm chỗ tránh né, lập căn cứ mới ở La-Hán chờ giặc tới.

Binh đội của thực dân ở đây có một số cộng với đám quân mới (của Pennequin) từ quân khu 4 đến cũng mở cuộc bao vây nghĩa quân ở đây như thường lệ.

Tháng 5-1892 địch dùng thế gọng kềm, nghĩa quân chống trả kịch liệt khiến địch phải tổn thất nặng và lui quân. Trong số quân địch bị giết có quan hai Huas ; trong số bị trọng thương có Oppenheim là tên Tổng chỉ huy địch ở Thanh-hóa.

Quan năm Pennequin thay chiến lược để phục thù. Y kéo quân ngược sông Mã, tập trung lực lượng ở La Hán không cho nghĩa quân nghỉ ngơi. Đốc Ngữ rút vào miền Thượng-du Thanh-hóa rồi quay về Thượng-lưu sông Mã, lấy đường chạy sang sông Đà, sông Thao là những cứ-điểm cũ. Tại đây quân của Ngữ rất thông thạo địa-hình địa vật, có sẵn các nguồn binh lương.

Ngày 28-5 ông về đến Châu Thanh-sơn (Phú-thọ) đặt bản-doanh ở Khả-Cựu, chia quân đi các làng bảo-vệ mùa màng cho dân, vào tháng 5 năm ấy suốt dọc con sông Đà. Lúc này thời tiết đã thay đổi, nước bắt đầu lớn, mưa bắt đầu đổ, địch phải đình-chỉ các cuộc hành-quân. Đốc Ngữ cũng nhân dịp này chỉnh đốn lại hàng ngũ.

Càng thấy các cuộc giao phong khó chấm dứt được cuộc khởi-nghĩa, địch xoay qua chính sách chia rẽ chủng tộc và dùng nội-gián. Chúng bỏ tiền và lấy danh lợi vừa dề chiêu hàng người chiến-sĩ sông Đà, nhưng vô hiệu, đồng thời bí-mật quăng vào nội bộ nghĩa quân một số đầu trâu mặt ngựa quen tối mắt về vàng bạc. Chúng dụ dỗ được một vài lĩnh-tụ người Mường làm tay chân và chỉ-điểm. Bọn này liền phản tuyên truyền cuộc khởi nghĩa, khiến Kinh, Thượng xa dần nhau, nghi ngờ nhau và hoang mang trước thời cuộc. Rủi nữa là sau các cuộc xung-sát từ chợ Bờ sang Thanh-hoá, nghĩa-quân đã mỏi mệt lại đau ốm khá nhiều, Đốc Ngữ phải gửi một số về đồng bằng để nghỉ ngơi và chữa chạy. Số quân vắng mặt chưa kịp bổ sung bằng số quân mới. Bọn gián điệp liền lợi dụng ngay dịp tốt duy nhất này và đã thành công trong việc ám sát Đốc Ngữ cùng chừng mười viên tùy tướng dưới quyền vào ngày 7-8-1893 tại Khả Cựu.

Nghĩa quân mất chủ tướng như rắn mất đầu nhưng vẫn cố kháng cự trong hai tháng 9 và tháng 10 là những tháng chót địch ra công quét nốt lực lượng kháng chiến tại sông Đà, vùng Hưng-Hóa, Cẩm-Khê và Thanh-Sơn. Đội Đức, Quản Chư, Đốc Dung tuy vẫn hăng hái nối tiếp tinh thần anh dũng của Chủ tướng nhưng thực lực bây giờ đã suy giảm quá nhiều. Lại không may thêm nữa cho Kháng Chiến Việt Nam trong giai đoạn này, lực lượng sông Đà sắp tàn thì tại Thanh-hóa ông Nghè Tống-duy-Tân đang vận động đồng bào Mường Thanh-hóa và Hòa-bình nổi lên thì bị giặc bắt và giết vào ngày 9 tháng 10 1893. Thế là từ xa đến gần trong địa hạt Tây Bắc và Tây-Nam Bắc-kỳ phong trào cứu quốc chìm dần vào bóng tối nhưng các liệt sĩ như Đốc Ngữ và Tống-duy Tân tên tuổi sáng ngời mỗi ngày trên Lịch-sử và bất tử với thời gian.

● CHIM SỦA NHƯ CHÓ

Anh Jovanlougich, người xứ Nam-tư là một tay nuôi chim sành nghề. Nhà anh nuôi nhiều chim đến nỗi hàng xóm la trời như bộng, nhất là suốt ngày phải nghe cu và bồ câu « gù » nhau, nghe buồn đến chết được.

Thông cảm với hàng xóm, anh ta gởi bọn tiếu yêu này đi chỗ khác, chỉ giữ lại hai con nhồng, nhưng lại hai con nhồng đặc biệt nhất thế giới. Chúng sủa như chó vậy. Mỗi lần chúng sủa, mấy chú chó thật ở láng giềng sủa theo, rồi lần lần lôi cuốn hết cả chó trong làng sủa.. dậy cả làng nước.

Vo lần này nữa, hàng xóm lại la trời như bộng...

THÙY-DƯƠNG TỬ

mưa đêm

Con dế kêu
buồn đêm vắng
con dế gọi
buồn đêm mưa

hoang

Rơi một cánh chim
buổi chiều lết nắng
thoáng một bóng người
đêm tối đồng hoang

hết

lên đàn,
đàn đứt
yêu nàng
nàng đi.

lên

mình đi non nước về đâu
mà đêm đưa tiễn không sầu tiễn đưa
mù sương rớt lạnh đêm vừa
mèo lên chiến tuyến gió mưa giăng buồn.

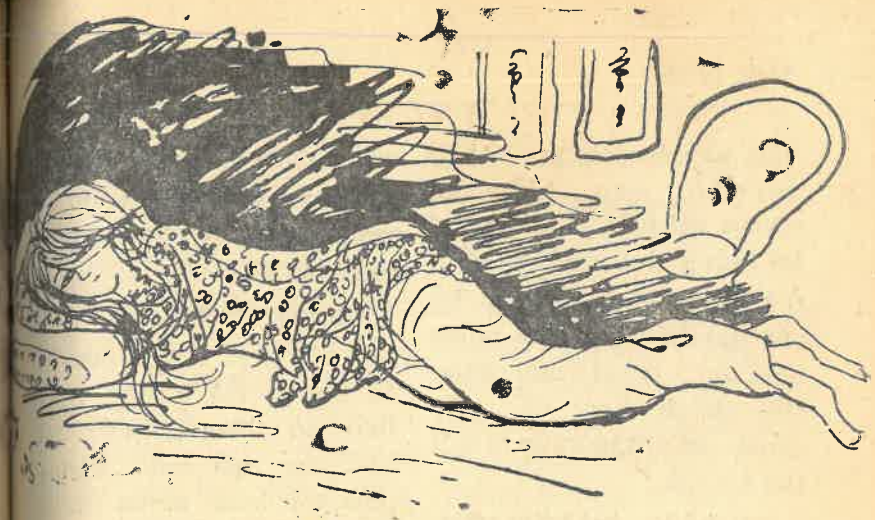

XUÔI DÒNG

Truyện ngắn

● *HOÀNG - THẮNG*

TÔI nằm trằn trọc trên chiếc giường nệm có phủ drap mầu hồng nhạt từ chiều tới giờ. Bây giờ mấy giờ rồi nhỉ ? Chiếc đèn ống gắn trên tường đã được bật sáng cũng đã lâu. Chắc ngoài bây giờ rồi. Như thế là tôi đã nằm tới bốn tiếng đồng hồ liền. Không có một cuốn tiểu thuyết để đọc. Không có tới một tờ báo để coi, dù là tờ báo cũ. Nằm đó để nhìn đỉnh mùng, chiếc mùng trắng đã ngả màu vàng. Và ngửi mùi hôi từ dưới tấm drap — tự chiếc nệm bông - bốc lên nhiều lúc làm tôi muốn ói.

Chỗ nằm của tôi đây ! Chỗ

nằm nầy đâu có xa xôi gì với thời gian. Chỉ mới chừng hai tuần lễ thôi mà tôi tưởng như mình đã sống ở nơi đây hằng hai thế kỷ rồi. Hai thế kỷ là bao nhiêu năm nhỉ ? Ồ hai trăm năm. Hồi nhỏ đi học, cô giáo giảng, một trăm năm là một thế kỷ mà.

Hai thế kỷ, hai trăm năm. Mới hai tuần lễ mà coi như hai thế kỷ, thiệt là xạo, nhưng tôi vẫn có cảm tưởng như vậy.

Tại sao tôi lại nằm ở đây nhỉ ? Ừ, tại sao mình lại nằm ở đây ? Đây là đâu ! Để tôi nghĩ lại xem nào. Lúc này tôi chẳng muốn nghĩ gì hết. Tôi buông mặc. Tôi coi tôi như một đứa con gái không có hồn. Không có óc. Không có trí khôn. Mù đặc.

Nghĩ gì bây giờ ? À, nếu người khác hỏi tôi đây là đâu, tôi sẽ nhếch miệng, mỉa mai trả lời một cách rất là chua chát chỗ này là chỗ nào. Nhưng với tôi, tôi muốn quên hết. Tôi sợ phải nghĩ tới nó.

Nhưng chiều nay, nằm mãi đến mỏi lưng, đến tê cả mông, mà không nghe thấy có tiếng gọi cửa, tôi khổ tâm hết sức. Không phải tôi ham muốn được nghe một tiếng gọi cửa, bởi mỗi lần có tiếng cành cạch như vậy là mỗi lần tôi phải sửa soạn một nụ cười, một ánh mắt. Nhưng nằm mãi mà không có gì lạ cả thì tôi lại như muốn điên lên. Đâu phải là tôi ham muốn. Nhưng...

Tại sao tôi lại ở đây ? Mùi hôi hám từ chiếc nệm bốc lên làm tôi tởm quá. Bao nhiêu lần nhơ bẩn bám vào đó rồi ! Vậy mà tôi phải chịu đựng. Chịu ngửi nó.

Kể ra lúc đầu tiên, khi bước chân vào đây, tôi đã

rút chân muốn thối lui, nhưng con mẹ già đi sau tôi đã đẩy mạnh tôi vào. Hừ, cái con mẹ, khi mới nhìn mặt lần đầu tiên, nghe mẻ nói, mình sao cảm động đến thế ! Con tính kiếm ai mà ngơ ngác dzậy ! Dạ thưa bác, cháu ở dưới xứ lên tìm bà con mà mãi không tìm thấy, mình rụt rè trả lời. Ồ, sao đôi mắt của con mẻ lúc đó nhân từ đến thế ! Cơ khổ. Thôi con hãy tạm về nhà má ngủ bữa nay rồi mai má dẫn con đi kiếm. Con đừng có ngại. Nhà má rộng rãi lắm. Má lại ở có một mình. Nếu bữa mai con không kiếm thấy người nhà con cứ ở với má, cho má vui lúc tuổi già. Má sống có một mình buồn quá con à. Dạ, cháu xin cảm ơn bác nhiều, cháu cũng không biết tính sao bây giờ. Ối thôi, cảm ơn, cảm iếc gì. Má thấy con bơ vơ lúc này má thương vậy thôi. À, đừng có gọi má bằng bác nhé. Nghe nó xa lạ quá. Cứ gọi má là má nghe hôn. Dà cảm ơn bác...à má.

Hừ, vậy mà con mẻ chỉ là một đứa khốn nạn hơn những đứa khốn nạn. Nghe nó nói nhân nghĩa mình bùi tai theo nó về nhà để rồi trở thành một con điếm.

Má ơi ! Có bao giờ má nghĩ rằng đứa con gái của má, khi lớn khôn, lại có một ngày trở thành một con điếm không ?

Không. Tôi biết rõ như vậy. Không bao giờ má tôi lại có ý nghĩ kỳ cục như vậy. Ngay cả tôi cũng thế. Được gia đình cho đi ăn đi học mà lại mong muốn một cách bỉ ổi như vậy sao ?

Gia đình tôi nào có nghèo. Ruộng. Vườn. Cây trái. Đủ thứ. Tôi nào có ham muốn chuyện gái trai mèo mỡ. Vậy mà tôi đã trở thành một con gái điếm.

Ông trời ơi ! Ông có mắt không nhỉ ? Ổ làm gì có ông trời lúc này. Chỉ có tôi thôi. Có tôi, một con điếm đang nằm trằn trọc trên chiếc giường hôi hám này. Để chờ đợi một tiếng gõ cửa. Để rồi, chờ ở ngoài mở ống khóa. Một cánh cửa hé mở, nhường cho một người đàn ông xa lạ lách mình bước vào tìm tôi để mua vui.

Tôi nằm trong này với chiếc giường, với chiếc ri-đô, với mấy con thạch sùng đang bám trên tường chờ mồi. Cửa ngoài khóa. Khóa kín để giam hãm tôi, không cho tôi được tiếp xúc với người đời. Nhưng tôi cũng vẫn được tiếp xúc với người đời. Trẻ có. Già có. Mập có. Ốm có. Thôi thì đủ thứ. Tôi là con thạch sùng nằm chờ mồi cô tập hay tôi là con mồi cho mọi người xa lạ tới tập ; có lẽ tôi là cả hai. Có tôi, họ mới tới. Và có họ, tôi mới được thoải mái. Không phải là thoải mái về xác thịt ; tôi nào đã biết thế nào là thoải mái về xác thịt, thế nào là rung cảm của con tim...

Lần đầu tiên phải tiếp khách, tôi từ chối. Và sự từ chối đưa đến cho tôi những lằn roi vào thân thể trần truồng. Và những hạt muối được sát lên những lằn roi rướm máu. Đôi mắt con mẹ già, đã một lần tôi thấy phảng phất sự nhân từ, phúc hậu đã hằn lên sự căm giận như muốn ăn tươi nuốt sống tôi. Cằm bạnh ra, gân cổ nổi lên, nó đã vút tôi tơi bời không kể chỗ. Tôi cắn răng chịu đau, không kêu la, không khóc lóc. Tôi biết, nếu có khóc lóc, kêu la cũng vô ích. Không thể nào gợi được sự thương hại của nó qua màng lệ, qua sự lạy lục. Tôi chỉ nhắm mắt, và nghĩ tới má tôi. Má ơi, con khổ quá. Chỉ vì nông nổi, con đã bỏ má, bỏ quê

hương, lên đây, để rồi như thế này. Nó đang hành hạ con. Nó đang nhiếc mắng con. Nó lại dịu dàng, dỗ ngọt con. Con sắp không phải là đứa con yêu của má rồi. Con sắp là con điếm đây. Sau trận roi này, con biết con phải phục tùng nó. Nếu không, nó đánh nữa. Chắc má sẽ chửi con, sao mày ngu thế, không biết trốn đi sao ? Con biết lắm chứ. Nhưng giấy tờ của con bị nó lấy cất đi rồi. Cửa chính ra hẻm nó luôn luôn khóa. Tới bữa cơm, nó mới mở cửa mang vào cho ăn rồi nó lại trở ra và khóa lại. Làm sao con trốn đi được.

Bây giờ tôi đã được yên thân hơn. Có lúc tôi được ra ngoài cửa ngồi để nhìn người qua lại vì nó đã tin tưởng tôi. Nó biết tôi không dám trốn vì tôi không có một mảnh giấy tờ nào. Nó từng dọa tôi : con mà trốn đi thì má cũng tìm được con lôi về. Lúc đó con sẽ khổ với má. Tôi biết có trốn cũng vô ích. bởi tôi đi đâu bây giờ ? Khi trong mình tôi không có một tờ giấy tùy thân. Làm sao mà về dưới xứ được.

Nói là được ngồi ngoài cửa để nhìn người qua lại, nhưng nào có sung sướng gì. Chung quanh tôi chỉ là những người con gái cũng giống hoàn cảnh như tôi và những người đàn ông đi mua vui. Nhưng người con gái kia, khi bước chân tới xóm này, khi bước chân hẳn vào trong những căn nhà tồi tàn kia, có bị như trường hợp của tôi không ? Tôi không rõ, nhưng tôi tin rằng họ phải giống tôi. Chẳng lẽ mấy cổ đó lại ham chuyện này lắm sao ! Trông họ vui cười đó, nhưng tôi nghĩ rằng, họ đang khóc thầm trong bụng. Cũng như tôi. Tôi đang khóc đây. Khóc. Nhưng không có nước mắt. Khóc. Nhưng mặt không rầu . Tôi khóc trong

tim. Tôi khóc trong lòng tôi mà thôi. Khóc lớn, ai thương, ai sót ?

Dù mới chỉ có hai tuần lễ kinh nghiệm mà thôi, nhưng tôi cũng đã hiểu đàn ông họ muốn gì. Họ chỉ muốn mua vui trong chốc lát rồi họ quên phứt ngay mình, dù mới đó họ còn hỏi mình tên gì, bao nhiêu tuổi, tại sao vào đây. Quê em ở đâu. Chẳng còn câu nào khác hơn. Em tên là Loan. Em mười tám tuổi. Quê em ở Sóc Trăng,,, Thế là xong.Họ mặc quần áo đứng dậy, lấy lược chải đầu rồi nhởn nhơ bước ra cửa. Còn tôi, cũng mặc quần áo, lấy lược chải đầu để rồi lại nằm xuống giường chờ đợi. Chờ đợi. Chờ đợi. Đời tôi bây giờ chỉ là những giờ phút, những ngày nối tiếp nhau của chờ đợi mãi sao ?

Tôi phải làm gì bây giờ ? Ừ, tôi phải làm gì bây giờ ?

Má ơi, ở nhà má có nhớ tới con, má hãy cầu xin cho con được toại nguyện. Con đang mong được thoát khỏi chốn nhơ nhớp này.

Anh. Tôi chợt nghĩ tới anh. Tôi nghĩ tới anh không phải vì tình yêu đâu. Tôi chưa hề biết yêu. Và giờ đây tôi lại càng không dám yêu ai hết. Em không dám nghĩ tới chuyện được anh yêu em đâu. Nhưng em không quên được đôi mắt của anh. Đôi mắt đã nhìn em, nửa yêu thương, nửa rầu rĩ. Đôi mắt đó thành thật lắm. Dù anh không nói ra, nhưng em biết. Anh cũng hỏi em những câu : em tên gì, em bao nhiêu tuổi, nhưng em nghe mà lòng xốn xang làm sao ! Em nghe mà lòng bồi hồi, muốn khóc. Những lời nói đó, giọng nói đó, đúng là của người anh hỏi người em gái, của người yêu hỏi người yêu. Không. Không phải của người yêu hỏi người yêu. Nhưng anh cho phép em được nghĩ như vậy nhé.

Ô, đôi môi của anh hồng làm sao ! Em nhớ em đã hôn ngấu nghiến như muốn nhai đôi môi đỏ hồng đó. Em đã thành thật với em. Em đã thành thật với anh. Bàn tay anh mơn trớn trên làn da của em làm em rùng mình, mọc gai ốc. Đã có từng rất nhiều bàn tay soa lên người em nhưng em vẫn coi như không, hoặc em nhăn mặt vì bàn tay nhớp nhúa, nhưng em không thể nằm yên tâm khi tay anh thoa nhẹ lên người em. Anh biết cách làm cho người con gái — dù là một con điếm — phải rùng mình vì cách vuốt ve có kinh nghiệm hay là anh thích em thật ! Em không dám hỏi anh, nhưng thấy đôi mắt anh mơ màng, em cũng ngây ngất. Em biết, trong giờ phút đó, anh đã thành thật với anh, và với em.

Em nhớ mãi những lời khuyên của anh. Anh không khuyên em tìm một tấm chồng. Anh không bảo em về ở với anh như nhiều người đàn ông khác, trong lúc ăn nằm với em, đã nói. Anh bảo em nên cố gắng rời bỏ chốn này, càng sớm càng tốt. Em đã kể rõ hoàn cảnh của em cho anh hay. Anh trầm ngâm suy nghĩ và cuối cùng tắc lưỡi không sao giải quyết nổi. Em hiểu anh đã thành thật lắm. Một mình anh làm sao phá được hàng rào vây hãm em. Anh bảo, nếu anh đi tố giác với cơ quan công lực, không chừng chúng ngửi thấy mùi, chúng giam em nơi khác và anh cũng bị sự trả thù của chúng. Em cảm động hôn tay anh và bảo anh mặc em. Đời em đã bị hoen ố rồi, thì mặc cho nó tới đâu hay đó. Không phải em ham muốn cái « nghề » này nhưng biết làm gì hơn ? Thôi thì nhắm mắt xuôi giòng cho nó muốn trôi mình tới đâu thì tới.

Anh bảo chờ dịp hôm nào có bố ráp, em thưa với nhân viên công lực, để nhờ họ giải thoát cho em. Nhưng anh có biết đâu rằng, trong khoảng thời gian ngắn ngủi em ở đây, đã có mấy lần bố ráp, họ bắt em tắt đèn trong nhà, ngoài cửa khóa ống khóa như là chủ nhà đi vắng, thì còn có ai cố công chịu đựng gõ cửa hoài ? Dù vậy, em cũng lo lắm. Lỡ họ không tin em là người đã bị đưa đẩy đến đây, đã bị tước đoạt giấy tờ, đã bị tước đoạt tự do, bị làm con điếm, mà họ cho rằng, em chỉ là một đứa con gái thối thây, làm không chịu làm, chỉ thích ăn không ngồi rồi, chỉ thích nằm ngửa ăn sẵn rồi họ bắt em đi nhà thương Bạc Hà để khám bệnh và giam vào tù. Con mẹ già từng nói với em. Con chớ nghe ai dụ dỗ, chớ để bị bắt rồi ngồi tù mục xương đấy con ạ...

Làm sao để giải thoát bây giờ anh ơi !

Ờ. Tự nãy giờ tôi nghĩ nhiều quá. Toàn những chuyện đâu đâu. Sao không thấy ai gõ cửa cả. Tôi đói rồi. Sao bà già chưa mang cơm vào cho mình nè. Tôi cần phải ăn để còn « phục vụ » chứ !

Anh ơi, nếu bây giờ anh tới với em nhỉ. Em đang cần anh. Em muốn được nghe những lời khuyên nhủ của anh. Em muốn hôn anh. Hôn đôi môi mọng đỏ của anh. Em muốn được nhìn thấy đôi mắt nửa yêu thương, nửa say mê của anh. Em muốn được sự vuốt ve, mơn trớn đến nỗi da gà của bàn tay mềm mại của anh. Em muốn hết. Muốn đủ thứ. Em còn muốn anh mang em ra khỏi chốn này. Mang em đi mà. Để em được làm tôi mọi cho anh. Em sẽ thổi cơm cho anh ăn nè. Em biết làm nhiều món ăn lắm nhé. Anh

có biết ăn canh chua cá lóc không ? Em mà làm thì số dzách ! Em sẽ giặt quần áo rồi ủi cẩn thận cho anh nè. Anh còn cần gì nữa không anh ?

Anh ơi. Loan của anh bây giờ khổ quá. Đột nhiên nhớ đến anh, em muốn phá tan đôi cánh cửa gỗ chắc nịch kia đi. Ủa, có chuyện gì đó! À, có tiếng gõ cửa. Khách tới hay là cơm mang tới ! Chờ mãi hết cả đói rồi còn gì. Thử nằm im xem sao. Cạch cạch. Loan ! Loan ơi ! Tôi vẫn nằm yên không đáp. Loan. Tiếng gọi mạnh hơn. Đúng là tiếng gọi của con mẹ. Của má tôi đó. Má nuôi đó, Loan. Mày thứ chay ngủ dzậy ? Mau, có khách đó.

Biết im hoài cũng vô ích. Tôi đành giả vờ ngáp dài rồi lên tiếng. Tôi uể oải ngồi dậy, vặn xương sống rồi chậm chạp bước ra mở cửa. Dù ở ngoài có khóa, ở trong tôi cũng gài chốt.

Một bóng người đàn ông lách vào. Cửa đóng lại. Tôi làm bộ mỉm cười, liếc mắt đưa tình. Nhưng tôi giật thót mình. Trông người khách mới vào, tôi ngại quá. Mặt y đỏ gay. Chắc là y đã uống quá nhiều rượu. Tôi sợ nhất những người uống rượu say rồi mới đi tìm em út. Hơi rượu bốc lên nồng nặc, khó chịu. Đã một lần tôi bảo: mồm anh hôi rượu quá. Người ta đã giận tôi và nói : rượu tôi mua mất tiền, lại là rượu ngoại quốc, làm sao mà hôi được. Tôi phải nói xuôi. Tại em không biết uống nên em mới nói vậy.

Tôi sợ những người uống rượu say, vì hơi thở nồng nặc làm tôi nhức đầu mà tôi còn lo sợ khi họ dần vặt thân xác tôi. Họ như những con thú điên khùng đang hành hạ con mồi vậy. Nó chưa ăn ngay mà còn vờn, cấu, xé.

Tôi nhắm mắt để mặc tình cho người khách mới tới muốn làm gì thì làm. Tôi là cái máy mà. Và họ muốn cái máy thì họ có quyền xử dụng Anh ơi. Em đang nghĩ tới anh đây. Phải chi kẻ đang hùng hục đây là anh nhỉ ?

Bố ! Bố !

Mấy tiếng vang lên ngoài ngõ làm tôi giật mình. Trống ngực tôi đập thình thịch. Gã đàn ông đã vụt nhổm dậy, mặc vội quần áo và phóng ra cửa. Tôi cũng nhổm nhanh dậy. Phụp ! Hai chân sỏ vào hai ống quần. Đứng dậy, xỏ tay vào chiếc áo bà ba, tôi nhào tới chỗ để núm điện. Tách ! Điện tắt. Tôi chui vào sau lưng chiếc tủ áo. Anh ơi, anh có biết em đang lo sợ không ? Em chỉ lo bị họ bắt được rồi dẫn tới nhà thương Bạc hà, rồi đi tù chứ em không dám mơ tưởng được họ giải thoát cho em thoát khỏi móng vuốt của con mẹ tú bà. Liệu có chắc được như ý muốn không ?

Tiếng chân chạy thình thịch ngoài ngõ. Có tiếng quát tháo ầm ĩ. Anh ơi, em run quá. Lũ muỗi đói lại đang bu vào đốt em nữa chứ. Em mong gì bây giờ. Em mong họ bỏ sót căn nhà nầy. Họ bỏ sót em. Thế là may cho em rồi.

Tôi đứng như thế đã hơn một tiếng rồi. Tình hình coi mòi đã yên. À, lại có em này nữa. Bắt hoài vẫn còn thấy mặt. Những tiếng hò hét nói cười đã loãng tan rồi. Còn tôi đứng đây thôi. Tôi đã thoát rồi ư. Đúng rồi Tôi đã thoát. Tôi không bị bắt. Chỉ có lũ muỗi đói đốt tôi thôi. Giờ chắc chúng no rồi.

Tôi lách ra khỏi chỗ ẩn chập choạng bước về phía giường, ngã nằm sấp xuống và tôi khóc. Má ơi, con khổ quá. Anh ơi, em nhục quá. Em biết làm sao bây giờ ?

— Loan ơi, bật đèn lên con. Êm rồi.

Tôi không buồn trả lời. Êm nhưng đời tôi có êm không ? Tôi đang khóc đây. Hãy để cho tôi khóc cho vơi nước mắt đã nào. Êm, êm cái gì,,.

● ✱

● Một nghề mới : Biểu tình thuê

Tháng vừa qua, ông Quận trưởng quận Paradise (California — Mỹ) nhận được một phong thư, ngoài bì có tiêu đề : « Hội biểu tình »

Nội dung lá thư như sau :

« Thị xã của ngài từ nay có sự cứu giúp của một tổ chức, dưới sự điều khiển của nhiều nhà chuyên môn danh tiếng.

Ngài chỉ cần cho biết muốn tranh đấu về vấn đề gì, hoan hô, đả đảo ai, là chúng tôi sẽ tổ chức biểu tình hoan hô đả đảo ngay. Tuy nhiên phải tin chúng tôi biết trước ba tháng mới bảo đảm được tự nhiên..,.

Mọi việc xin liên lạc với ông... số,.. đường... Paradise.

TẠI SAO HOA-KỲ CỨ VIỆN-TRỢ MÀ CỨ BỊ CHỐNG ĐỐI ?

• TRỊNH - VĂN - TIỂN •

Chữ « viện » và chữ « trợ »

HOA Kỳ thường gặp phải trường hợp « làm ơn nên oán » cũng là lỗi ở Hoa kỳ một phần. Hãy đề ra một bên những vụ chống Mỹ trên phương diện chủ nghĩa, lẽ đương nhiên. Bởi vì trường hợp « làm bạn thiệt mình » chỉ xảy ra giữa các quốc gia bằng hữu, trong đó, người ta bất bình về chính sách đối với nhau.

Lâu nay, qua các cuộc chính biến, Hoa kỳ đều « có hy vọng » bị chỉ trích, rằng đã can thiệp vào nội bộ hoặc đã coi thường quyền tự chủ của đồng minh, vân vân.

Lấy ví dụ ngay ở Dominican, là quốc gia gần sát Hoa-kỳ, cùng chung một tổ chức anh em với Hoa-kỳ, tổ chức O.A.S (Organization of Americ States), trong khối « Liên Mỹ », cũng đã từng có sự bất bình đó. Như cuộc chính biến kéo dài từ tháng 4 đến tháng 9 năm 1965 ở Dominican, hôm 3 tháng 9, trước đám dân đông tới 150.000 người, đại-tá Caamano đã tuyên bố, đại ý : Ngày 28-4, Mỹ đã vi-phạm chủ quyền của Dominican, bằng cách xâm lấn, chiếm đóng nước này... (1)

Tưởng cũng cần nhắc lại, Cộng Hòa Dominican gần sát, cùng chung một tổ-chức OAS với Hoa Kỳ. Hơn thế nữa, Dominican đã hàm ân viện trợ của Hoa-kỳ.

Viện-trợ cho người ta, rút cục bị người ta chỉ trích ! Sao thế ?

Chữ « trợ » thì chỉ có nghĩa giúp đỡ thôi. Nhưng chữ « viện » sau nghĩa « đem đến » cũng còn nghĩa « giúp đỡ » nữa. Cho nên, chữ « viện » đi đôi với chữ « trợ » tuy muốn nói « đem đến sự giúp đỡ » nhưng vẫn có vẻ nhấn-mạnh « giúp đỡ và giúp đỡ ». Hoa kỳ giàu có, văn minh, thì khi làm một việc « giúp đỡ và giúp đỡ » nào, (cho những nước nghèo khổ, chậm tiến, dĩ nhiên), trước hết, người ta cứ liên tưởng đến vấn-đề « miếng cơm manh áo », và chỉ muốn quan niệm, hay kỳ vọng đấy là cuộc viện-trợ kinh tế, tài chính, xã hội. Tuy rằng vẫn có đủ thứ viện trợ khác nữa, viện trợ quân sự, viện trợ giáo dục, viện trợ nhân lực, vân vân, kể cả một hình thức gọi là viện trợ ... tinh thần.

---

(1) AFP — 3-9 (St Domingue).

Nói gọn thì viện trợ là « cho », « Cho » có của cho và cách cho. *Của cho không bằng cách cho.* Cách cho chẳng phải chỉ đòi hỏi phép lịch-sự mà thôi, còn sự thiết thực nữa, chẳng hạn, người ta đang đói lả thì đừng mời người ta hút thuốc lá.

Nhìn vào tổ chức OAS

Và chăng, chính tinh thần, chủ trương, chuẩn đích của tổ chức OAS cũng đã chứng tỏ rằng phần nhiều người ta chỉ trông đợi có sự giúp đỡ trong địa-hạt kinh-tế cái nhu cầu tiên quyết « có thực mới vực được đạo. »

Đáng lẽ nên đổi tên là O.S.A (Organization of South Americ), bởi vì đa số các quốc gia hội viên đều ở về mạn Nam Mỹ, những nước nhỏ yếu, chậm tiến, những « tân quốc gia ».

Hoa-kỳ đã dự vào để sắm vai « đầu tàu » hơn là để mong được tương trợ. Một ví dụ nhỏ : qua hội nghị kinh tế 8/1962 của OAS họp ở Punta Del Este (Uruguay), Hoa-kỳ đã ứng ra 20.000 triệu mỹ kim để thực hiện một kế hoạch 10 năm cho toàn khối, bằng cách cho vay dài hạn đến 50 năm lấy lãi nhất nhẹ, hay không lấy lãi cũng chẳng sao.

Khởi thủy OAS là sáng kiến của nhà giải phóng Simon Bolivar. Năm 1889, người ta mới lập một « phòng liên lạc » giữa 18 nước, đặt tại Hoa-thịnh-Đốn. Cho đến năm 1948, tại Bogota (Colombia) OSA mới chính thức thành hình và phát triển.

Tưởng cũng cần biết qua về ông tổ của OAS. Một người Bolivien, tên ông, Simon Bolivar, phảng phất ý nghĩa quốc hiệu Bolivie. Cả ba xứ Colombia, Vénézuéla và Equateur đều suy tôn ông là nhà giải phóng (libérateur) của họ. Thế mà về sau ông đã bị tố cáo là có tham vọng cá nhân (ambitions personnelles), phải thoái-vị, rồi « chết già » năm 44 tuổi (1830).

Trừ Cuba, hiện nay OAS còn 20 hội-viên : Á-căn-Đình (Argentina), Bolivia, Ba-Tây (Bresil), Tri-Lợi (Chili), Colombia, Costa-Rica, Dominican, Ecuador (Equateur), El-Salvador, Guatemala, Haiti, Honduras, Mễ-tây-Cơ (Mexico), Nicaragrua, Panama, Paraguay, Peru, Uruguay, Vénézuéla, và Hoa kỳ.

Tuy tôn-chỉ của OAS còn nhằm giữ thăng bằng đời sống chính trị, và giàn xếp các vụ động binh trong khối, nhưng nhìn vào sinh hoạt của nó, người ta đã nhận thấy vấn đề kinh tế vẫn giữ phần chủ-chốt hơn cả.

Chẳng hạn, năm 1960, khối đã thiết lập Ngân-hàng Liên Mỹ. Hoặc nữa, ngày 13-3-1961 cố Tổng-thống John F. Kennedy, trong khi đích thân khai mạc buổi lễ « phát triển cộng đồng » (dự án xây cất) tại Bogota (Colombia), ông đã tuyên bố, có thể là kết-luận cho việc làm của OAS đối với 200 triệu người ở các quốc gia Nam Mỹ, đại ý : Tôi hằng kêu gọi toàn thể những dân-tộc bán cầu vào cuộc đồng tiến, một sự cố gắng tối đại, duy nhất, để thỏa mãn các nhu cầu căn bản như *nhà ở, việc làm, ruộng đất, thuốc men và trường sở.* (2)

« Nhà ở, việc làm, ruộng đất, thuốc men », toàn những đòi hỏi cấp thiết ở phạm vi kinh tế và xã hội. Thêm bằng chứng cho thấy người ta chỉ mong đợi được ấm no trước đã. Bởi vì, trên thế-gian, ở đâu cũng có cảnh đói rét. Nhìn vào các quốc gia trong tổ chức OAS, sẽ thấy rõ như vậy. Chẳng hạn(3)...

Colombia còn lưu danh Kha-luân-Bố (Christophe Colomb), miền « đất vàng » xưa kia đã từng gây ra những cuộc xung sát đẫm máu, vẫn nghèo. Colombia có nhiều mỏ (dầu, than, muối, vàng) có xưởng máy, kho hàng, nhưng cũng còn miền đồng bằng Ilanos đi hàng trăm cây số chưa gặp một người (on peut y parcourir des centaines de kilomètres sans rencontrer âme qui vive). Chính sự dị biệt cùng cực đó làm bất nhất đời sống quốc gia và chính trị (Cette extrême diversité se répercute sur la vie de la nation et sur la vie politique).

Venezuela, thơ mộng, « cái thành phố Venise thu nhỏ (petite Venise) đó phồn-hoa, đông vui, tối tân, nhưng vừa ra khỏi thủ đô Caracas, chung quanh, đã gặp những túp lều rách (taudis) rồi. Venezuela đã nổi tiếng là « tổ quốc của dầu hỏa » (la patrie du pétrole) là xứ sở tỷ phú (le pays

(2) UPI — 13-3-61 (Bogota)

(3) Theo tài liệu của Missi số đặc biệt 280 (5-1964).

milliadaire), nhưng vẫn còn cả 5 triệu nnười nghèo khổ.

Đã có câu ví « giàu như Peru » (riche comme Pérou), nhưng dân số chỉ có 12 triệu người, thì già nửa là dân quê mù chữ làm tôi mọi cho các trại chủ (hacienda). Chính trạng huống « kẻ ăn không hết người lần không ra » đã dẫn đến cuộc binh biến như vụ 18-7-1962 gần đây.

Trí lợi là một miền thắng cảnh (un beau pays). Người Trí-Lợi vẫn tự hào đất nước của họ như « một bản sao thành tựu về Thiên đường » (une copie réussie du Paradis). Nhưng trong số 8 triệu người, ít thế thôi, cũng có cảnh ngộ hai thái cực như ở Venezuela. cái trường hợp « những cây số và những cây số đau khổ bao quanh các đô thị » (ces kilometres et kilometres de misère qui entourent les villes).

Một khu phố ở thủ-đô Brasilia của Ba Tây « không lồ, đứng thứ năm trên thế giới về kỹ-nghệ sắt. »

Bolivia có tới 2 thủ đô, Sucre (mang tên viên trung úy của S. Bolivar) nghe đến ngọt ngào, và La Paz (Plata) nghĩa là « tiền bạc » (argent) có mỏ bạc, mỏ thiếc. Mỏ làm giàu thì cũng làm nghèo xứ sở. Giàu ở tỷ số xuất cảng 60%. Nghèo ở độc-sản (monoproduction) bạc hay thiếc chẳng có lợi gì cho đa số quần chúng. Bởi vì mỏ ở trên núi, kỹ nghệ hầm mỏ thịnh đạt, dân phu đổ hết lên cao nguyên, như ở Altiplano (4000m cao độ) chẳng hạn, bỏ hoang gần hết những đồng bằng phì nhiêu.

La Tây không lồ (75 triệu dân), lớn rộng bằng nửa Nam Mỹ, đứng hàng thứ năm trên thế giới (sau Nga, Gia-nã-Đại, Hoa lục và Hoa kỳ), có kỹ nghệ nặng, riêng mỏ Minas đã có hơn 1/4 tổng số sắt của cả địa cầu. Lại giống Bolivia, trong số 75 triệu

Những người đàn bà Peru (gốc da đỏ) đang ngồi chực trước cửa trụ sở nông hội của tổ chức MIJARC (Mouvement International de la Jeunesse Agricole et Rurale Catolique). Tuy đã có câu ví « giàu như Peru ».

dân, già nửa, 39 triệu người, sống về nghề nông, nhưng chỉ còn lại 2% đất cầy. Thậm chí, Ba Tây sản cà (1.800 loại) thế mà dân chúng vẫn phải mua cà hộp của Bồ-đào-Nha.

Giàu thế, mạnh thế mà vẫn đói. Như trên miền Bắc (Recife), 900.000 dân cư, đã được mệnh danh là « khu tam giác của nạn đói » (le triangle de la faim) ! Nhưng nói đâu xa, ngay Hoa-kỳ, hội viên giầu mạnh nhất của OAS, của cả thế giới nữa, cũng «đói» nốt.

Thừa hầm mỏ nhưng thiếu đất cày.

Mới đây, tờ Newsweek (4) đã cho đăng một thiên phóng sự điều tra, đủ cả hình ảnh và các cuộc phỏng vấn, người ta mới thấy dân Mỹ thế mà khổ.

Ngay tại Nữu-ước, trong đám 43.000 dân cư vẫn còn hàng nghìn người sống tạm bợ trong những chái lều đầy chuột bọ. Tuy rằng hàng tháng, cả nước Mỹ, vẫn có 8 triệu người được trợ cấp kinh phí quốc gia lên đến 400 triệu mỹ kim, nhưng từ năm 1955, số lượng dân nghèo cứ gia tăng, nhanh hơn cả nhịp điệu phát triển về nhân số, gấp đôi. Hiện ở Mỹ còn độ 35 triệu người nghèo, (với tỷ số 22% dân da màu).

Tính cho sát, riêng tháng 1 năm 1964, đã có 4.600.000 người Mỹ bị thất nghiệp, dân lao động chiếm tỷ số 64%.

Một trong các nguyên nhân thất nghiệp là trường hợp « bất khiển dụng », những người của thời đại thủ công nghệ trở thành lỗi thời với xã hội cơ khí, « lỗi chuyên môn » hay « lý do kỹ thuật ».

Trong khi đó, Sergent Shriver, người đứng đầu « Tổ-chức Hòa-bình » (Peace Corps) của Hoa kỳ, cứ mở chiến dịch diệt nghèo bằng cách chỉ nhằm mỗi phần việc là tạo ra công trường để kiếm thêm công ăn việc làm. Nhưng công-trường ở đâu để thỏa mãn đủ hết số lượng người nghèo ? Nhất là công trường thường đi đôi với máy móc, vẫn bỏ quên những kẻ lỗi thời của xã hội cơ khí.

(4) *Nhưng ở đây trích dẫn theo bài lược dịch « Pauvres au milieu de la prospérité » của Constellation (2-1965).*

Đủ hiểu « cách cho » (sự thiết thực) trong vấn đề viện trợ là cần, cần nhất.

Người ta còn nhớ, hồi Tổng-thống Lyndon B. Johnson mới tựu chức Phó-Tổng-thống, ông đã đại diện Tổng-thống Kennedy, công du qua các nước Nam Mỹ và Á Phi, để giải đáp về chính-sách Hoa kỳ. Tựu trung, ông đã gặp phải nhiều câu hỏi xoay quanh vấn đề viện trợ.

Dân chúng ở các nước nhược tiểu chỉ thắc mắc, đại ý : Có phải Hoa kỳ đã dựa vào lợi tức quốc phòng để giữ thăng bằng cho nền kinh tế không ? Hình như Hoa kỳ đã viện trợ để khai thác, một thứ đế quốc mới ?

Ông Johnson đã trả lời, đại ý : Nếu không tốn kém về quốc phòng, Mỹ sẽ có thể giảm thuế tới 30% ít nhất. Nhiều kế hoạch thuộc phạm vi kiến thiết chưa thời sự được cũng chỉ vì phải dồn khả-năng ngân sách cho quốc phòng, tỷ như một dự án xa lộ trị giá 41.000 triệu mỹ kim còn bị bỏ dở. Tóm lại, kinh phí về binh bị đã gây thiệt hại cho kinh tế, chứ không phải lợi tức quốc phòng đã cứu vãn kinh tế.

Và kế hoạch Marshall độ nào đã chứng minh tinh thần bất vụ lợi trong chính sách viện-trợ của Hoa kỳ.

Sau đó, ông Robert Kennedy, Bộ-trưởng Tư pháp cũng đi Nam-dương, Nhật-bản và Thái-lan, để tìm hiểu thanh-niên (sinh viên) Á châu. Ông lại gặp những câu hỏi tương tự, đại ý : có phải Hoa kỳ cũng là một nước thực dân dưới hình-thức tư bản độc quyền không ?

Ông đã trả lời, đại ý : Mức lương bổng tối thiểu ở Hoa kỳ là 1,25 Mỹ kim một giờ. Tính bổ đồng, hàng năm, chính phủ đã giải quyết được việc làm cho 1 triệu người. Trong dĩ-vãng, Hoa kỳ chưa từng chiếm-đóng một quốc gia nào. Trường-hợp Phi-luật-Tân chỉ là một liên hệ giai đoạn, nhưng ngay sau chiến tranh, Hoa kỳ và Phi-luật-Tân đã trở thành bằng hữu. Trong khi đó Nga sô đã vi phạm những vụ Ban-tích (các nước vùng Baltiquse), BaLan, Litthuia, Hung-gia-Lợi, Đông Đức, Estonia... »

Cả những người đặt câu hỏi và những người trả lời đều có lý. Nhưng phải đứng vào giữa, bằng ý thức vô tư mới nhận thấy rằng chừng nào trong tình bạn còn có sự tra vấn, biện bác thì cả đôi bên chưa gần nhau mấy.

Thường thường nỗi thắc mắc

đã xuất phát từ lòng ngờ vực, và những lời lẽ phân giải thì chưa phải là việc làm.

Như đã nói, Ba Tây thừa hầm mỏ nhưng thiếu đất cầy. Thế mà OAS, trong đó Hoa kỳ có thế lực đã mở trường ở Sao Paulo, dạy về cách thức quản trị... xí nghiệp!

Hoặc nữa, ở Việt Nam Cộng Hòa, hồi mới đình chiến, đang gặp phải ít ra là hai vấn đề lớn: kinh tế và định cư. Nhưng Hoa kỳ đã chú trọng ở địa hạt quân sự.

Đợt đầu, từ 1955 đến 1957, Hoa kỳ đã giúp đỡ Việt-Nam bằng cách gán ghép quỹ viện trợ kinh tế phải gánh sang sở phí quốc phòng đến mức 90 °/o. Hay nói tiền mặt, Hoa-kỳ đã viện trợ quân sự cho VN tới 320 triệu Mỹ kim, còn các khoản khác chỉ có 177 triệu Mỹ kim thôi. Đã thế lại không thỏa đáng nữa: riêng chương trình di cư đã chiếm 93 triệu Mỹ kim, còn các chương trình kỹ thuật, kinh tế, xã hội chỉ có 84 triệu Mỹ kim!

Đành rằng Hoa-kỳ đã có lý của mình. Chẳng hạn, phải nhìn xa, vấn đề quân sự và di cư để đề phòng Cộng sản gây hấn.

Nhưng người ta cũng sẽ có lý của người ta: 5 năm sau, 1960, CS mới gây hấn. Vậy thì Hoa-kỳ đã có ý định động binh trước cả CS?

Là nói thế thôi. Ở đây chỉ muốn đi đến một nhận định: Chừng nào trong tình bạn còn có sự tra vấn, biện bác, thì đôi bên vẫn chưa lấy gì làm gần nhau hiểu nhau.

● ✱

□ DANH NGÔN

Il voyage plus vite celui qui voyage seul
(Kẻ đi mau nhất là kẻ độc hành)

R.Kipling (Les vainqueurs)

cao nguyên

Tuyết Đào (*Qui-nhơn*)

Gió trên tiếng khóc bé thơ
Và đêm không ngủ thức mơ chuyện buồn.
Lần soi đốt gió mà thương.
Rồi nghe nuối tiếc còn vương Lâm-Tuyền.

thôi em

✱ **thanh việt thanh**

Thôi em đừng mãi gục đầu
Ngẩng lên cho quả địa cầu dễ xoay
Thôi em đừng mãi cau mày
Vui lên cho đấng Tr dày ờvuih teo...i

THÁP CHÀM BÌNH ĐỊNH

★ TRẦN - NHÂM - THÂN

THỜI U Ở xưa, nước Việt-Nam thường tiếp-nhận nền văn minh nghệ thuật của hai nước Trung-hoa (ở phía Bắc) và Ấn-Độ (ở phía Tây). Con đường ranh-giới để phân-biệt hai nền văn-minh nghệ-thuật đó đã tràn vào nước ta là dãy Trường Sơn.

Về phía Bắc dãy Trường-Sơn, nền văn minh nghệ thuật của ta thâu nhận được là của Trung-hoa đem xuống. Còn về phía Nam dãy Trường-Sơn thì tiếp nhận nền văn minh nghệ-thuật của Ấn Độ đem sang.

Một điều dễ nhận thấy để phân biệt hai nền văn-minh nghệ-thuật đó là phân biệt lối kiến-trúc những đền đài, chùa chiền, nét điêu khắc...

Lối kiến-trúc của người Tàu thường thường có Long, Lân, Qui Phụng hay Phong, Hoa, Tuyết, Nguyệt, Sơn, Thủy... Trái lại, lối kiến-trúc của Ấn-Độ thì thường uốn nắn cong co (như

các mái chùa...), chạm trổ khắc hoạch...

Do những lẽ trên mà ta nhận thấy những di tích tháp Chàm ở Bình-Định phần nhiều là theo lối kiến trúc của Ấn-Độ cả.

Di tích của người Chàm còn sót lại ở Bình-Định rất nhiều; song hiện giờ đã bị phá hủy hoặc chỉ còn lưu lại vài dấu vết tang thương.., nhưng đáng kể nhất là các ngọn tháp Chàm mà hiện nay vẫn còn tế nguyệt... Đại để ta có thể kể :

I.— Quận Tuy Phước

Về phần quận Tuy Phước ta thấy có cả thảy ba tháp : tháp Đôi, tháp Bánh-ít và tháp Bình lâm.

THÁP ĐÔI (Tour Kmer): Tháp Đôi gồm có 2 ngọn tháp đứng song song với nhau nên được gọi là Tháp Đôi. Tháp xây trên một gò (cụm) đất hơi cao giống như mu (mai) rùa, ruộng vừa đủ để xây tháp, không cây cối. Trên con đường từ Nam ra Bắc, tháp Đôi là tháp ta gặp đầu tiên nhất ở tỉnh Bình-Định.

Cảnh vật ở tháp Đôi chẳng có gì kỳ thú mấy. Xung quanh tháp có nhà cửa bao bọc. Bên cạnh chân tháp có một chiếc miếu.

Tháp Đôi còn có tên gọi khác là tháp Hưng-Thạnh hay Hưng Thịnh (vì thuộc vào làng Hưng Thịnh), tiếng Pháp gọi là Tour Kmer.

Tháp Đôi ở sát cạnh Quốc lộ số 1. Hiện giờ tháp nằm vào khu V, ấp 11 của thành phố Qui-nhơn và cách Qui-nhơn 2 km.

Từ tháp Đôi mà nhìn về phía Đông, ta gặp ngay thành phố chính Qui nhơn; một thành phố xưa kia buôn bán phồn thịnh nhất ở Trung Việt :

Anh về dưới Dã (1) thăm bà
Ghé vô em gởi lượng (2) trà Ô. long (3)

Nhìn phía Đông xong, ta quay nhìn sang Đông Bắc ta sẽ gặp đầm Thị-Nại mà nhớ đến những người con trai sống về nghề chài lưới ở nơi đây rất đa tình.

(1) Dã : trỏ vào Qui-nhơn. Tiếng này rất thông dụng ở Bình Định.
(2) 1kg có 26 lượng.
(3) Trà của người Trung quốc chở sang.

vì họ đã có vợ con, họ ở từ miền biển lên miền trên buôn bán cá, tôm... họ lại tình tự với những người con gái miền này. Người vợ của họ ở nhà hay được tin, sinh ra ghen tuông. Sự ghen tuông nầy rất ý nhị đẹp đẽ.

Anh về dưới dã hồi hôm,
Gánh phân đổ ruộng, gió Nồm bay lên...

Về phía Tây tháp Đôi lại có cầu Đôi — cầu ở trên quốc lộ số 1, bắt ngang qua sông Hà Thanh — Hai hình ảnh nầy nằm gần nhau — cách vài trăm thước — nên đã làm cho những người con trai Bình-Định nào chưa có người yêu thì họ cảm thấy lòng mình cô-đơn, trống trải, thiếu thốn tình yêu, họ thầm trách :

Cầu Đôi nằm cạnh tháp Đôi
Vật vô tri còn biết đèo bồng duyên lứa ; huống chi tôi với nàng.

Và từ cầu Đôi, ta phóng thẳng tầm mắt vó làng Diêu-Trì — thuộc xã Phước-long, quận Tuy Phước — ta sẽ cảm thấy những người em gái ở chợ Lũy và cây Da rất duyên dáng đẹp đẽ, trong bộ áo nâu với chiếc khăn quấn đầu màu xanh :

Ngó vô chợ Lũy, cây Da,
Thấy cô bán rượu áo đà, khăn xanh.

Trong cái đẹp dịu dàng ấy ai mà không thích. Vì vậy, người con trai Bình Định đã thốt nên lời :

Khăn xanh có vi hai đầu
Xé ra may đẩy bỏ trầu ăn chung.

Từ Diêu-Trì ta đưa tầm mắt đi lệch về phía tay trái ta sẽ gặp dốc lỡ một cái dốc nằm trong những dãy núi chạy dài của chi nhánh dãy Trường-Sơn.

Dốc Lỡ có nghĩa là «lỡ vô, lỡ ra» vì dốc này rất hiểm trở. Trong khoảng dài 11 km mà không có nhà cửa, đường lại khó đi, thêm vào đó lại có thú dữ... ai mà chẳng ghê sợ, nếu gặp phải cảnh đường trong buổi chiều xế bóng :

Ngó vô dốc lỡ lài lài,
Tình-thâm nghĩa trượng nhớ hoài không quên.

Tháp bánh ít (Tour d'Argent). — Tháp Bánh-Ít có nhiều ngọn và xây trên một đồi đất đỏ to, cao, trông có vẻ hùng vĩ, uy-nghi, vượt hẳn những tháp chàm ở Bình-Định.

Tháp Bánh-Ít có cả thảy 4 ngọn tháp. Ngọn to nhất xây ở đỉnh đồi, trông giống như chiếc bánh-ít lá gai ; vì vậy tháp nầy được gọi là tháp Bánh-Ít. Ngoài ngọn tháp chính trên, còn có 3 ngọn tháp phụ, nằm rải rác ở chung quanh, hình-dáng thấp và nhỏ bé hơn, trông không đẹp bằng ngọn tháp chính.

Thuở xưa, tháp Bánh-Ít nằm trong phạm-vi của làng Tri-Thiện nên tháp nầy được gọi là tháp Tri-Thiện hay Thị-Thiện. Ngoài ra, còn có những tên gọi khác như ; Tháp Bà-Gi (vì tháp nằm bên cầu Bà-Gi của đường quốc lộ số 1) tháp Thổ-Sơn, tháp Bạc (Tour d'Argent).

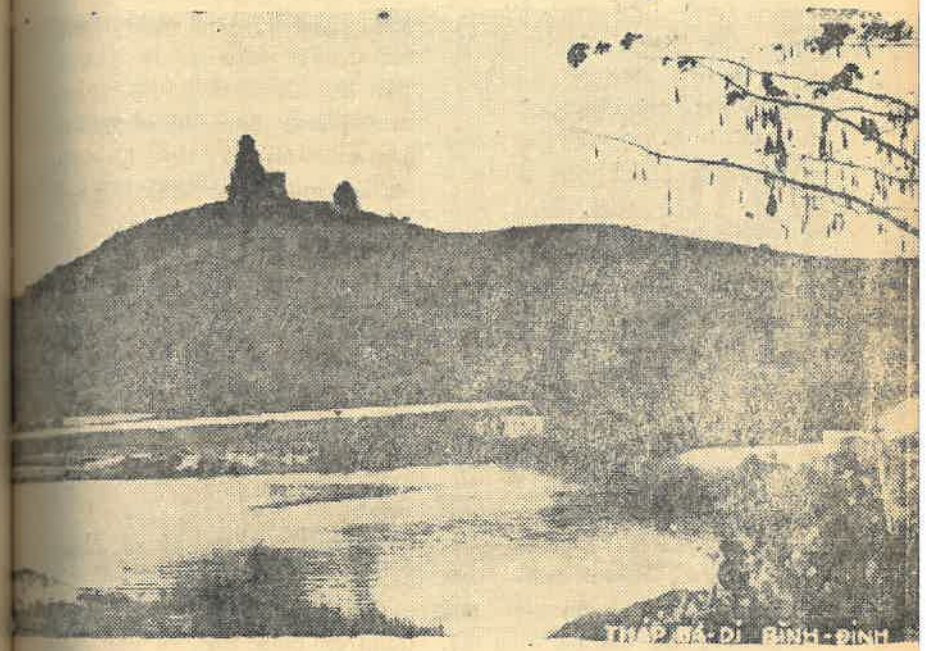

Tháp Bà-Di — Bình Định

Đồi của tháp Bánh-Ít có nhiều trảng to rộng. Đồi nằm bên cạnh dòng Tân-An, sát cạnh quốc lộ số 1. Đồi ở về cuối làng Huỳnh Kim, đầu các làng: Vạn-Mỹ, Phong-Niên và Đại-Lộc, Tháp Bánh-Ít cách Qui-Nhơn 17 Km.

Muốn hưởng hương vị đặc biệt trong cuộc đi thăm các tháp Chàm ở Bình-định, không gì bằng đến tháp Bánh-Ít. Ở đây phong cảnh hữu tình, có gió mát, cây xanh, cảnh-vật kỳ-thú yên tĩnh, có trái cây thơm ngọt trong mùa hè, phơi màu tươi thắm ở trên những trảng của đồi mà khách bốn phương tự do nhậu nhẹt, khỏi phải mất tiền. Hơn nữa, nơi đây có nhiều đá son, có giống chim «tò le» kêu rất kỳ hoặc. Ai đã nghe nó kêu, không thể nín cười được, vì tiếng kêu của nó chậm rãi, rõ ràng: «đóc bà Xã tai! tai!»

Một đặc điểm đáng kể của tháp Bánh-Ít là hiện nay người ta đang tạm lập một cái chùa bằng tranh, dựng trên một trảng của đồi. Khuôn viên của chùa rộng đến hai, ba mẫu tây. Vài năm nữa, chùa tranh này sẽ thay bằng xi-măng, phí tổn trù liệu đến 25.000.000đ, chùa sẽ cất theo chữ Mộn, có ba gian, chánh điện, tả điện và hữu điện. Khi chùa lập xong nó sẽ là trung tâm của Phật-giáo hội ở miền Trung. Trong các kỳ lễ Phật vừa qua, tháp Bánh-Ít là nơi được khách thập phương đặt chân đến rất đông, hơn cả chùa Long Khánh ở Qui nhơn.

Về phía Đông Nam của đồi tháp Bánh Ít, gần đây ty công chánh địa phương đã cho xe đến lấy đất sỏi ở đó để rải vào con đường quốc lộ số 19 làm cho chân đồi của tháp lõm sâu và làm mất vẻ cổ kính của một di tích để lại hai ba ngàn năm nay.

Nếu người Huế trông thấy tháp Bánh Ít thì họ sẽ nhớ đến một loại bánh đặc biệt của đất Bình Định — trông giống như chiếc tháp này — mà đã làm cho họ thèm muốn:

Muốn ăn Bánh-Ít lá gai
Cưới vợ Bình Định sợ dài đường đi

Từ chân tháp Bánh Ít mà nhìn về phía Bắc, ta gặp dòng Tân An uốn mình qua lùm tre xanh, cảnh man mác... Từ giữa lùm tre xanh ấy lại nhô lên một nóc nhà to lớn, lợp tranh (gianh): đó là nhà của ông Trần văn-Huệ ở làng Tri-Thiện (thuộc xã Phước-quang, quận Tuy-Phước) một trong «Bình-định tứ phú» khi xưa:

Nhất Danh.
Nhì Dinh.
Tam Bình.
Tứ Huệ.

Nhìn phía Bắc xong, quay nhìn sang Tây-Bắc, ta liền bắt gặp thôn Huỳnh-Kim, nơi ông Lê-thông-Nhẫn (4) đã sống và cũng là nơi ông đã xây-dựng nhiều công việc hữu-ích cho dân: xây cầu cống, lập xưởng dệt vải bằng máy móc Âu-Tây... Công ông Thông-Nhẫn được người đời truyền qua cửa miệng:

Huỳnh-Kim có bến Tân-An,
Có cầu Thông-Nhẫn, lập đường bán buôn
Buổi xưa kia đường vắng truông truông.
Trong nhà dệt lụa thêu hàng,
Ngoài sân thợ nhuộm, ngoài đường xe-hơi
Khen cho Thông-Nhẫn có tài,
Mua hàng, cất giá các nơi đã đều

Từ phía Tây Bắc ta nhìn sang Nam, đường quốc lộ số 1 đang nằm sát chân đồi của tháp và xa kia — cách vài trăm mét — con đường quốc lộ 19 đang chạy dài. Trong công-cuộc tiếp thu Bình Định (tháng 5, năm 1955), chính quyền Quốc-gia đã đau lòng nhìn cảnh-tượng hoang-phế của những con đường ở Bình-Định do Việt Minh phá-hoại:

Đường Bình-Định gập ghềnh sạn đá.
Đường Phú-Yên xa mã rộn ràng

Thế rồi, chính-quyền Quốc-gia đã dùng nhiều biện-pháp cấp thời để làm cho dân-chúng ấm no

Đầu xuân có tiếng loa vang
Cải cách điền-địa xóm làng yên vui

Tháp Bình-Lâm. — Giữa một vùng quê, đồng ruộng bao la xanh rờn, xóm làng nối tiếp nhau với những lũy tre xanh chạy dài lại mọc lên một ngọn tháp đứng sừng giữa trời trông thú vị biết bao: đó là trường hợp tháp Bình lâm.

(4) Thân phụ của Ô. Lê-văn-Kim, giám-đốc trường Võ-bị Quốc-Gia Đà-Lạt mấy năm về trước.

Tháp Bình-lâm có một ngọn tháp to, cao, xây trên đất liền. Tháp trông xấu xí chứ không đẹp bằng những ngọn tháp khác ở trong tỉnh Bình-Định.

Tháp Bình-lâm ở làng Bình-Lâm, thuộc xã Phước Hòa. Tháp Bình-Lâm còn có tên gọi nữa là tháp Long-Triều.

Tháp Bình-Lâm có tiếng là nhiều Ma, dân bản xứ gọi là Ma Vàng Hời; vì Ma hiện lên phần nhiều thân hình tỏa ánh sáng vàng óng ánh. Vì tháp Bình-Lâm nhiều Ma nên dân làng đã mượn nơi đây để phạt những kẻ làm mất trật tự, an ninh trong làng. Kẻ phạm tội khi nghe sắp bị nhốt vào tháp là đã rởn tóc gáy rồi.

Hiện giờ tại tháp Bình-Lâm dân làng thường thường đem trâu bò đến nhốt, cột. Gần đây, có mấy ông Kỹ-sư người Mỹ ở từ Qui nhơn đến viếng thăm tháp Bình-Lâm và họ có cho biết nơi đây có mỏ vàng nhưng hãy còn non.

Từ tháp Bình-Lâm, ta phóng tầm mắt nhìn quanh, ta sẽ thấy 4 làng của quận Tuy-Phước ở vào nơi bùn lầy nước đọng thuở xưa :

Bình-Lâm, Tú-Thủy, Vạn-Mỹ, Xuân-Phương.

Và 4 xã trong quận Tuy-Phước có tiếng là rộng, dân-chúng tiến bộ, hiểu biết nhiều, dân phần nhiều sống trong an-lạc, đồng ruộng xanh tốt ;

Quang, Hưng, Hòa, Thắng (5)

2—. Quận Bình-Khê

Ở quận Bình-Khê ta thấy có cả thảy hai tháp : Tháp Vân Tường và tháp Thú-Thiện.

Tháp Vân Tường. Tháp Vân Tường kêu là tháp Dương Long thuộc về làng Vân Tường xã Bình Hòa, gồm có 3 ngọn tháp đứng song song : vì vậy, tháp này còn có tên gọi nữa là tháp Ba hay Tam tháp. Trong 3 ngọn này, ngọn ở chính giữa cao hơn hai ngọn nằm hai bên. Người ta còn gọi tháp Vân Tường là tháp Mỹ Thuận vì nó còn nằm vào làng Mỹ Thuận, xã Bình An.

Tháp Vân Tường nằm về phía Bắc dòng sông Côn (hay là sông

(5) Phước-Quang, Phước-Hưng, Phước-Hòa, Phước-Thắng.

Tháp Ba Bình Khê, Bình-Định

Phú Phong) và con đường quốc lộ 19. Tháp này đẹp và ít hư hơn những tháp khác ở Bình Định. Điểm đặc biệt ở tháp này là lòng chân tháp xây hình tròn.

Tháp Thú Thiện (Tour de Bronze).— Tháp Thú Thiện hay tháp Đồng (Tour de Bronze) ở vào làng Thú Thiện, xã Bình Nghi. Tháp nằm về phía Bắc đường quốc lộ 19 và nằm về phía Nam sông Côn cách chừng một cây số.

Tháp Thú Thiện có một ngọn tháp, chân tháp xây hình vuông. Tháp này cách tháp Vân Tường ba cây số.

3.— Quận An-Nhơn

Sau khi chúng ta đi xem những ngọn tháp Chàm ở các quận Tuy Phước, Bình Khê giờ đây chúng ta đi xem các tháp Chàm ở quận An nhơn.

Trong quận An nhơn, các tháp Chàm còn sót lại chỉ có hai tháp : Tháp Cánh Tiên và tháp Phốc lốc.

Tháp Cánh-Tiên (Tour de Cuivre)

Tháp Cánh Tiên xây trên một đồi đất, cao độ vài chục thước. Tháp Cánh Tiên tên chữ là Ô-

Tháp Cánh Tiên Bình Định

Tiên hay Tiên Đực, người Pháp gọi là Tour de Cuivre (tháp Thau)

Tháp nằm vào làng Nam-An trong thành cũ Bình-Định, cách Qui-nhơn 27 km. Tháp Cánh Tiên chỉ có một ngọn tháp.

Vừa rồi, 1960, một phái-bộ của Viện khảo-cổ Việt-Nam ở Sài-gòn có đến viếng thăm tháp nầy và họ đã cho tu-bổ tháp ở những nơi bị lở-lói.

Về phía Tây-Nam tháp Cánh Tiên độ vài trăm thước ta thấy lăng Võ-Tánh ẩn mình trong màu xanh của những cây xoài to tướng

Để tiếc thương lòng trung-nghĩa của Võ-Tánh đối với chúa Nguyễn, người Bình-Định đã mượn tháp nầy làm tiêu đề:

Ngó lên hòn tháp Cánh-Tiên
Cảm thương quan Hậu thủ thiềng ba năm

Phía đông tháp Cánh-Tiên là thành-phố Đập-Đá (6) và ta trông về những làng mạc xa xăm kia nó sẽ nhắc ta đến mối tình « phu phụ »:

(6) Ở thôn phương danh, xã Đập đá, quận An nhơn.

Anh về Đập Đá quê cha,
Gò-găng quê mẹ, Phú-Đa quê chàng.

Kén hàng quê thiếp,
Chàng ơi ! đưa gói thiếp mang.
Đưa gươm thiếp vác nhẹ chàng đi không.

Tháp Phốc Lốc (Tour d' or)

Tháp Phốc-lốc hay Phúc-lộc, tiếng Pháp gọi là tháp vàng (Tour d' Or). Tháp nầy có một ngọn, nằm về xã Châu-Thành (quận Phù-Cát) và xã Nhơn Thành, Phủ-Thành (quận An-nhơn).

Trên con đường từ Nam ra Bắc, tháp Phốc-lốc là ngọn tháp ta gặp cuối cùng của tỉnh Bình Định. Tháp Phốc-Lốc cách huyện Phù-Cát 4 km.

Từ tháp Phốc-lốc mà nhìn về toàn tỉnh Bình-Định, ta sẽ thấy tỉnh nầy rộng rãi, trù phú nhất trong 4 tỉnh : « Nam, Ngãi, Bình, Phú» (7) ; vì vậy, khi xưa các cô gái Huế rất thích lấy chồng người Bình-Định :

Gió đưa mười tám lá xoài
Lấy chồng Bình-Định cho dài đường đi.

Càng nhìn sâu, ta càng thấy tỉnh Bình-Định nơi nào cũng nhà là nhà, không một chỗ trống, không một quãng hở, nhà cất nhau san-sát, nối tiếp nhau, trông có vẻ thân ái đầm ấm :

Bình-định tốt nhà.
Phú-yên tốt ruộng.
Khánh-Hòa tốt trâu,

Có nhìn về Bình-Định ta mới thấy người Bình-Định có giòng máu bất khuất, họ không bao giờ chịu thua kém với ai về bất cứ một sự việc gì. Khi xưa, Bình-định là trung-tâm thi-cử của 4 tỉnh « Nam, Ngãi, Bình, Phú». Bình-Định lại là nơi phải lo việc sắp xếp nơi ăn chốn ở cho sĩ-tử các tỉnh đến thi. Họ xây đắp thành Đồ-bàn để đón sĩ-tử các nơi. Công người Bình-Định to tát đến thế.

Nhưng rồi, trong một kỳ thi, người Bình-Định không được chiếm đầu bảng vàng mà đã để cho người Quảng-ngãi chiếm :

Tiếc công Bình-định xây thành,
Để cho Quảng-ngãi vô giành thủ khoa

Đứng trước cảnh « trái tai, gai mắt » nầy, người Bình-Định không thể chịu được, họ bèn ra công đèn sách để trả thù người Quảng ngãi và kết quả họ thu lượm được rất khả quan.

(7) Quảng-Nam, Quảng-Ngãi, Bình-Định, Phú Yên.

Tiếc rằng Quảng-ngãi đường xa
Để cho Bình-định thả khoa ba lần

Như ta đã biết, Bình Định là một trong những tỉnh của Trung Việt nên khí hậu, phong thổ ở nơi đây cũng chịu ảnh hưởng như những tỉnh ở Trung Việt.

Ông tha thì bà chẳng tha
Một cây lụt lớn hăm ba tháng mười

Sau khi chúng ta đi xem xong các tháp Chàm ở Bình định — tất cả có 13 ngọn — giờ đây chúng ta nhận xét, tìm hiểu lối kiến trúc của người Chàm.

Trong các ngọn tháp Chàm hầu hết ta nhận thấy người Chàm xây cất không vữa (hồ). Ta chỉ nhận thấy họ xắp gạch chồng lên nhau rồi đem nung (đốt), có nơi gạch còn đỏ, có nơi gạch quá chín hóa thành sám đen. Tháp xây theo kiểu chân tròn, vuông hoặc chữ nhật, đỉnh tháp nhọn hay bằng.

Nhưng nếu gạch còn tươi (sống) mà sắp chồng lên nhau rồi mới đốt (nung) sau thì làm sao được ? — Gạch còn tươi (sống) nếu sắp nặng quá sẽ vỡ, và không có hồ (vữa) làm sao lại dính (bám) được, trong lúc đang xây ?

Thêm vào đó, còn có những tảng đá vuông vắn, chạm trổ tinh vi, lành lẽ, bóng láng, to tướng, được đặt trong 4 góc tường (vách) của tháp hoặc làm khung cửa ra vào của tháp. Loại đá đặc biệt này, ngày nay ta ít gặp nó giống như xi-măng trộn (phã) nhiều cát (nghĩa là màu không xanh đậm, hơi xanh trắng lẫn xam xám)

Như trên đã nói, nếu sắp gạch còn tươi rồi nung sau thì làm sao gạch còn tươi chịu đựng được sức nặng của những tảng đá này, hoặc chịu sao nổi bước chân của người dẫm lên gạch không có hồ kết với nhau — để xây tháp hoặc chạm trổ quanh tường (vách) tháp khi thì lồi ra lúc lại lõm vào; có lúc tí teo, khi lại to lớn. Nếu tháp bị nung thì sao những tảng đá dùng làm khung cửa của tháp hoặc 4 góc của tháp sao lại không thấy mang dấu vết lửa đốt?

Còn việc xây cất thì họ làm sao? — Ngày xưa không có máy móc tối tân, phương tiện chuyển vận nhanh chóng, không có làm

sao họ xây được những ngọn tháp rất cao, rất to ở trên những chiếc đồi cao, gò-ghề ?

Lối kiến trúc của người Chàm cách đây mấy ngàn năm về trước như thế là đã văn minh, tài giỏi lắm rồi, Thật là một lối kiến trúc kỳ-công, đến nay ta cũng phải khâm-phục.

Có người lại hỏi « — tại sao có tháp Chàm ? »

Theo như truyền-thuyết thì cho rằng xưa kia dân-tộc Việt và dân tộc Chàm đánh nhau ghê lắm, dân-chúng khổ-sở chết chóc rất nhiều. Chiến-tranh kéo dài nhiều năm nhưng không phân thắng bại.

Thấy dân tình đói khổ, nên Vua quan Việt và Chàm mới bày mưu lập-kế, hễ bên nào xây một cái tháp thật đẹp rồi đem đốt. Tháp ai cháy trước sẽ được ở đất này, còn tháp ai cháy sau sẽ đi ở chỗ khác.

Người chàm vì bản-tánh thật thà, ngay thẳng nên họ ra công xây đắp những ngọn tháp thật chắc, trông rất đẹp, làm bằng gạch. Còn người Việt thì dối trá xây những tháp toàn bằng gỗ rồi phất giấy vẻ rồng vẻ rắn, mã trông đẹp hơn những tháp của người Chàm làm, nhưng bên trong lại rất bở.

Hai dân tộc Việt-Chàm làm lễ tế trời rồi bắt đầu đốt các ngọn tháp. Kết cục những tháp của dân Việt xây lại cháy tàn trước. Còn tháp của người Chàm thì vẫn đứng sờ sờ. Thế nên người Việt được ở lại đất Bình-Định ; còn người Chàm thì phải đi nơi khác để rồi ngày nay bị tiêu diệt dần dần. Truyền thuyết này không đúng lắm chỉ kể nghe cho vui thôi.

Một điều đặc biệt của những ngọn tháp Chàm ở Bình Định là hầu hết đều xây cất vây quanh thành Đồ-bàn. Các tháp này rất cao. Đứng ở bất cứ tháp nào ta cũng trông thấy được thành phố Qui nhơn ; mặc dầu có khi tháp cách xa đến 2, 3 chục cây số.

THẦN THOẠI HY-LẠP LA-MÃ

ENNÉE TRONG LATIUM

ĐÀM-QUANG-THIỆN

RA khỏi địa ngục, Enée từ giã Sibylle đi về phía cửa bể. Chàng cùng bọn tùy tùng lên tàu tiến về phía bắc. Nửa đêm họ qua trước đảo của Cricé. Enée trông thấy qua chấn song của những chuồng các người mà Circé đã hóa thành thú dữ : gấu, lợn lòi, chó sói v.v... đang gầm thét. Đoàn thủy quân thẳng tiến và đến lúc mặt trời mọc họ đến cửa sông Tibre. Một rừng rộng lớn có hàng ngàn chim đang bóng trên sông. Họ buộc tàu vào cửa bể rồi đổ bộ dọn bữa ăn. Vì không có bàn nên họ để các món ăn lên những bánh làm bằng bột lúa mì. Ăn xong thức ăn, thấy hãy còn đói, họ liền ăn cả các bánh đó. Ascagne thấy thế cười mà nói : « Thế nào, chúng ta đói đến nỗi ăn cả bàn ư ? » Nghe câu ấy, Enée chợt nhớ đến lời của Céléno thì mừng rỡ mà reo lên : « Thế là lời nguyền của con Harpye đã thực hiện. Chính đây sẽ là tổ quốc của ta ! Chào thân ái ! » Tức thì Enée sai người đem các đồ cống hiến đến dâng vua xứ đó để cầu hòa. Vua xứ Latium lúc ấy là Latinus. Ông không có con trai chỉ có một con gái là Lavinie mà

hoàng hậu Amata định gả cho vua Rutules tên là Turnus. Cuộc hôn lễ đáng lẽ cử hành rồi nếu không có những việc xảy ra ngăn trở. Và lời thần dạy ở Faunus bảo Latinus không nên nghe lời hoàng hậu mà cho cưới Lavinie. Phò mã sẽ phải là một người lạ từ xa lại và sau này con cháu người đó sẽ chinh phục cả hoàn cầu. Lúc vua Latinus thấy các sứ giả của Enée đến thì ông nghĩ ngay đến lời thần dạy nên tiếp đón họ rất long trọng và hứa gả Lavinie cho Enée. Nghe tin đó hoàng hậu Amata nổi cơn lôi đình và đem con gái đi trốn. Bà lại xui phụ nữ Latium nổi lên chống lại Enée. Chính Turnus cũng hưởng lời kêu gọi đó. Trong khi ấy thì Ascagne bắn chết con hươu quý của con gái viên quản lý ở Latium. Nàng kêu khóc nên thấy vậy bọn nhà quê Latium vác gậy gộc đi tìm Ascagne. Bọn thanh niên Troie cũng đàn trận để bênh vực tiểu chủ. Máu chảy. Turnus tức giận kêu gọi các dân tộc bạn tuyên chiến với Enée khiến chàng lo ngại phân vân vô cùng. Một hôm, mơ mơ màng màng chàng thấy vị thần xứ đó là Tibre hiện làm một ông già bảo chàng : « Enée, đừng sợ hãi gì cả ! Chính đây là nơi trú ngụ của ngươi. Bao giờ ngươi thấy một con lợn lòi trắng với ba mươi lợn lòi con thì đó chính là chỗ ngươi phải xây thành Troie mới. Muốn thắng được trong cuộc chiến này ngươi hãy đi tìm Evandre ở Pallantée để xin ông cho những Arcadiens đến giúp. Ông ta sẽ ưng thuận vì dân tộc đó luôn luôn chống lại với người Latinus. »

Tỉnh dậy Enée ngạc nhiên thấy gần đó trên cỏ xanh một con lợn lòi trắng với ba mươi con. Suốt đêm hôm đó, chàng sửa soạn tàu bè tiến về phía Pallantée. Chàng vào ra mắt Evandre mà nói : « Hỡi Evandre, dòng dõi của Maia, con gái Atlas, tôi không ngần ngại đến cầu cứu anh vì chúng ta cùng chung một giòng máu. Dardanus người sáng lập ra Ilion và là ông tổ của thành Troie cũng là con của Electre, con gái của Atlas. Dựa vào

những tổ tiên chung, vào đức hạnh và danh tiếng của anh, tôi đến yêu cầu anh giúp đỡ tôi. Dân Rutulus đã tuyên chiến với chúng tôi, định đuổi chúng tôi khỏi đất này là nơi các thần đã bảo chúng tôi tìm đến... » Evandre nghe nói lại nghĩ đến Anchite và ưng thuận ngay. Nhân thể ông đang sửa soạn tế Hercule, nên ông mời Enée hãy ở lại dự hội đó. Ông kể lại cho Enée nghe : « Ngày hội hôm nay là để tỏ lòng biết ơn Hercule. Nguyên ngày xưa trong hang mà các bạn còn trông thấy kia có một tên quỷ ghê gớm tên là Cacus, con của Vulcain. Lúc nào hắn cũng khạc ra những ngọn lửa đỏ ối và treo ở cửa hang thủ cấp của những người bị hắn giết chết. Một hôm các thần thương hại chúng tôi nên run rủi cho Hercule đánh đàn bò đi qua đây. Cacus ra cướp lấy bốn con bò mộng và bốn con bò cái kéo dật lùi lại đầu vào hang. Lúc Hercule đánh bò đi, những con bò kêu rống lên và những con trong hang trả lời lại. Hercule tức giận tìm cách giết chết Cacus trừ hại cho dân. Nhớ ơn đó, dân sự lập một đền thờ chàng và cứ mỗi năm lại một lần cúng tế ». Sáng hôm sau Evandre giúp cho Enée bốn trăm con ngựa và cho con trai là Pallas cùng đi với chàng. Ông lại khuyên Enée nên liên kết với bọn Étrusques mà trừ tên hôn quân vô đạo Mézence. Nguyên tên này rất tàn bạo dã man. Hắn thường bắt trói người sống úp mặt và tay áp tay vào với người chết cho đến khi người ta bị chết thì thôi. Dân Etrusques phẫn uất vì bạo sự tàn ác như vậy nên vây lâu đài nhà vua, giết những người làm phúc của hắn rồi đốt cháy hết dinh thự. Vua Mézence trốn thoát sang ở nhờ Turnus. Toàn dân Etrurie nổi dậy và chỉ chờ có dịp là sang đòi Turnus giao trả tên hôn quân đó. Enée nghe lời đi cầu cứu dân Etrusques. Trong khi ấy Vénus đến yêu cầu Vulcain đúc cho con bà một bộ binh giáp cũng đẹp như bộ binh giáp ông đã đúc cho Achille ngày trước. Vì Vulcain trông tương lai cũng rõ như quá khứ nên ông đã

chạm trên mộc đó mọi chiến công oanh liệt của người La Mã sau này. Enée không ngờ đã đeo trên mình tất cả cái danh vọng và định mệnh của con cháu chàng.

Trong khi Enée đi tìm quân cứu viện thì Turnus lợi dụng sự vắng mặt của chàng để đến tấn công trại Troie. Theo lời dặn của Enée trước khi đi, họ nhất định chỉ giữ thế thủ không chịu rời bỏ doanh trại. Turnus không sao được bèn lấy những đuốc có nhựa ném vào các tàu Troie hy vọng họ sẽ phải ra. Nhưng vị nữ thần Cybèle không muốn cho những tàu làm bằng cây lấy ở núi Ida trong rừng thiêng của bà, bị ngọn lửa bất kính đốt cháy nên làm phép cho những tàu lặn xuống nước và hiện ra xa thành những vị Nymphes. Turnus cho điềm đó là các thần cấm quân Troie không được dùng đường bể, còn trên bờ thì hắn chắc chắn là thế nào cũng thắng. Hắn bèn cho đốt lửa chung quanh doanh trại quân Troie. Các bạn Enée lo sợ không biết làm thế nào thì hai người bạn thân là Nisus và Euryale xin phá vòng vây ra ngoài đem tin cho Enée. Lúc đó quân Rutules say rượu đang ngủ cả nên tha hồ cho hai chàng chém giết họ. Không may cho Euryale vì nấn ná mang theo các đồ vật lấy được của quân Rutules bị giết nên bị Volscens đem quân tiếp viện cho Turnus, bắt giải đi. Nisus chạy thoát vào rừng chờ mãi không thấy bạn đến bèn lộn lại tìm. Lúc thấy bạn bị bắt, chàng tức giận giết chết tên lính giải Euryale. Volscens không trông thấy Nisus đâu, tức giận giết chết Euryale. Nisus muốn trả thù cho bạn bèn nhảy xổ lại đâm chết Volscens, nhưng chàng cũng bị quân Rutules giết chết.

Sáng hôm sau, trước khi ra trận, quân của Turnus bèn dẫn Nisus và Euryale trước trại Troie khiến quân của Enée càng hoảng sợ. Cuộc đấu rất dữ dội. Quân Troie vốn thiện chiến và quen giữ thành nên vẫn giữ vững được doanh trại.

Trong khi đó, Enée sang sứ Etrurie cầu cứu vua Tarchon là

người nối ngôi Mézence. Lập tức vị vua đó giúp cho chàng ba mươi chiến thuyền chở các chiến sĩ võ trang đầy đủ tiến về cửa sông Tibre. Đang đi Enée chợt trông thấy trên mặt nước một bọn Nymphes theo tầu của chàng. Một trong bọn tên là Cymodocée bảo chàng : « Hãy mau lên, Enée, chúng ta đây chính là những tàu của chàng mà vị nữ thần Cybèle đã hóa thành Nymphes để tránh khỏi bị Turnus đốt cháy. Chàng hãy tiến lên vì dinh trại Troie đang bị Turnus tấn công ». Nói xong Cymodocée lấy tay đẩy một cái tức thì tàu của Enée tiến như bay trên mặt nước. Sáng sớm quân Troie trông thấy tàu cứu viện đến mừng rỡ phần khởi vô cùng. Họ reo hò ầm ỹ. Turnus thấy thế vội chạy ra bờ biển định ngăn không cho quân cứu viện đổ bộ, nhưng muộn quá rồi. Quân Etrusques sợ có sự cản trở đã kéo cả tàu lên bờ. Cuộc xung đột thật là sôi nổi. Cả hai bên sự tổn thất đều nặng nề. Chính con trai của Evandre là Pallas cũng bị chết. Còn bên kia thì Mézence bị Enée làm cho bị thương. Hắn đang sắp bị chàng giết chết thì con trai hắn là Lausus đến chặn trước mặt Enée cho cha rút lui. Enée tức giận đâm chết Lausus. Mézence thấy con chết chạy lại cố sức tấn công kẻ thù. Enée chống giữ một hồi sau đâm ngọn giáo vào trán con ngựa của Mézence. Con vật chồm lên hất ngã chủ xuống rồi lăn ra chết. Enée đâm chết nốt Mézence. Còn Turnus, Junon muốn cứu hắn nên hóa phép cho một Enée giả chạy trước mặt hắn. Hắn mãi đuổi cái bóng đó nên ra khỏi bãi chiến trường và thoát chết.

Ngày hôm sau, Enée thắng trận ra lệnh đình chiến trong mười hai hôm để cho quân địch đi tìm các xác chết của họ đem về chôn cất.

Trong khi đó, ở Lavinium vua Latinus hội họp các bô lão trong xứ. Ông định cho Enée một thửa đất để chàng xây thành, nhưng Turnus không chịu. Họ còn đang bàn định thì quân đội Troie đã kéo đến đầy cánh đồng. Turnus liền giao cho bà Camille là nữ hoàng của quân Volsques nhiệm vụ ngăn cản đoàn kỵ binh của Enée. Cuộc đấu rất là ghê gớm. Camille sau một cuộc chiến anh dũng đã bị chết khiến quân Volsques và Rutules tan tác phải rút lui cả về thành. ● ✶

quê hương tôi S.O.S

(gởi về QUẢNG-NAM)

Quê hương tôi, toàn hầm chông cạm bẫy
Con đường làng lỗ lói vết đạn bom
Mẹ già sợ, lo, tiều tụy hao mòn
Bà con tôi chết, xác thân không toàn vẹn

Quê hương tôi, hai mùa mưa, nắng
Người dân cần cù, có tranh giựt gì đâu ?
Sao đạn bom cứ trút mãi lên đầu
Máu, lửa, lệ, nhuộm bầu trời đen nghịt

Quê hương tôi, đương nồi da xáo thịt !
Không thương dùm còn xúi dục làm chi ?
Thượng-đế ôi ! Con van lạy, cúi quỳ,
Thân bé nhỏ xin về chầu Thượng-đế

Quê hương tôi, buồn thương bao xiết kể
Vợ xa chồng, bầy con trẻ mất cha
Bến Hải phân chia, hai mảnh sơn hà
Thù, chém giết, ôi đau lòng đất mẹ

Quê hương tôi, chắc rồi đây quạnh quẽ
Chỉ còn toàn những đồ nát điêu linh
Bắc, Nam ôi, thấm thiết biết bao tình
Đem thương xót cứu giùm Quê-hương với

✶ BÙI-TRÌNH-TÂM
KBC : 3485

DANH TỪ LÃNG MẠN TRONG VĂN-CHƯƠNG VIỆT-NAM

✱ ĐÔNG-TÙNG

CHO tới nay, danh từ «lãng mạn» trong văn chương đang có một sự hàm hồ vì nó quá trừu tượng đã làm khó khăn cho anh chị em học sinh, sinh viên trong khi quy định các tư trào, văn phái, tác giả, tác phẩm trong văn học sử V.N..

Điều đó không phải không có lý do chánh đáng, vì những nhà viết văn học sử mà còn có những nhận xét, quy định khác biệt sau đây:

Ví dụ :

Trong « Việt-Nam văn học sử yếu» chương thứ 20, Giáo sư Dương-quảng-Hàm viết :

« ... trong các nhà văn có khuynh hướng về tình cảm ta nhận thấy có nhiều tính cách khác nhau ; hoặc là tình cảm lãng mạn như Hồ-Xuân-Hương, Chu-mạnh-Trinh, hoặc là tình cảm hào hùng tao nhã của một bậc đại nhân như Nguyễn-công-Trứ ; hoặc tình cảm phẫn uất, chán nản bất đắc chí như Cao-bá-Quát... ».

Trong « Văn học sử V.N » văn - chương chữ nôm, chương II tiết III với tiêu đề « Thi sĩ tình cảm » thì Giáo sư Thanh Lãng lại viết như sau :

« Trong các nhà có khuynh hướng về tình cảm, ta nhận thấy có nhiều tính cách khác nhau, hoặc tình cảm lãng mạn như Hồ-xuân-Hương, Chu-mạnh-Trinh..., hoặc tình cảm hào-hùng như Nguyễn-công-Trứ, Cao-bá-Quát.

Hai nhà viết về văn học sử trên đây, đối với các tác giả đã có những nhận xét đi đồng :

1. — Cả hai ông đều nhận Hồ-xuân-Hương, Chu-mạnh-Trinh là những thi sĩ có khuynh hướng lãng mạn.

2. — Đối với Nguyễn-công Trứ và Cao-bá-Quát thì hai ông lại có những nhận định khác nhau.

Vì theo ông Dương-quảng Hàm, thì Nguyễn-công-Trứ không có khuynh hướng lãng mạn, mà chỉ là một văn sĩ có tình cảm hào hùng tao nhã ; và Cao-bá-Quát cũng vậy, họ Cao chỉ có tình cảm phẫn uất chán nản của một người bất đắc chí. Trái lại Giáo sư Thanh-Lãng lại bảo rằng : Nguyễn-Công-Trứ là ông tổ phái lãng mạn, nhưng nếu không phải là ông tổ thì ít ra cũng là một chiến sĩ tiền phong của những tư tưởng lãng mạn cực kỳ đó.... (Văn học sử Việt-Nam, văn chương chữ nôm trang 74).

Về nhận xét ông Cao-Bá Quát cũng vậy, cũng sách nói trên trang 88, ông Thanh Lãng viết : trong con người lãng mạn ngông cuồng ấy...

Lại nữa, Giáo sư Phạm Văn-Diêu, trong « Việt-Nam thi văn giảng bình » đoạn nhận xét về Nguyễn-Công Trứ và Cao-Bá-Quát, thì hoàn toàn khác biệt cả hai ông Dương-Quảng-Hàm và

Thanh-Lãng.

Về Nguyễn-Công-Trứ ông Diêu viết Nguyễn-Công-Trứ thiệt xứng đáng là một nhà thơ khai phóng, mở đầu cho nền văn học nhà Nguyễn, mang cả một mầu sắc riêng: Khuynh hướng, Hưởng thụ, Tích-cực.

Khi nhận xét về họ Cao, ông Diêu lại viết : « Cao Bá Quát là một thi nhân tiêu biểu rõ rệt cho khuynh hướng hưởng thụ, tiêu cực».

Lại đến như Nguyễn-Du, tác giả « Đoạn trường Tân thanh» thì cả ba vị Giáo-sư viết văn học sử kể trên, đều không cho là có tư tưởng lãng mạn, có khuynh hướng lãng mạn cả. Đó là một điểm làm cho bọn hậu học chúng ta không khỏi nghi ngờ.

Các vị giáo sư, các nhà viết văn học sử, mà còn có những tình trạng trống ngược kèn xuôi như vậy, thì những học sinh tránh sao khỏi chập chừng bỡ ngỡ giữa biển học mênh mông.

Tại sao lại có tình trạng như thế ? phải chăng vì chúng ta chưa có một sự xác định về danh từ lãng mạn cũng như nội dung khuynh hướng lãng mạn trong văn chương.

Thiệt vậy, khi chúng ta chưa nhận thức rõ củ khoai từ, củ khoai nưa và củ khoai môn, thì có thể nhận củ khoai này sang củ khoai khác, là một việc mà chúng ta không đáng ngạc nhiên.

Có lần chúng tôi hân hạnh được hầu chuyện một vị giáo sư già, nhân thảo luận tới vấn đề đó, vị giáo sư ấy nói :

« Muốn có một nhận định rành mạch cho khỏi lầm lẫn về vấn đề đó, trước hết chúng ta phải :

a) Xác định danh từ lãng mạn, nhất là tiếng lãng mạn trong văn chương.

b) Phải tìm hiểu cho rành mạch về văn phái lãng mạn của Pháp vì chữ «lãng mạn » của ta là dịchchữRomentique của Pháp ; phái văn học của

Pháp gọi là Romentisme, nếu không tìm từ nguồn gốc, thì khó mà minh định được rành rọt.

Vậy lãng mạn là gì :

Lãng là sóng, Mạn nước tràn ra ; lãng mạn nghĩa đen là sóng nước tràn ra, nghĩa bóng chỉ cái gì không chịu bó buộc, thích tự do phóng khoáng.

Cũng cần phải nói rõ thêm ở đây rằng : nghĩa đen và nghĩa bóng hai chữ lãng mạn chỉ có thế. Ấy thế mà đã có người, trong đó có cả các cụ Đồ nho thường cho rằng, văn thơ lãng mạn là một lối văn mơ hồ, diễm tình, có hại cho bọn thanh niên nam nữ.

Thế nào là văn chương lãng mạn :

Ở đây cuốn Từ-Hải của Trung-Hoa định nghĩa :

« Thập bát thế kỷ trung diệp, chí thập cửu thế kỷ sơ kỳ, Âu châu văn nghệ tư tưởng giới chi chủ trào, nhân phản kháng cổ điển chủ nghĩa nhi khởi, kỳ công cộng đặc trưng hữu tam. Nhất : trọng chủ quan, thượng lý tưởng, đả phá nhất thiết hình thức, nhi dị hào phóng túng thứ chi cá nhân tình tự vi quý. NHỊ : Hiếu kỳ, thượng mỹ, dĩ bình phàm chi nhật thường sinh hoạt, bất túc dĩ động thính văn, cố thủ tài trung cổ nhi gia dĩ tuyên nhiễm chi miêu tả. TAM : Cách mạng tinh thần phản kháng nhất thiết câu thúc cá nhân tự do chi nhân tập đạo đức xã hội pháp độ... Lãng mạn chủ nghĩa vận động sơ khởi ư Pháp, Anh, Đức tam quốc nhi phổ cập ư toàn Âu Châu. »

Nghĩa là một trào lưu tư tưởng của văn nghệ Âu Châu bắt đầu giữa thế-kỷ 18 tới đầu thế kỷ 19. Để chống lại văn phái cổ điển, văn trào này có ba đặc tính :

1 — Chú trọng cái ta, sùng thượng tư tưởng, đả phá mọi công thức cổ điển, lấy phóng

khoáng, cởi mở của con người trên hết.

2 — Thích cái lạ, ham cái đẹp, tưởng tượng, hư cầu những thực trạng đẹp hơn của những điều tai nghe mắt thấy hàng ngày.

3 — Chú trọng tinh thần cách mạng, chối bỏ công thức, tập quán xã hội đã trói buộc con người, làm tổn thương đến tự do cá nhân. Văn trào nầy khởi điểm từ ba nước Pháp, Anh, Đức sau đó tràn khắp Âu Châu.

Định nghĩa một danh từ mà tác giả Từ-Hải đã cho ta ngần ấy nội dung, cũng tạm gọi là đầy đủ.

Nhưng nói tới danh từ « lãng mạn » trong văn chương Việt-Nam mà ngày nay chúng ta đang dùng, nó liên quan mật thiết với chữ «Romentique» hay là « Romentisme» của Pháp. Để hiểu một cách rành mạch, chúng ta hãy chịu khó tìm hiểu văn phái nầy của Pháp.

Văn phái Lãng mạn (Le romentisme) của Pháp.

1 — Do lai, hình thành và phát triển.

2 — Nội dung và hình thức

3 — Những tác giả và tác phẩm biểu tượng cho văn phái nầy.

— Thoái trào của văn chương lãng mạn.

— Ảnh hưởng văn chương lãng mạn Âu châu sang Trung Hoa và Việt Nam.

Do lai của tư trào văn chương lãng mạn ở Pháp.

Giữa thế kỷ 18, nhờ khoa học thực nghiệm, người ta đã phát minh được máy hơi nước và máy nổ, nền kinh tế kỹ nghệ và đại thương đã thay thế một phần lớn cho nền kinh tế thủ công, tiểu thương và nông nghiệp cổ điển.

Với những cuộc viễn du giao hòa giữa người Pháp với người Anh, Đức, Mỹ v.v. với mục đích thương mại và kỹ nghệ làm cho cuộc sống

nói chung của con người ngày càng phát triển, đòi hỏi sự mở rộng, phóng khoáng mọi mặt của xã-hội đương thời, cho nên đối với nền văn học « cổ điển » (Les Classicisme), ở nước Pháp lúc đó. Với những công thức, ước lệ, thúc phược, gò bó, làm thui chột khô cạn nguồn tình cảm của con người, nhất là con người nghệ sĩ. Bởi vậy, văn trào cổ điển không thể tồn tại, tất nhiên nó phải ngừng bước để cho một văn trào mới, phóng khoáng tự-do, đáp ứng đúng nhu cầu sinh tâm lý của đương thời ra thay thế. Đó là văn trào lãng mạn.

Hình thành và phát triển

Kinh nghiệm lịch sử cho hay, mỗi một khi cái cũ không còn thích hợp nữa, lẽ tất nhiên phải tàn rụi rồi chết đi, để nhường bước cho cái mới hợp thời hơn, đáp ứng đúng nhu cầu thời đại hơn lên thay thế.

Nhưng trước khi tắt thở, bao giờ và ở đâu cái cũ kia cũng triển hết tàn lực để phản ứng ; rầy chết lần cuối cùng.

Vậy thì văn trào cổ điển Pháp vào bán thế kỷ 18, trước phút chuyển mình cũng có những hiện trạng khá buồn cười.

Số là hồi đó tại nước Pháp, văn trào mới; văn trào lãng mạn đã bắt đầu hình thành và đang phát triển, những tác giả mới bắt đầu xuất hiện, với chủ trương triệt hạ bức thành kiên cố « văn trào cổ điển » lúc đó, những nghệ sĩ mới đã dùng một danh từ khá dí dỏm là « Majister dixit » mà gần đây người Việt chúng ta đã dịch một cách bóng bẩy, hài hước là « Tử viết » cũng như anh em văn nghệ sĩ trong « Nhân văn giai phẩm » miền Bắc gọi hài hước bọn văn

nghệ Mác sít là « Mác nói ».

Tuy nhiên, văn phái cổ điển chưa dễ gì giơ tay đầu hàng, mà trái lại họ cũng phản công lại khá dữ dội. Nghĩa là trong khi phái mới đang phát triển, thì phái cũ vẫn tiếp tục tổ chức những thi đàn (salon litéraire) họ cùng nhau xướng họa ngâm nga. Không biết rằng họ có nhớ rung đùi hay không(?) có điều chắc chắn là «thơ thi xã, thuyền Nghệ-an» thì xa Ba lê và Véc-xây lắm. Ngoại trừ chiến thuyền thực dân, chở đầy lính và súng năm 1858 tới Đà-Nẵng, năm 1859 tới Saigon, năm 1872 tới Hồng Hà để công phá Hà nội, năm 1883 tới cửa Thuận-An để xâm lăng Huế, thì lại là một chuyện.

Trong văn học sử nước Pháp có ghi nhận: có một lần nhân diễn một vở kịch của phái mới, nội dung cũng như hình thức hoàn toàn phá vỡ tất cả những cái gì là ước lệ, công thức, cổ điển, được tất cả khán giả hoan hô nhiệt liệt, trong khi văn phái cổ điển lại la hét đả đảo... cuối cùng thành một cuộc ẩu đả mà văn học sử Pháp gọi là «chiến tranh» (Hernani). Nhưng rồi mặc.. con lừa «lãng mạn» cứ đi, để làm tròn nhiệm vụ lịch sử nhất định.

Nội dung và hình thức

Nội dung cũng như hình thức của tư trào văn chương lãng mạn ở Pháp hoàn toàn trái lại với «Cổ điển», ví dụ:

Về nội dung:

1 - Văn chương cổ điển chủ trương lý trí chế ngự tình cảm, thì ngược lại văn chương lãng mạn chủ trương tình cảm phải đặt lên hàng đầu trong mỗi thành phần tác phẩm.

2 - Văn chương cổ điển, lấy triết lý Socrate, thứ triết lý đã được đại Đế quốc La Mã công nhận. Thì ở đây văn phái lãng mạn cũng không hoàn toàn chối bỏ hết, nhưng họ còn đòi hỏi thêm là phải du nhập từ nước ngoài vào hoặc tự phát triển ra những hệ thống triết lý khác nữa, đó là vấn đề căn bản tự do tư tưởng của chế độ tư sản dân quyền của cuộc cách mạng Pháp (1789).

3 - Văn chương cổ điển, buộc văn nghệ sĩ phải lấy nguồn cảm công giáo (Inspiration religieuse) làm căn bản sáng tác. Điểm đó văn phái lãng mạn cũng không hoàn toàn chối bỏ, nhưng họ còn tinh tế hóa hơn nữa, mặt khác họ còn đòi hỏi, ngoài nguồn cảm công giáo, người nghệ sĩ cần phải dung hòa mọi nguồn cảm dị đồng khác nữa, ấy mới gợi được là tự do.

4) Văn chương cổ điển không chấp nhận sự tưởng tượng, hư cầu của người nghệ sĩ, trái lại văn chương lãng mạn lại tuyệt đối đề cao cái đó. Vì họ cho rằng : người nghệ sĩ không những có nhiệm vụ phản ảnh thực tại xã hội, mà còn có nhiệm vụ xây dựng những viễn ảnh tốt đẹp hơn, để đưa xã hội bước tới.

Về hình thức

1) Văn chương cổ điển tuyệt đối nghiêm trang. Văn chương lãng mạn cũng không hoàn toàn chối bỏ sự nghiêm trang đó. Nhưng họ chỉ chối bỏ lối nghiêm trang trưởng giả, nghiêm trang của ông vua ngồi trên ngai vàng.

2) Cũng như ở Trung-Hoa và Việt-Nam, văn chương cổ điển tại Pháp, chuyên dùng điển cố trong tác phẩm, do đó mỗi tác phẩm mới gần như bị lệ thuộc vào sách vở cũ ; văn-chương lãng mạn hoàn toàn chối bỏ chủ trương đó, mà họ đề cao tinh

thần phóng khoáng sáng tạo trong mọi tác phẩm.

3) Cũng như ở Trung-Hoa và Việt Nam, văn chương cổ điển ở Pháp rất ước lệ và công thức, thôi tao về từ điệu, thì văn chương lãng mạn lại chủ trương giải phóng về niêm luật, phá vỡ công thức, ước lệ, đề cao về từ điệu người ta chỉ cần diễn đạt những cái gì mà người văn nghệ sĩ muốn nói.

4) Văn chương cổ điển phủ nhận cái ta, cho rằng cái ta trong văn chương là cái đáng ghét, (le moi est haissable) trái lại văn chương phái lãng mạn lại phụng sự cái ta, đề cao cái ta trong tác phẩm văn nghệ.

Đây phải chăng là hiện thân của chủ nghĩa tư sản Dân quyền, đề cao và phụng sự cá nhân.

5) Ngoài đấng Thượng-Đế, văn chương cổ điển ở Pháp đối với thiên nhiên không có gì là hệ trọng, nói cụ thể hơn, tình yêu thiên nhiên rất ít, vì không thấy đề ra trong đường lối sáng tác văn chương cổ điển ở Pháp.

Trái lại tình yêu thiên nhiên, ca tụng cảnh vật thiên nhiên, là những tiêu chuẩn sáng tác quan trọng của văn phái lãng mạn.

Ví dụ vài vần thơ sau đây của Lamartine đã chứng minh điều đó.

O objets inanimés
Avez vous donc une âme,
Qui s'attache à notre âme
Et la force d'aimer.

Tạm dịch :

Hỡi vật vô tri !
Các ngươi có chăng một linh hồn
Nó quyến luyến
Và buộc linh hồn chúng ta phải yêu đương

Những tác-giả và tác-phẩm điển hình cho văn phái Lãng mạn ở Pháp :

Victor Hugo với Hernani. Les Misérables, Notre Dame de Paris.

Lamartine với : Poésie, Harmonie poétique.

Và Chateaubriand với : Attala René.

Thoái trào của văn chương lãng mạn ở Pháp.

A) — Nguyên nhân chính.

Vũ trụ tự nhiên và nhân sinh xã hội là một bộ máy khổng lồ luôn luôn biến chuyển để tiến và tiến mãi. Vì vậy tất cả những cái gì, thuộc lãnh vực nào cũng không thể phù hợp được với tất cả mọi không thời gian, hay nói cụ thể hơn nữa, tất cả những cái ra đời bởi hoàn cảnh lịch sử xã hội nào, nó chỉ thích ứng cho bối cảnh xã hội ấy ; tất nhiên khi hoàn cảnh xã hội biến chuyển khác đi thì nó trở thành lạc hậu, lỗi thời và tàn rụi để rồi cái khác mọc lên thay thế đáp ứng đúng nhu cầu xã hội hơn.

Nguyên nhân chính của sự thoái trào văn chương lãng mạn tại Pháp, cũng không thể chạy ra ngoài công lệ đó.

B) —Nguyên nhân thứ hai :

Văn chương lãng mạn Pháp đã xuất hiện và phát triển để hoàn thành nhiệm vụ lịch sử văn học nước Pháp một cách vẻ vang trong một gian đoạn lịch sử nhất định. Nhưng tiếc rằng trong khi tiến người ta đã đề nó tiến trật đường rầy, đúng như câu triết gia Proudhon nói : «có những dịch hóa đi lên thì cũng có những dịch hóa đi lui ; tiến sai hướng, tiến trật đường rầy là dịch hóa đi lui vậy... »

Vì tiến trật đường rầy đó, mà văn chương lãng mạn Pháp đã biến cái nghĩa chính xác « tự do phóng khoáng cởi mở rào rạt » thành ủy mị mơ mộng ; trí tưởng tượng hữ cấu của người nghệ sĩ đứng đắn lúc ban đầu đã trở nên ảo huyền, không tưởng.

Lối văn lãng mạn phá sản đã tạo ra một số thanh niên Pháp thành những người mất trí đấu tranh, trở nên huyền bí, xa vời thực tế, lấy cá nhân khoái lạc làm lẽ sống !

Nó kết quả tất nhiên của nền văn học lãng mạn đưa tới thoái trào để nhường bước cho một cái khác mọc lên thay thế.

(còn nữa)

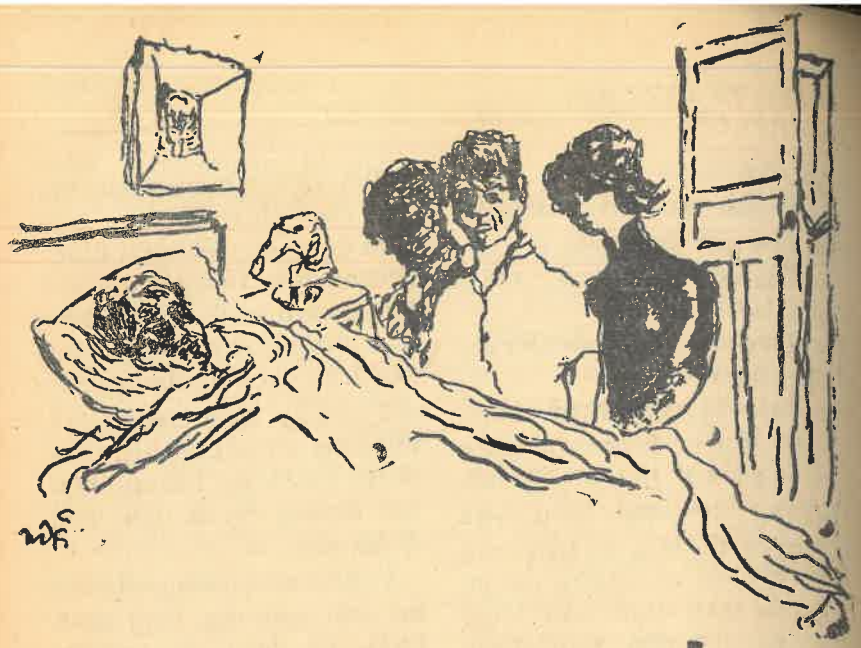

CÁI CHẾT CỦA MỘT NGƯỜI ĐÀN ÔNG ĐỘC THÂN

Truyện ngắn : HOÀNG HẢI THỦY

(tiếp theo P.T. 171)

ÔNG thầy thuốc đỡ tờ giấy nhầu nát và ngả màu vàng trên tay người bô già, và thấy có ghi năm tên người trên giấy. Tên ba người bọn nọ, tên một người bạn đã chết hai năm trước đây, và tên một người lạ. Người bô già nói rằng người lạ đó là một ông chủ xưởng dệt, chủ y vẫn đi lại, thăm hỏi ông chủ xưởng dệt này, nhưng cách đây vài năm, ông này đã sang Pháp và ở luôn bên ấy.

Ba người nhìn nhau. Cả ba cùng cảm thấy một cảm giác tò mò khó chịu.

— Như vậy là nghĩa lý làm sao ? — ông nhà buôn hỏi — Bộ ông định đọc cho chúng mình nghe một diễn-văn vĩnh-biệt chăng ?

Ông nhà văn cười gượng :

— Hẳn vậy, chắc là ông định khuyên chúng mình ở lại cứ yên tâm. Ông qua bên thu xếp trước...

Ông thầy thuốc cúi nhìn vào ô kéo bàn mở hé. Đột nhiên, mấy nét chữ viết đậm đập vào mắt ông, trên một tấm bì thư giấy trắng dầy và lớn — « gửi các bạn tôi ».

— Coi nè... Thư gửi cho ba chúng mình. — Ông thầy thuốc cầm phong thư trong ô kéo dơ lên. Ông quay lại nhìn người gia nhân — Ông bô già hiểu ý lặng lẽ đi ra khỏi phòng.

Ông nhà văn mở rộng đôi mắt :

— Thư gửi bọn mình thật sao ?

— Chắc vậy — ông thầy thuốc đáp — Mình mở ra coi qua khắc biết.

Ông nhà buôn trịnh trọng :

— Chúng mình có bổn phận đọc thư này. Nếu không phải là thư gửi cho mình, mình sẽ tìm người mà hắn muốn gửi thư để trao thư lại.

— Nên lắm...

Nói xong, ông thầy thuốc cầm con dao rọc giấy cán đồi mồi nhỏ xắc để trên bàn, rồi đặt bức thư trên mặt bàn, thận trọng dùng lưỡi dao mỏng rọc bì thư. Ba người bạn đứng tụ lại quanh bàn. Ông thầy thuốc trao lá thư vừa được lấy ra cho ông nhà văn :

— Ông còn sáng mắt nhất. Ông đọc lên chúng mình cùng nghe.

Ông nhà văn ngồi ngay ngắn lại, ông sửa lại gọng kiến trắng và bắt đầu :

— Gửi các bạn tôi... — ông mỉm cười — Thư cũng mở đầu bằng câu này, như ngoài bì : gửi các bạn tôi. Trước đây chừng ba mươi phút đồng hồ, tôi vừa thở hơi cuối cùng. Các bạn tụ họp quanh chỗ tôi nằm và các bạn sẽ đọc bức thư này, nếu tôi không hủy bỏ nó đi trước khi tôi chết. Khi viết thơ này, tôi muốn các bạn sẽ đọc nó sau khi tôi chết. Nhưng cũng có thể sau đây, tôi sẽ hủy thư này, nếu mai đây tôi suy nghĩ lại...

Ông thầy thuốc nhô người về phía bạn, đôi lông mày đã có nhiều sợi bạc, nhíu lại, có vẻ khó hiểu và bực bội :

— Hắn viết chi ? Sao lại lôi thôi vậy ?

Không trả lời, ông nhà văn đọc tiếp :

— ...Và hủy bỏ thư này đi, vì nó không còn có ảnh hưởng gì đến tôi nữa — tôi đã chết rồi mà — và vì nó có thể làm hại nhiều cho các bạn, đầu độc cuộc sống của các bạn...

Ông nhà buôn ngạc nhiên :

— Đầu độc cuộc sống của chúng mình ư?

Ông thầy thuốc nóng nảy :

— Đọc lẹ lên ông — coi hắn viết gì... ?

— Tôi tự hỏi... — ông nhà văn cao giọng đọc tiếp — ...sức mạnh của ma quỉ nào đã thúc đẩy tôi ngồi viết thư này cho các bạn. Đúng là ma quỉ. Vì tôi biết thư này sẽ làm các bạn đau đớn mà tôi vẫn viết — đau đớn một cách vô ích — nhất là tôi không có qua một ác cảm nào đối với các bạn. Tôi mến các bạn cũng như các bạn mến tôi vậy. Tôi không bao giờ khinh khi, coi thường, nói xấu các bạn, mặc dầu đôi khi tôi có trêu cợt các bạn. Có lẽ tôi viết thư này vì một ý muốn nhỏ nhặt, thầm kín là tôi muốn để lại một sự thật trên cõi đời đầy giả dối, lường gạt, dấu diếm này sau khi tôi chết...

Giọng người đọc thư đột nhiên run run :

— Sự thật đó là trong thời tôi sống... tôi đã ngoại tình với vợ của các bạn, tất cả các bạn...

Ông nhà văn ngừng lại, ngơ ngác nhìn hai bạn :

— Thư này hắn viết cách đây đã hơn mười năm rồi. Mười bảy năm...

Ông nhà buôn nóng nảy giật lấy lá thư :

— Để tôi đọc...

Ông nhà văn nói như gắt :

— Ông đọc đi...

— Với mỗi bà vợ của các bạn, tôi có một trường hợp gần gũi khác nhau. Có bà đã sống với tôi trong nhiều tháng như vợ chồng thật sự. Có bà tôi chỉ được gần vài lần, khó khăn và không hào hứng gì. Có bà làm tôi yêu mê đến nỗi tôi muốn tự-tử chết sau khi phải xa

nhau và chấm dứt cuộc tình duyên. Có bà làm tôi chán chường đến nỗi tôi phải trốn tránh. Có bà là quả quyết là có con với tôi chớ không phải là có con với chồng. Tôi chỉ kể lại với các bạn có vậy thôi. Không hơn, không kém. Tôi gập thư này lại, bỏ vào bì thư gửi cho các bạn, để sẵn trong ngăn kéo giấy tờ "mật" nhất của tôi. Thư này sẽ nằm kín ở đó cho đến lúc tôi đổi ý đem xé, đem đốt nó đi, hoặc cho đến khi tôi chết và các bạn mở ra đọc nó. Vĩnh biệt các bạn...»

Ông thầy thuốc đỡ lấy lá thư và cẩn thận đọc nhẩm lại từ dòng đầu đến dòng cuối.

Trong lúc đó, ông nhà buôn ngồi ngây ra như tượng gỗ và ông nhà văn đi đi lại lại trong phòng. Đột ngột, ông nhà văn nói qua hàm răng nghiến chặt. « Bọn khốn nạn... », rồi dừng lại, đứng nhìn ngây vào không gian, như tìm ở đó một cái gì đã tan biến trong không khí. Ông cố mường tượng lại hình ảnh người đàn bà mảnh mai, khả ái tươi trẻ mà năm xưa ông đã ôm ấp, đã yêu thương : người đàn bà năm xưa là vợ ông và đã chết. Nhiều khuôn mặt đàn bà khác lờ mờ hiện ra, lẫn lộn vào nhau, có những khuôn mặt được yêu thương và nhớ nhung, có những khuôn mặt chìm mất nhiều nét vào quên lãng. Nhưng ông không thể nào tưởng tượng lại được trọn vẹn hình ảnh người vợ năm xưa. Khuôn mặt và thân thể. Trong những năm về sau này của cuộc sống chung vợ chồng, thân thể của bà vợ ông đã không còn hấp dẫn ông nữa, không làm ông thèm muốn nữa. Nhưng bà vợ ông lúc đó mới thực sự là vợ ông : cao quý hơn một người bạn chí thiết, người kiêu hãnh vì những thành công của ông, đầy thông cảm và an ủi, khuyến khích khi ông buồn rầu, thất vọng. Ông thấy rằng người đàn bà đó không thể nào lừa dối ông để yêu một gã đàn ông tầm thường vừa nằm xuống phòng bên. Gã đó chỉ kém ông chớ không có một điểm gì hơn ông cả. Trừ điểm tiền bạc, nhưng ông cũng không để vợ ông phải thiếu thốn quá nhiều. Nhà văn vốn nghèo nhưng tương đối ông thành công và kiếm được nhiều tiền đủ cho vợ chồng ông sống phong lưu. Rất có thể lá thư cuối cùng này chỉ là một hành động trả thù của gã đàn ông kém cỏi, thua thiệt trong tình trường. Có thể gã viết

thư này yêu vợ ông và thèm muốn được gần nàng, nhưng y không toại nguyện và y bày đặt ra chuyện giả dối này để trả thù. Chứng cớ đâu? Có gì chứng thực rằng vợ ông đã ngoại tình với hắn ? Biết đâu chẳng phải vì ghen, vì thấy rõ mình thua kém mà gã kia đã viết ra bức thư này ? Có thể như vậy lắm. Dù sao đi nữa, dù chuyện này có thiệt đi nữa, sự trả thù của gã viết thư này cũng tồi tàn, hèn mạt và không có ảnh hưởng gì cả.

Ông thầy thuốc nhìn đăm đăm vào tờ giấy có những nét chữ đã phai mầu mực mở rộng trên bàn và nghĩ đến người vợ hiền, dịu dàng, nay đã già, má đã răn và da đã khô, đang nằm ngủ yên lành trong căn phòng ngủ ấm cúng nhà ông, ông cũng nghĩ đến ba đứa con : anh con trai lớn nhất đã vô học trường Quân y, cô con gái thứ hai đã đính hôn với một luật sư, hôn lễ dự định vào dịp giáng sinh sắp tới, đến cô con gái út đang chờ học bổng sang Pháp du học, cô út có khiếu đặc biệt về âm nhạc, một nữ nhạc sĩ đương cầm số một trong hạng tuổi của cô ở Việt Nam. Ông thấy rằng cuộc đời ông, gia đình ông, sống thật đẹp, có hạnh phúc hơn người. Ý nghĩ ấy làm cho ông thấy rằng lá thư này của người bạn không lấy gì làm thân thiết lắm vừa qua đời trở thành vô nghĩa, gần như không đáng để ông đọc đến. Ông chẳng thấy một cảm giác gì khác lạ mặc dầu ông thấy rằng chưa chắc chuyện viết trong thư này đã là chuyện hoàn toàn bịa đặt. ông nhớ lại một giai đoạn của đời ông, một giai đoạn tương đối đen tối. Đó là một thời cách đây chừng mười lăm năm. Hồi đó, ông gặp nhiều chuyện bất như ý và nguy hại hơn hết là ông có ngoại tình với một người đàn bà đẹp và đa tình cuồng nhiệt trong tình yêu. Hồi đó, ông đã tưởng gia đình ông đến tan nát vì mối tình vụng trộm, tội lỗi đó. May sao, người đàn bà đa tình đó đột nhiên chán ông, bỏ rơi ông để chạy theo một người đàn ông khác rồi tự tử chết. Rồi ông dần dần trở về sống yên lành trong cuộc sống yên lành, trật tự củ, và sóng gió và những phiền muộn, những đe dọa qua đi như không bao giờ có. Nếu vợ ông có phạm tội, chắc là phạm tội vào thời gian đó. Có thể lắm. Thời đó, ông chẳng nhìn nhỏi gì đến vợ con. Nếu có, đó là lỗi tại ông, tất cả đều do ông....

Ông thương gia đứng bên cửa sổ, nhìn vào bóng đêm mờ lạnh.

Ông cố gợi nhớ lại hình ảnh người vợ đã chết, và ngạc nhiên khi thấy mình chỉ còn nhớ lại rất mơ hồ. Từ trước đến nay, chưa bao giờ ông tưởng tượng lại hình ảnh vợ, tuy nhiều lúc ông có thấy nhớ và tiếc thương. Cố nhớ lại vợ, ông chỉ thấy hiện ra trước mắt cái cảnh ông bận đồ đen, đứng tiếp khách đến viếng và phúng điếu bên chiếc quan tài lung linh ánh nến đặt ở giữa phòng. Có một điều ông thấy rõ : Vợ ông là một người đàn bà tầm thường, kém người về tất cả mọi mặt. Nàng sinh trưởng trong một gia-đình buôn bán tạp hóa, tâm trí không có lấy nửa đồng bạc lãng mạn. Người đàn bà đó mà ngoại tình, mà lại có đàn ông không phải là chồng yêu thương, nhớ nhung, chiều chuộng săn đón thì thật là một chuyện lạ.

. . . . . .

Ông thầy thuốc đứng dậy :

— Tôi về...

Ông nhà buôn quay lại và nói :

— Tôi cũng về. Có còn gì cần đến chúng mình ở đây nữa đâu...

Ông thầy thuốc cầm lá thư trên bàn, bỏ thư vào bì, rồi bỏ vào túi áo mình. Ông mở cửa đi sang phòng bên. Ông chầm chậm đi đến bên giường người chết — trong lúc ba người kia yên lặng nhìn người nằm trong giường. Sau đó, cả bốn người theo nhau ra khỏi phòng.

Trên cầu thang, họ dừng lại, ông thầy thuốc dặn dò người bõ già về việc lo liệu tang ma !

— Sáng sớm, chú phải đánh dây thép ngay cho bà chị ông ấy biết...

Người bõ già chắp hai tay trước ngực :

— Bẩm ông vâng...

Ông nhà văn nói tiếp :

— Tôi lo việc đăng cáo-phó trên báo cho...

— Tôi báo cho Hội Tương Tế biết... có ông nào trong Hội đến chưa nhỉ ?

Người nói câu sau cùng là ông nhà buôn.

Họ ra khỏi nhà. Ông nhà văn hồi này đến bằng xe tắc-xi, ngồi vào chiếc xe nhỏ của ông thầy thuốc, Trời đêm sắp sáng, Dường như trong vòm cây xa đã có vài tiếng chim.

Hai người bạn già ngồi trong chiếc xe chạy chậm trên đường đêm vắng. Họ không nói gì với nhau cho đến lúc xe chạy qua bến xe đò trước cửa chợ. Bến xe sáng choang ánh đèn, nhiều hành khách đã lên ngồi trong xe, những người đàn bà bận áo lạnh và khăn len chùm đầu. Ông nhà văn nhìn vào bến xe, nói trống không :

— Có xe chạy suốt đêm về Saigon ?

Ông thầy thuốc cũng đáp trống không :

— Hồi trước thì chạy suốt đêm. Hồi này có lẽ gần sáng mới có xe chạy, vì các ấp chiến lược đóng cổng, chặn đường ban đêm...

Xe về đến một ngã tư thành phố !

— Cho tôi xuống đây...

— Để tôi đưa anh về tận nhà...

Ông nhà văn mở cửa xe, mỉm cười :

— Cám ơn anh. Tôi muốn đi bộ một quãng. Lâu lắm rồi, mình không có dịp đi bộ ban đêm...

— Tôi thì phải đi luôn luôn...

Dãy phố sáng ánh đèn điện — gần sáng, những ngọn đèn đường thường sáng trội lên — được thâu gọn vào khung kiến chiếu hậu của chiếc xe. Về đến trước cửa nhà, ông thầy thuốc còn lờ mờ trông thấy trong mặt kính bóng người bạn đi thấp thoáng ở khoảng xa đằng sau. Ông nghĩ đến lá thư nằm trong túi. Bà vợ ông sẽ tìm thấy lá thư này trong số giấy tờ quí nhất của ông sau khi ông chết, những tờ giấy ông giữ kín nhất. Và trong cơn mơ màng — với một sức mạnh phi thường của óc tưởng tượng — ông tưởng như nghe thấy tiếng bà vợ ông thì thầm trên mồ ông — « anh yêu dấu... anh cao thượng, anh thương em biết là chừng nào..! » ● ✶

✶ DANH NGÔN

● **Sự phán xét của một người không phải là luật chung cho tất cả.**

(*Le jugement d'un seul n'est pas la loi de tous*)

GRESSET

✶ **NGUYỄN-VỸ**

(*tiếp theo P.T. 171*)

SAU khi Mặt-trận Bình-dân Pháp lên nắm chánh quyền được vài tháng, một số trí thức và báo chí Sàigòn phát động một phong trào gọi là « *Hội-nghị Đông Dương* », tiếng Pháp là « *Cogrès Indochinois* ». Theo chủ trương của nhóm tổ chức thì Hội-nghị sẽ có sự tham gia của tất cả đại-diện của các giới dân-chúng Nam Trung Bắc và Miên, Lèo. Mục-đích của Hội-nghị là mở một «Mặt trận bình-dân Đông-dương», (Front Populaire Indochinois) để đòi hỏi nhà cầm quyền Pháp ở thuộc địa » thực-hiện những nguyên tắc dân chủ của Mặt-trận Bình dân Pháp : tự-do ngôn luận, tự do báo chí, tự-do hội họp, phóng thích tù nhân chính-trị, v.v...

Phong trào được một số báo chí cách mạng ở Sàigòn khởi xướng và cổ-xúy tuyên truyền rất mạnh và cũng được một số báo

chí Hà-nội nhiệt-liệt hưởng-ứng. Nhưng ngay lúc đầu nhà cầm quyền thực-dân đã dùng các biện pháp để cản trở sự thực-hiện Hội nghị ấy. Họ rất khôn-khéo, không công khai cấm đoán, không hăm dọa đàn áp, vì họ sợ phản-ứng chống đối của dư-luận báo-chí và chánh-giới ở « *Mẫu quốc* », danh từ nịnh bợ do bọn quan lại tôi-tớ của «Quan thầy Pháp Lang-sa » dịch nghĩa những chữ « *Métropole* », « *Mère patrie* ».

Nhưng họ vận dụng nhiều thủ đoạn vặt để cho tổ chức « Hội nghị Đông dương » thất bại, và trên thực tế Hội nghị đã thất bại chua chát. Hội nghị nhóm tại Hà nội, nơi Câu lạc bộ thể thao của người Pháp, ở trung tâm khu người Pháp. Ngay địa điểm này cũng đã là một sự hoàn toàn bất ngờ. Tuấn có tham gia Hội nghị nhưng không có trong ban tổ chức. Tuấn dọ hỏi một vài anh trong ủy ban thì được biết rằng những nơi Ủy ban định nhóm họp, nhà Hát Tây, Khu Hội chợ v.v... đều không được phép của viên chánh mật thám Arnoux. Y viện lẽ rằng khu Hội - chợ không có bàn ghế, còn nhà hát tây của thành phố thì ông Đốc lý Hà nội không cho mượn. Arnoux đề nghị sẽ mượn giùm Câu lạc bộ thể thao Pháp. Không có địa điểm nào khác, ủy ban đành phải mượn tạm nơi nầy vậy. Hội nghị nhóm họp không quá 50 người, toàn là « An Nam ». Miên, Lào không tham dự, Đại biểu Trung Kỳ chỉ có vài ba người tự động đi dự hội với tư cách cá nhân. Phái đoàn đại biểu Saigon khá đông với độ 20 người, phần đông là Nhà Báo. Còn bao nhiêu là người Bắc hoặc người Nam, Trung, cư ngụ ở Hà-nội, và đa số là giới nhà văn, nhà báo. Đóng vai trò hoạt động hăng hái nhất là các nhà báo có khuynhhướng mặt trận Bình dân. Tuấn và vài người bạn trẻ khác ở Cao đẳng Học đường Đông dương đứng

Dùng midol
Trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

riêng một nhóm thanh niên cách mạng, với danh hiệu « *Antifascites indépendants* » (chống Phát-xít, và độc-lập, không đảng-phái). Hội-nghị khai mạc lúc 8 giờ tối ngay trên sân tennis ngoài trời, giữa một đám đông nhân viên mật-thám Tây và « An-nam », đứng rải rác chung quanh sân, dò xét điệu-bộ của từng người. Ban tổ chức ngồi dãy ghế chủ tịch đoàn. Sau bài diễn văn khai mạc của ban tổchức trình bày lý do và mục đích của «Hội nghị Đông dương» lần lượt bước lên diễn đàn những người đã ghi tên trước. Mỗi người chỉ được phép nói 15 phút. Người đầu tiên là Nguyễn-văn-Chất, đảng-viên Cọng-sản, nói con cà con kê không đâu vào đâu cả. Trong bài đã viết sẵn, có một đoạn nhắc đến tên nhà Kịch-sĩ trứ-danh của Anh quốc là Shakespeare. Nhưng vì không có học Anh-ngữ và thiếu căn-bản văn hóa, thay vì đọc «*Sèk-s-Pir*» đúng theo tiếng Anh, Chất đọc : « *Sa-kêts pê-a-rờ* », khiến một số đông thính giả cười rộ lên. Không hiểu tại sao người ta cười, anh ta cũng cười theo. Diễn-giả thứ nhì là Trương - Tửu. Tửu nói-chứ không đọc, và thao thao bất tuyệt. Quá 15 phút anh còn nói, mặc dầu bị ban tổ chức huýt còi, bảo « tốp » lại. Tửu phớt tỉnh, cứ nói mãi, nói mãi, mỗi lúc mỗi hùng hồn. Thính giả càng vỗ tay nhiệt liệt, Trương-Tửu càng hăng, càng nói, cho đến đỗi chính ban tổ chức và chủ tịch đoàn cũng bị thu hút, lôi cuốn, chìm đắm trong những đợt sóng hùng biện ào-ạt ngập tràn cả cử tọa. Ba lần chuông rung, ba lần Trương Tửu vẫn không ngưng nói, cho đến khi anh chàng bước xuống diễn đài, với một nụ cười bướng bỉnh trên môi, thì toàn thể Hội nghị vỗ tay như pháo nổ. Trương Tửu đã nói đến 30 phút, không có một miếng giấy trong tay, và không lúc nào ra ngoài đề tài mà anh đã tự lựa chọn : « *Tự do ngôn luận và tự do tư tưởng* ».

Dùng midol
Trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Sau Trương-Tửu, đến phiên Anédée Clémenti, một người Pháp có óc cách mạng, chống chánh sách thực-dân Pháp ở Đông Dương, và chủ nhiệm tờ tuần báo Pháp thân Việt : *L'Argus Indochinois*.

Ông nói bằng tiếng Pháp, và rất hăng say góp lời vào bản cáo trạng gay gắt chống chánh sách áp-chế của chính phủ thuộc địa đối với các dân tộc Đông dương. Nhiều diễn giả khác, đại diện của Trung Kỳ, và Nam Kỳ, lần lượt lên diễn đàn. Tất cả đều nhắm vào một đề tài, và một mục phiêu : tấn công chế độ thuộc địa hiện hữu trên phương diện chính trị và báo chí. Mỗi diễn giả đều cố gắng vận dụng hết tài hùng biện của mình nhưng vẫn không tránh khỏi lặp đi lặp lại các khẩu hiệu mà mọi người đều biết. Bữa tiệc đại ngôn không kém hào hứng được chấm dứt vào lúc 11 giờ đêm, bằng một bản yêu sách (*desiderata*) gởi lên nhà cầm quyền Pháp ở Hànội, đòi hoàn toàn tự do dư luận, tự do hội họp, tự do bầu cử dân biểu v.v...

« Hội nghị Đông Dương » được một số báo chí tuyên truyền cổ vỏ khá rầm rộ từ Hà nội đến Saigon trong gần nửa tháng, được kết thúc sau một vài buổi hội họp bề ngoài có vẻ long trọng, rộn rịp, bề trong không kém sôi nổi, nhưng « chấm dứt thành đuôi cá », như một vài bạn trong Hội nghị đã nói theo một thành ngữ Pháp : « *Le Congrès est terminé en queue de poisson* ».

« Hội nghị Đông Dương », danh từ vĩ đại không có trụ-sở thường trực. Người ta tự hỏi giá sử viên toàn quyền Đông Dương, đại diện tối cao của chính phủ Pháp, muốn trả lời các yêu sách của Hội nghị, thì gởi văn kiện chính thức đó cho ai, và gởi đến đâu ?

Nhà cầm quyền thuộc địa thì,

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1330/B.Y.T./B.P.D.C.

trên các bài diễn văn hay phô trương những danh từ thông dụng trong giai đoạn « Mặt trận Bình dân », nào là « công lý », «bình đẳng», « tiến bộ », « nhân đạo» v.v... và tuyên bố rầm rộ một chánh sách «bình-dân» hướng về hạnh-phúc, quyền-lợi của quảng đại quần-chúng, nâng cao đời sống vật-chất và tinh thần của giới thợ thuyền, nhưng thực-tế vẫn tàn nhẫn, mỉa mai hơn trước.

Một thí-dụ điển hình nhất, là viên công sứ chủ tỉnh Nghệ-an, tên là Jeannin, người đảng Xã-hội Pháp (S.F.I.O). Chương trình vĩ đại và «nhân-đạo» của Đảng này, là bảo vệ và bênh vực quyền-lợi của dân chúng thoát khỏi ách bốc-lột, áp chế, của tư bản đế-quốc, v.v... Từ ngày có phong trào «Mặt trận Bình-dân» Pháp, ông Jeannin thường tuyên bố với các giới dân chúng Nghệ-an là ông thương yêu người Việt Nam cũng như anh em, và coi Nước Việt-Nam cũng như Nước mẹ của ông vậy, tuy ông là người Pháp 100%, ông lớn tiếng bảo trước hàng ngàn dân-chúng tụ họp ở thành phố Vinh, tỉnh lỵ Nghệ-an.

« Thưa các bạn, tên của tôi là **Nguyễn-văn-Jeannin**, và tôi là người **An-na-mít** trong tim (Annamite de coeur) cũng như các bạn vậy » ! Dân-chúng vỗ tay hoan hô nhiệt liệt, nhất là các «đồng bào» ở giới trí thức khen ngợi vô cùng tấm lòng yêu nước Việt-Nam, thương dân Việt Nam của vịquan cai-trị Pháp bình dân, bình đẳng, huynh - đệ. Không khí « Thế-giới đại đồng » của thuyết Kắc-mác, do các «đồng chí» Cọng sản Pháp thổi phồng lên, thành những quả bong bóng bay qua vòm trời « Ấn-độ-chi-na», đầy sắc màu rực rỡ, làm mà mắt người «nhà-quê anh em » ở Cửu-Long-giang và Hồng Hà.

Dĩ - nhiên, không bao lâu những quả bong-bóng kia xì hơi xẹp-lép, và «thằng dân An-nam» sau những đêm liên hoan tưng bừng chào đón phong - trào «Mặt trận Bình dân» Pháp, lúc tỉnh dậy sờ vào mặt mình, vẫn thấy cái mũi mình không cao như cái mũi của Nguyễn-văn-Jeannin.

(còn nữa)

tháng

KỶ NIỆM

Chiều nay ngồi thêu áo
Bỗng dưng trời đổ mưa
Gió lạnh làm thương nhớ
Kỷ-niệm thời xa xưa.

Bây giờ anh có biết
Tháng tư rồi không anh ?
Thứ ba này mười chín
Còn mười hôm của mình.

Tự-nhiên nghe bối rối
Nghe má em ửng hồng
Buổi nào mang áo mới
E thẹn về bên chồng.

Chiều nay ngồi thêu áo,
Kim châm vào tay đau.
Em lặng nhìn giọt máu,
Anh. – Tình yêu buổi đầu !

★ **PHƯƠNG-DUYÊN**

ĐỀ MUA VÒNG HOA

♣ *Jean Jacques Gautier*
● **NHÃ-ĐIỂN** *dịch*

CÉSAIRE Caligut ngụ tại đường La Tête. Một hôm xe cán gã. Khu phố tưởng gã chết. Người ta chở gã vào nhà thương nhưng gã không chết. Và ở nhà, người ta gom tiền để phúng gã một vòng hoa. Gã biết được thế là nhờ người thợ cắt tóc. Người này không chung tiền nhưng đến nhà thương thăm gã.

Vòng hoa đợi mãi rồi tàn dần. Rồi người ta đem vứt nó đi. Nhưng đã có một vòng hoa và một cuộc chung tiền.

Khi nạn nhân rời nhà thương, gã nghĩ phải cám ơn những người đã nghĩ tới gã. Trước hết gã nghĩ tới bà Brouillard. Bà là quản gia, trông nom bin-đinh gã ở.

Trống ngực đập mạnh, gã xoay quả đấm nơi cửa phòng bà ở, nhưng cánh cửa không mở. Césaire thở dài.

Nhẹ nợ được một lát, người ở thuê từng lầu sáu bước lên thang gác. Gã tự nhủ :

— Thôi đề lần khác vậy.

Vả lại cũng chưa gấp phải tới thăm bà đó lắm. Tới cánh cửa phòng của từng lầu thứ nhất, niềm lo ngại lại xâm chiếm lấy gã. Gã quyết định đi từ trên từng lầu trên cùng và tới cảm ơn những người quan trọng hơn để về sau, nghĩa là bà Brouillard : như vậy gã sẽ có đủ thời giờ.

●

Từng lầu thứ sáu, gã ở. Từng lầu thứ năm, không có ai thuê. Từng thứ tư : một văn sĩ. Césaire không biết gì hơn, nhưng gã biết ông ta viết. Con người đáng thương ấy nhận chuông, dụt dè nhận, như hành động của những người đáng thương rồi nín thở. Một lát sau, gã thở mạnh. Cánh cửa vẫn im lìm.

Lần này gã nhận chuông mạnh hơn. Nếu không có ai ra, nếu chỗ nào cũng không có người, gã lại phải bắt đầu lại. Như thế thì quá lắm. Gã sẽ không còn can đảm nữa. Vai gã xuôi xuống. Gã thất vọng nhìn lên trời.

Cánh cửa mở.

Một người đàn ông, hãy còn trẻ, choàng áo ngủ, một người không bỏ điếu thuốc lá ngậm góc môi, một mắt nheo lại vì khói thuốc, nhìn gã. Ông ta hỏi :

— Ông muốn gì ?

Và Césaire kkông còn hay biết gì nữa.

— Tôi là...tôi đến...tôi muốn..

Người đó vẫn không bỏ điếu thuốc ở góc môi, và chỉ nói :

— Ông là người ăn xin ?

Cesáire bất bình, vội vàng trả lời :

— Không, trái lại.

— « Trái lại ». Trái lại của người ăn xin là gì ?

Césaire lặng yên.

«Nhà văn» dịu dàng nói :

— Nhanh lên ông, câu chuyện này không làm tôi vui thích đâu.

Césaire nghĩ rằng người đó sắp đóng cửa, gã bỗng hoảng sợ và vội vã thố lộ ra hết.

Người đó đứng trong cửa, nghe gã nói và cúi đầu xuống. Khi Césaire Caligut nói xong, ông ta mỉm cười :

— Ông khả ái lắm nên mới chịu mất thì giờ như thế. Nhưng tôi mới đi du lịch về hôm qua. Tôi không được biết là ông bị nạn, hơn nữa lại có thể chết được... đến nỗi có một cuộc chung tiền mà tôi không được hân hạnh tham dự. Tôi cũng không biết có nên vui mừng khi thấy ông còn sống không ? Trong khi phân vân, xin ông miễn cho. Trân trọng chào ông.

Và cánh cửa đóng sập ngay vào mặt đần độn của gã. Gã xuống từng dưới và tự động mở cửa. Một cô gái nhỏ, mặt đầy tàn nhang mời gã vào :

— Mẹ tôi đi mua bánh chưa về, mời ông ngồi chơi.

Gã ngồi xuống, đưa mắt quan sát phòng một cách kinh hãi. Có những cái sô, cái chậu những bình sữa và hai cái nôi. Mùi sữa xông lên và lũ trẻ khóc vang nhà. Cô nhỏ có tàn nhang chạy từ cái nôi này sang nôi khác, khuyên dỗ cậu em trai, lau mũi cho cậu khác. Một cô bé khác 4 tuổi, ngồi ở góc phòng ho như muốn long phổi.

Thằng nhỏ giải thích :

— Nó ho gà.

— Ba em đâu ?

Cô bé vừa khóc vừa trả lời :

— Ba em... ba em đi rồi.

Người khách lưỡng lự, đợi nước mắt của đứa nhỏ ngừng chảy và không đừng được, gã hỏi thêm :

— Mẹ em làm gì ?

— Nội trợ.

Rồi xấu hổ, người đàn ông đáng thương đó bảo với cô bé là gã sẽ trở lại, và gã bước ra.

Gã cảm thấy rõ ràng là những người này đã bỏ tiền ra mua vòng hoa phúng gã và sau những gì gã đã trông thấy, gã không dám, gã không thể chứng tỏ là vòng hoa đó vô ích, không dùng được việc gì.

Dùng midol
Trị các chứng đau nhức và cảm cảm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Dùng midol
Trị các chứng đau nhức và cảm cảm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Lần thứ hai, người thợ cắt tóc ở. Vào giờ này chỉ cho vợ anh ta ở nhà. Vợ anh ta lúc nào cũng như đang cãi nhau với một người khác. Anh ta chỉ về để ăn cơm tối. Vả lại Césaire đã cám ơn anh ở nhà thương rồi. Dù sao, kể cũng đáng tiếc không có anh ở nhà. Gặp được anh ta, gã có thể vui vẻ mà bắt đầu lại.

Ở lần thứ nhất, có miếng vải lớn treo ở đầu sợi dây. Césaire sắp cầm lấy nó thì bỗng trong bóng tối, gã nhìn thấy cái thư viện đen gắn vào cánh cửa.

— Không! nếu thế thì phức tạp quá.

Gã đi qua và bước không đều xuống thang gác cuối cùng.

Bước chân lo ngại khi gã trông thấy ánh đèn nơi cửa kính của căn phòng người gác bin đinh ở. Như mọi lần, bức màn che cửa được kéo ra và con mắt của bà Brouillard sẽ nhìn xuyên qua tấm kính màu vàng ấy. Chưa lần nào gã đi qua phòng bà ta mà không toát mồ hôi vì cái nhìn đó. Nhưng lần này cánh cửa lại mở rộng và gã bước vào.

Bà Brouillard người mập mạp, đồ sộ. Bộ ngực chảy đã khô cạn từ lâu. Đôi tay đầy vảng mỡ vì bà vừa mới rửa bát xong.

Có một người nữa cũng ở trong phòng bà ta. Con người này, ít nhất cũng làm cho người đàn ông khốn khổ đó phải ghê sợ. Đó là con điếm ở bên cạnh mà người ta gọi là Nini.

Nó có bộ ngực nhỏ, và không mặc thêm gì, ngoài cái áo đen phủ ngoài, và nó ngồi vắt chéo chân. Cái chân giám nằng ở đâu ? Đôi chân mà Césaire tưởng không mang gì nhưng khi gã biết nó mang tất mỏng dính thì gã thấy xúc động hơn. Và cái đùi đó lố tới đầu gối. Césaire chỉ dám nhìn tới đó chứ không dám nhìn lên nữa.

Nini nhìn thẳng vào Césaire,

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

từ đầu tới chân vì nó không có việc gì làm và cũng vì gã mới bước vào. Césaire quay lại phía bà Brouillard, một lần nữa kể hết chuyện gã ra.

— À phải, ông không chết thôi kệ. Tôi biết nói gì hơn. Vì tôi có người đến ở phòng ông. Vòng hoa ! ồ, ông có mất gì lâu. Vòng hoa không để được hai ngày, nhưng vì căn phòng của ông thì đúng hơn... ông phải cho tội một chút gì chứ, ông Césaire. Vì nếu tôi không lời thì lỗi ở ai ?.

Ông Césaire cho tay vào túi và càng ngày càng thấy khó chìa ra vài đồng mà gã sợ là sẽ bị từ chối.

Người đàn bà lắm điều và độc ác ấy cho tiền vào túi không nói một lời nào.

Gã đàn ông đi dật lùi, chân lúng túng vướng vào tấm thảm. Gã tưởng đã thoát nợ nhưng tới cửa, gã bỗng nghe thấy tiếng gọi. Gã dừng lại. Đó là giọng của Nini. Giọng con gái mà ái tình đã làm hư hỏng. Gã quay lại. Nó vắt chân cao hơn lúc nãy và nhìn gã đàn ông bằng con mắt độc ác. Nó dằn dỗi nói :

— Thế còn tôi ! Tôi cũng chung tiền để mua vòng hoa phúng anh. Tuy vậy tôi chỉ là con đượi. Tôi ! người ta không cám ơn một con đượi. Người ta không nghĩ là nó có thể thương hại một thằng chết dúi ở nhà thương. Phải không ?

Césaire không biết trả lời ra sao. Thật vậy. Sau cùng, gã lắp bắp nói :

— Thưa .... thưa cô ....

Một giọng cười chế nhạo ngắt lời hắn.

— « Thưa cô ». Có thế thôi hả. Này ông bạn ơi, nghe tôi đây : « Cô, cô cái con cục c. Bởi vì ông phải biết, tôi không cần lời cám ơn của ông. »

Thế rồi, tâm hồn nặng trĩu, Césaire buồn rầu chạy mất.

Gã thay chỗ ở và chết thực sự. Lần này không có ai chung tiền : không có hoa, không có vòng hoa.

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

CÁNH HOA VÔ CHỦ

✱ cô THÙY - LINH
(*Philippines*)

CHỒNG thư cũ lật lại trang sử «thư sinh» của giai đoạn hoa, bướm ép vở mà hôm nay Nga đang sống lại sau một thời gian dài gián-đoạn. Màu mực tuy chưa nhạt nhưng nếu Nga không lầm thì tất cả đều có một số tuổi đáng kể. Một cánh thư lọt khỏi phong bì, với nét chữ quen thuộc, Nga nhẩm đọc một đoạn.

« Nga này, mầy có còn nhớ anh chàng 274 Phan-đình-Phùng không ? Chết rồi, chết trong một cuộc hành quân miền Tây. Nghe tin này mày đừng « giựt gân » nhé. Bạn của anh chàng mò đến nhà tao và kể cho tao nghe một câu chuyện hay hay. Mầy có muốn nghe tao kể không ?

— Vào một đêm giá lạnh ngày cuối đông, trong trại lúc ấy ai cũng đều say ngủ, bỗng anh chàng 274 nhổm dậy, lắc lư anh bạn nằm cạnh — Mầy đã ngủ chưa hở C. ? Mầy có muốn nghe tâm sự của tao không ? Anh bạn bực dọc quát :

Có im đề tao ngủ không, cất tâm sự lại đó đi, sáng mai rồi hãy kể. Mặc anh bạn càu nhàu, anh chàng vẫn cứ kể. — Mầy có biết rằng tao đã yêu và... Giọng ngái ngủ anh bạn ngắt lời — Mầy mà cũng biết yêu nữa cơ, tao tưởng mầy là gỗ đá chứ ! Tao đã yêu, yêu ngày tao còn đang theo năm thứ hai trường thuốc. Nàng là một người con gái không đẹp lắm, nhưng duyên dáng và dịu dàng. Ai cũng trầm trồ khen đức-hạnh của nàng. Chính vì điểm nầy mà tao hãnh diện khi yêu nàng. Nàng có một gương mặt đóng kín nhưng « hé mở » với tao — có nghĩa là nàng có cảm tình với tao đôi chút. Tao cũng biết là lúc ấy có nhiều người đang theo đuổi nàng, nhưng tao không bao giờ chịu thú-nhận tình yêu với nàng. Tao kính nàng lắm. Nàng như một viên ngọc quý để cho mọi người chiêm ngưỡng hơn là làm chủ riêng bảo vật ấy. Tao không muốn tao cũng như ai khác chiếm được nàng, nên tao đã khấn một lời nguyền : Nàng mãi mãi sẽ là cánh hoa vô chủ. Cánh hoa ấy chỉ để mọi người chiêm-ngưỡng chứ đừng ai mua về làm của riêng. — Đồ gàn ! Đồ ích-kỷ ! bạn anh chàng rủa sả. — Mầy chưởi tao nhưng nếu mầy hiểu nỗi ý của tao, mầy sẽ cho là tao có lý. Mầy ạ, nếu lỡ tao có chết, mầy tìm hộ đến nàng và nhắn lại những lời nầy rằng tao vẫn mãi mãi yêu nàng, nhưng tao không muốn nàng có chồng. Nàng phải là người con gái có nhiều người yêu mến, nhưng không được yêu.

Theo lời anh bạn kể lại, hai hôm sau anh chàng tử thương. Tôn trọng ý muốn của người chết, anh bạn tìm đến cô gái có cái tên là Nga, nhưng không gặp, lại tìm đến tao. Tao cho biết là mầy đã đi Phi rồi. Tao đùa một tí chơi với anh bạn ấy — Thế là lời nguyền của anh ấy không linh vì nghe đâu cô nàng có bồ Phi rồi và định lập « căn cứ » luôn trên giải đất người « nâu ». Đùa tí chơi, đừng giận tao nghe Nga. Tao biết mầy không bao giờ bỏ quê hương đâu. Mầy mong chóng trở lại quê hương lắm, chả thế mà thư nào cũng kêu nhớ nhà nhớ nước...

Một cánh thư, một tâm sự, một giòng lệ thương cảm. Nhứt

Hôm nay trời giăng nhiều mây xám, nhắc nhở cái ngày xa xưa ấy, ngày mà Nga và bạn vội vàng xuống xe buýt để về nhà vì muốn tránh mưa mà quên khuấy cám ơn người bạn đồng hành đã trả hộ một chuyến xe. Một tình bạn bắt đầu và mãi đến hôm nay khi người bạn ấy đã nằm im dưới huyệt lạnh Nga mới hay trong tình bạn đó chen lẫn một tình yêu kỳ-dị, và một lời nguyền lạ lùng. Nga cảm thấy cần nên quyết định số phận cho lá thư khơi mạch sầu này. Xoẹt ! diêm quẹt bật lửa và lá thư cuộn mình theo ánh hồng trong nháy mắt tiêu theo làn khói. Thế là một lời nguyền được giải vì Nga không muốn mình mãi mãi là « cô gái có nhiều người yêu, nhưng không được yêu ».

Manila, ngày 21-4-1966

● ★

● Bốn tỷ viên Aspirine

Theo một bản thống kê mới đây, vào năm 1964, Pháp đã bán ra trên 4 ngàn triệu viên thuốc nhức đầu Aspirine, nghĩa là bằng 30 lần số lượng bán năm 1939.

Cũng cần biết thuốc Aspirine là loại thuốc thông dụng nhất trên thế giới, do một người Pháp, giáo sư Charles Gehrardtở Strasbourg tìm ra năm 1853, nhưng vì nhiều công việc khảo cứu khác nên viên Aspirine bị lãng quên. Mãi đến 40 năm sau, một người Đức tên Felix Hoffmann tình cờ tìm gặp những giấy tờ về viên thuốc này trong đống giấy vụn của ông Gehrardt. Felix chuyên tâm nghiên cứu và 6 năm sau mới đưa viên Aspirine đầu tiên ra bán ở thị trường, vào ngày 1-2-1899.

NHỮNG NGƯỜI ĐÀN BÀ LỪNG DANH TRONG LỊCH-SỬ NHÂN LOẠI

★

21.- MESSALINE

★ TẬN - PHONG

THỰC ra lúc bấy giờ không ai ngờ rằng Claude, một người khù-khờ và nhút-nhát sẽ làm Hoàng-đế La-Mã. Chế-độ độc-tài khát máu của tiền đế **Caligula** đã gây cho dân chúng biết bao nhiêu uất-hận căm-thù. Nhưng việc dĩ-nhiên phải đến đã đến : một hôm Caligula ngồi xe song mã dạo qua các phố, có hàng trăm lính kỵ-mã theo hầu và xua đuổi dân chúng tránh xa hai bên lề đường, thế mà vẫn bị một kẻ ám sát, tên là Chénéas, cầm dao găm đâm hoàng đế vào ngực, máu phun ra ồng ọc. Vua ngã gục xuống đất, miệng còn la hét chửi rủa trong lúc bọn đồng lõa với thủ phạm tiếp tục chặt nát thây vua từng mảnh. Lính kỵ mã chạy tới cứu vua thì đã trễ rồi. Chúng liền rút gươm ra chém giết chí mạng bất cứ ai đứng gần đấy hoặc chạy trốn nhưng bị chúng rượt bắt được. Bọn đồng lõa bốn năm đứa và thủ phạm đều bị bắt ngay và thủ tiêu tại trận. Tội nghiệp ba ông Thượng Nghị viên đã già cũng bị chém đầu chỉ vì tò mò đến xem.

Claude đang lẫn lộn trong đám đông dân chúng đi xem hoàng đế ngự du. Đến khi xảy ra vụ ám sát Vua, ông sợ quá, vì tính nhút nhát, vội vàng chạy trốn trong một công thự nghỉ mát tên là Hermeum. Nhưng nơi đây vẫn nghe tiếng lính kỵ mã của Vua đàn áp các đường phố chung quanh, ông Hoàng Claude kinh hoảng lại chạy đi trốn một nơi khác. Vừa trông thấy một rạp hát có treo nhiều bức màn, ông chạy vào núp sau những bức màn ấy đoán chắc không ai trông thấy. Ông đứng yên ổn nơi đây, để nghe ngóng tình hình.

Đồng thời, Thượng-Nghị-Viện nhóm một phiên đặc biệt tìm người để tôn lên ngôi Hoàng đế, thiết lập một chế độ tự do thay thế chế độ độc tài vừa sụp đổ. Cuộc thảo luận rất sôi nổi, rốt cuộc đại đa số tán thành mời ông Hoàng Claude lên kế vị Hoàng-đế La-Mã. Người ta chạy tìm ông khắp thành phố, không biết ông đi đâu. Cuối cùng hai ông thừa phát lại ngẫu nhiên đi vào rạp

hát, thấy ai đứng nấp sau mấy tấm màn để thò ra hai bàn chân. Hai ông nắm hai bàn chân lôi ra, Claude sợ hoảng hét lên. Nhưng thừa phát lại trố mắt ngó ông Hoàng, và tủm tỉm cười bảo :

— Ông đừng có sợ. Chúng tôi mời ông về Hoàng Cung để tôn ông lên ngôi Hoàng đế.

Claude ngạc nhiên, hỏi :

— Thật vậy hả ?

Thừa phát lại chỉ trả lời :

— Mời ông đi với chúng tôi.

Thế là **Tiberius Claudius Drusus**, đã 50 tuổi, mới bước chân vào Lịch-sử, với đế-hiệu **Claude**, trong Hoàng-tộc César, năm 41 sau Thiên-Chúa giáng sinh. Vợ ông, một gái điếm ở ngoại-ô kinh-thành, tên là **Messaline**, nghiễm-nhiên được tôn lên ngôi Quốc-Mẫu, làm Hoàng-hậu một Đế-quốc hùng-cường, uy-danh lừng-lẫy khắp Tây-phương : Đế-quốc La-Mã.

Lịch-sử loài người tự cổ chí kim, thường có những chuyện bất ngờ phi-lý như thế. Biết bao đảo-điên xáo-trộn cho các Quốc-gia, Dân-tộc, chỉ vì một người đàn-bà làm mưa làm gió trên một ngai vàng !

Hoàng-đế Claude đã là một con người nhút-nhát, khờ-khạo, lại sợ vợ, hèn-yếu trước ảnh-hưởng rất tai hại của Messaline, cho nên người đàn-bà nầy được hoàn-toàn tự-do thao-túng ở địa-vị một hoàng-hậu. Các nhà Sử-học trứ danh đương-thời của La-Mã, **Tacite**, **Suétone**, **Juvénal**,

Dùng midol
Trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Dion Cassius, đã ghi chép trong các Sử-sách của họ biết bao nhiêu chuyện động trời của người đàn-bà khủng-khiếp ấy. Không phải vì một lý-do chính-trị nào cả, cũng không phải vì tham-vọng quyền-hành, mà vì Messaline là một người đàn-bà dâm - đãng quá mức, chỉ đeo - đuổi theo nhục-dục, vàng bạc, và chìu theo mù quáng những đòi hỏi vô độ lượng của thú tính, không một chút lương tâm, một chút liêm sỉ nào cả.

Thân phụ của **Veleria Messalina**, tên là Valerius Messala Barbatus, là anh họ của Claude. Thân-mẫu của nàng là Dominia Lepida, đã có tiếng là một người đà bà diêm-dúa lúc sinh ra Messaline, một cô bé rất đẹp và rất lẳng, tính lại nóng như lửa, ngay từ thiếu thời, giống hệt tính nết của mẹ.

Claude lớn hơn cô em họ 25 tuổi. Trước khi kết hôn với Messaline, Claude đã có hai người vị hôn thê, và hai người vợ chính-thức. Chưa kể ông đã «dấy» vô số những đày tớ gái của ông. Người vợ thứ nhất **Plan'ia**, vì hạnh kiểm xấu nên bị ông đuổi. Người vợ thứ hai **Petina**, đẹp, hạnh kiểm tốt, nhưng cũng bị ông đoạn tuyệt vì những chuyện vô nghĩa-lý. Messaline là người vợ chính-thức thứ ba, tuy là em họ của ông và nhỏ hơn ông 25 tuổi, nhưng đến vừa đúng lúc để hưởng những địa vị và phú quý tột đỉnh mà trước kia không ai ngờ.

Chính Claude, đến 50 tuổi cũng không ai ngờ rằng sẽ được hưởng ngôi Hoàng-đế. Từ nhỏ đến lớn, tính tình nhu nhược, dâm ô, trác táng, loại khùng khùng, ngớ ngẩn, kém thông minh, bị coi như thằng ngốc trong gia đình, cho nên người trên không ai thương, người dưới không ai sợ, bạn bè không ai thích, và Claude không được tham gia vào

Dùng midol
trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

cái việc triều chánh.

Chỉ năm 37, ông được làm phụ chánh giúp việc triều đình với Caligula trong một thời gian ngắn ngủi thôi, rồi bị gạt bỏ liền. Thân-mẫu của ông là Antonia, cháu gái của Hoàng đế Auguste, cũng không âu yếm ông, ngay lúc ông còn nhỏ. Thấy hai người anh Tibere và Caligula được gia đình cưng hơn, Claude an thường thủ phận sống âm thầm, cô-độc, thiếu tình thương. Thân-thể của ông lại gầy còm do các chứng bịnh của tuổi trẻ truy-lạc, tinh thần cũng bịnh hoạn, người không có bản lĩnh.

Vì thế nên khi Caligula bị ám sát, phe « prétorien » là phe tài-phiệt có ảnh hưởng mạnh nhất ở La-Mã, liền muốn đưa con người hèn yếu đó lên ngôi Vua, để cho bọn họ dễ bề sai khiến. Messaline, bấy giờ 26 tuổi, cũng quyết lợi-dụng người chồng Hoàng-đế yếu hèn và ngu si kia để thoả-mãn mọi sự tình dục của nàng, và không chịu để một người đàn bà nào khác chia bớt ảnh hưởng của mình.

Phe tài-phiệt bắt đầu khai thác ngay tình thế để họ mặc cả Ngài vàng của Đế quốc La-Mã. Thay vì đưa Claude về Cung - điện, họ đưa ông đến Tổng hành dinh quân đội để « làm tiền » ông cái đã. Trước khi họ tuyên thệ trung thành với tân Hoàng đế, Claude phải hứa chắc sẽ thưởng cho họ mỗi người 15.000 *sesterces*, nghĩa là tổng cộng vào độ 2.000 triệu đồng bạc Việt-nam hiện giờ. Số tiền kết xù đó, Claude phải vay của những tay cho vay tiền chuyên nghiệp ở La Mã lúc bấy giờ, là Narcisse, Callista, Pallas, Polybe, lãi « nhẹ » thôi : chỉ 5 phần !

Dùng midol
trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Chính hoàng hậu Messaline đã thông đồng với hai tên Narcisse và Polybe để « làm tiền » Hoàng đế trong vụ này.

Messaline cũng bắt đầu làm sáng chói uy quyền của nàng. Claude có cô cháu gái tên là Julie bị Caligula đày đi xa. Vừa lên ngôi, Claude gọi Julie về. Nhưng Messaline không bằng lòng. Biết rằng chồng bà dễ bị Phụ-nữ quyến rủ, nhất là các cô cháu gái loại Julie, Messaline liền bắt đày Julie lần thứ hai đi thật xa, cùng một lượt với nhà Triết học Senèque, ông này bị bọn nịnh thần đâm thọc và vu-khống là chống tân Hoàng đế và Hoàng hậu. Tuy nhiên, sau một thời gian ngắn, do áp lực của giới tri-thức, Senèque được trả tự do và được trở về La-Mã. Còn Julie thì có đi không có về.

(xem tiếp kỳ sau)

● Giải thưởng viết tiểu thuyết

Nam « văn sĩ » Jean de Beaumont được giải thưởng Jules, loại dành cho tiểu thuyết do đàn ông viết, « bệt » nhất.

Cuốn tiểu thuyết nhan đề là « không phải đêm nay » và mang tấm băng bao ngoài sách, trên có gọn gàng mấy tiếng : «... Và không khi nào ».

Phò-thông vòng quanh Thế giới

★ *TÍN - KHANH*

● Ba-Lê và Chuột Cống.

Thủ đô Balê có 2000 cây số đường cống dưới lòng đất. Đây là xứ sở của Chuột Cống, tính ra số « dân cư » đông suýt soát dân số của Ba Lê, nghĩa là vào lối hơn 4 triệu.

Tuy thế, không phải Chính phủ Pháp không biết giết chuột. Chỉ riêng năm 1964 đã tổ chức 9974 khóa hội thảo « Trừ chuột » cho quận Seine — nhưng giết chuột, cứ giết. Chuột cứ tự do sinh sản.

● Kỳ phùng địch thủ

Ba « cụ bự » thế giới, Roosevelt (Mỹ) Churchill (Anh) và Staline (Nga) một hôm gặp Thánh Phêrô. Thánh Phêrô chào hỏi thân mật rồi nói :

— Ba vị là đệ nhất danh nhân trên quả đất nay và rất xứng đáng được khen thưởng. Vậy cho mỗi ông đưa ra một điều ao ước, ta sẽ cho được thỏa nguyện.

Tổng thống Roosevelt nói :

— Tôi ước mong sao tiêu diệt Liên bang Xô Viết.

— Staline nói tiếp :

— Tôi mong sao san bằng Hoa-Kỳ.

Thủ tướng Churchill nói :

— Tôi, tôi không dám quá tham lam như hai vị này. Tôi chỉ có một lời ước mong rất đơn giản là làm sao cho lời mong ước của 2 vị nầy được thành tựu.

● Một viện bảo tàng kỳ lạ

Ở Nữu-ước vừa rồi, nhiều vị « Sưu tập » danh tiếng vừa đưa ra một đề nghị ngộ nghĩnh.

Thành lập một viện bảo tàng « thơ tình ». Có lẽ đề nghị

nầy Nữu ước sẽ chấp thuận.

Một nhà soạn kịch danh tiếng Tây Ban Nha, ông Lope de Vega đã nói :

« Không khi nào nên xé các thư tình xưa hay mới. Riêng tôi, tôi giữ lại đủ số, ghim từng lá lên vách phòng ngủ. Chúng có mãnh lực thần thông để ngăn cản các bạn chạy theo những tình yêu mới.

● Ăn mày triệu phú

— Một gã ăn mày nọ ở Pháp vừa qua đời. Anh ta để chúc thư lưu lại cho người thừa kế số tiền dành dụm lên đến con số 120.000 quan (1 triệu 8 bạc V.N). Cái khó cho nhà chức trách Pháp là đến nay vẫn chưa tìm ra người thừa kế ấy là ai.

— Lật lại chuyện cũ : Năm 1950, Bà Boyer, ăn mày chính công, chết tại Melun. Sự nghiệp bà gồm 2 biệt thự lớn nhất và 1 đại khách sạn trong số khách sạn lớn nhứt tại Melun.

— Năm 1951, anh ăn mày Soboneth ở Balê chết, lưu lại cho ông Richard Tyson, 18 triệu quan (270 triệu bạc V.N). Ông Tyson nầy là người trong 15 năm qua đã, bồ thí cho Goboneth mỗi ngày mỗi cắc ...

Báo chí thời bấy giờ đã nói rùm beng lên vụ này.

— Năm 1952, một người ăn mày nọ gần chết cóng dưới gầm cầu. Cảnh sát điệu về bót. Lục trong túi áo quần anh, cảnh sát tìm gặp 12 nén vàng, trị giá khoảng 6 triệu quan.

● Ăn mày lạ đời

Số ăn mày này đông hơn số triệu phú. Đây chỉ nêu ra những người điển hình :

Ở Balê không ai không biết «Mụ điên Bijou». Không rõ bà ấy đặc biệt ở những điểm nào mà hai kiến trúc sư Davioud và Bourdais đã dùng làm mẫu để điêu khắc tác phẩm trứ danh « người điên » tại Điện Chaillot.

— Cũng tại Balê, trước đây có một kỷ nữ đã từng « vang bóng một thời » nhưng suy sụp lần đến nỗi phải đi ăn mày. Tuổi mụ đã khá cao, của bồ thí rất nhiều, mụ đem dùng để sắm các loại nước hoa thượng hảo hạng, và cứ mỗi tuần đi sửa móng tay móng chân tại các Mỹ viện đắc giá nhất ở Ba-lê.

— Một gã khác, chưa đến nỗi ăn mày nhưng đã đến cảnh vô cùng nghèo khó, là một thạc sĩ triết học, rất giỏi tiếng Hi-lạp.

Ông này đã nói :

« Tôi tìm mãi vẫn chưa hiểu tại sao ăn mày là một tội lỗi trong một xã hội mà lòng từ thiện là một đức tính tốt.

✱ Ai là thủy tổ mặt nạ ?

Mới đây báo chí Pháp loan tin người sáng chế ra mặt nạ chống hơi độc (dùng đắc lực nhứt trong đệ nhất thế chiến) vừa qua đời tại một thị xã nhỏ ở tỉnh.

Nhiều nhà khảo cứu không nhìn nhận và cho rằng mặt nạ đã ra đời trước đây gần 200 năm... Người xử dụng đầu tiên là nhà vật lý học danh tiếng kiêm phi công Pilâtre de Rozier, chết năm 1785 ngày được 29 tuổi trong lúc vượt bể Manche bằng khinh khí cầu.

Nguyên 3 tháng trước ngày qua đời tức 21-3-1785, Rozier có trình lên viện Hàn lâm khoa học một chiếc mặt nạ do ông sáng chế và mệnh danh là «Máy thở », dùng để vào những chỗ có khí độc. Máy gồm một ống gắn vào mũi bằng chất taffetas có tráng nhựa (loại vải dầu để làm phi cơ nhẹ trước đây).

Vậy trong 2 người ai là thủy tổ mặt nạ ?

✱ Tiếng nói của Hòa-Bình

Tổ chức Liên hiệp quốc sắp thành lập một bộ phận gọi là Tiếng nói của Hòa Bình (La voix de la Paix). Bộ phận nầy sẽ gồm 41 cơ quan phổ biến tuyên truyền mọi vấn đề nhằm mục đích cải tiến dân sinh như Y học, nông nghiệp, giáo dục, khí tượng học v.v...

● Lấy đạn trong tim

Các nhà giải phẫu Hoa kỳ vừa thành công trong việc lấy một viên đạn súng lục trong

quả tim người.

Nguyên một người Mỹ nọ bị một phát đạn súng lục vào đùi. Chẳng ngờ viên đạn theo động mạch ở đùi đi lần lên quả tim và nằm gọn trong tâm thất phía mặt (ventricule).

Nạn nhân đã bình phục như xưa.

● Nuốt chìa khóa dạy chồng

Chàng Carbonnelli ở Raviano, vui chơi với bạn bè, tiêu xài hết tiền dành dụm. Chị vợ can mãi không được, một hôm, giận quá, nuốt trộng chiếc chìa khóa tủ sắt vào bụng.

Nhưng tội nghiệp chị Addolorata, uổng công hy sinh : Chị được đưa lên bệnh viện giải phẫu, lấy chìa khóa ra và Carbonnelli chụp lấy, về nhà mở tủ, lấy bạc tiêu như thường.

● Lại đạn trong tim

Ông Serravalli ở Ferrare (Ý) tình cờ đi chiêu điện, được biết trong tim có một viên đạn. Ông cố nhớ lại mới hay ông đã bị viên đạn này cách đây 50 năm, nhưng không từng làm ông khó chịu đau đớn gì cả.

Các bác sĩ khuyên ông đừng giải phẫu, không biết chừng giải phẫu lại nguy hơn là để yên nó nằm đó.

● Do đâu có Câu-lạc-bộ xe hơi

Phiên họp đầu tiên của Câu lạc bộ xe hơi nhằm ngày 12-11-1895 tại Pháp, và cũng là tổ chức Nghiệp đoàn xe hơi đầu tiên trên thế giới.

Nguyên do chỉ vì một chuyện rất kỳ lạ :

Bá tước Zuylen là một hội viên đắc lực nhất của hội Bảo vệ súc vật. Năm 1894, nhân thấy xe hơi bắt đầu phát triển và xót thương cho kiếp ngựa suốt đời phải bị cỡi và kéo xe, ông bỗng nảy ra ý kiến khuyến khích xử dụng xe hơi, và khuyên nhủ không nên dùng ngựa trong việc nặng nhọc nữa. Thế rồi ông cùng công tước Dion và nhà báo Paul Meyan hiệp nhau thảo một bản điều lệ cho Nghiệp đoàn xe hơi, sau 20 tháng mới hoàn thành.

Nghiệp đoàn xe hơi chính thức ra đời năm 1897, được mọi người hưởng ứng nhiệt liệt.

✱ Bạn có biết gì về dưới lòng đất BaLê ?

Hiện nay ở Balê, công cuộc đào sâu xuống đất để làm chỗ để xe hơi ở dưới các mặt đại lộ đang gặp nhiều trở ngại lớn, vì gặp phải nhiều « đàn anh » đã chiếm trước hết rồi : Nào đường xe lửa ngầm của Công ty hỏa xa Pháp, đường tàu điện ngầm, những con sông đào ngầm như sông Saint Martin chẳng hạn, hệ thống cống, ống dẫn nước uống (trên 1400 cây số) ống dẫn hơi (2640 cây số) hệ thống dây điện, ống dẫn khí ép (570 cây số), hệ thống hơi nóng cho lò sưởi, điện thoại, điện tín, bưu điện hơi, v.v... và cả các hầm mộ, giếng nước, hầm chứa nước bẩn v.v...

Không biết rồi BaLê mới giải quyết thế nào cho ổn đây !

● ✱

LE SECOURS

Công - Ty Bảo-Hiểm và tái Bảo-Hiểm những tai nạn, hỏa-hoạn, hàng-hóa trộm cắp và tất cả các rủi ro.

Trụ sở chánh :

30 - 32, đường Laffite — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông

16, đại - lộ Nguyễn - Huệ — Saigon

Điện-thoại : 20.461

● **Bồi thường mau lẹ**

● **Nghi thức giản tiện**

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại. Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiểm.

LỖI NHỊP

✶ LÊ-NGỌC-TUẤN

Em trao tôi cành hoa Thiên lý
Vẫy khăn hồng tiễn biệt người đi
Ngày chia tay buồn theo mệnh nước
Buổi tao phùng giấc mộng tràn mi

Lấy chiến công cài hoa Thiên lý
Cờ trận thay khăn mỏng cô nhi
Kèn đồng vang anh về lạc bước
Xóm xưa buồn mang chữ vu quy

Trao trả em cành hoa thiên lý
Buổi lên đường tiễn biệt người đi
Vọng nhớ thương sầu lên vạn kỷ
Dạo đàn xưa lỗi nhịp mà chi ?

NGƯỜI CON GÁI KẺ CHĂN CỪU

✶ WILLIAN SAROYAM

● Nguyễn-Kim-Phượng dịch

Bà tôi cho rằng mọi người phải làm việc. Trong bữa ăn, bà bảo tôi :

— Cháu phải học một nghề trong thiện, phải làm được một cái gì ích lợi cho người đời, làm một cái gì đó bằng đất sét, hay bằng gỗ, hoặc bằng kim khí hay bằng vải chẳng hạn. Một người còn trẻ mà không học được một cái nghề chân tay chi đáng quí thì thật không xứng đáng. Cháu có biết đóng một cái bàn không ? làm một cái ghế, một cái đĩa, dệt một tấm thảm, làm một cái bình chế cà phê ? Có thứ gì cháu biết làm và làm được ?

Nhìn tôi một lúc, bà nói :

— Bà biết, cháu được coi như là một văn sĩ, và bà cũng thấy là cháu có thể làm văn sĩ. Cháu hút thuốc phun khói đầy nhà để tìm một cái gì đó... Song cháu phải học cách làm cho được một thứ gì chắc chắn, phải làm được những cái gì mà người ta dùng được, những đồ vật mà

người ta thấy được và sờ được :

Rồi bà tôi kể :

— « Ngày xưa có một ông vua Ba Tư. Vua có người con trai. Đứa con, mê một cô gái con kẻ chăn cừu, liền nói với vua cha : Tâu phụ vương, con yêu người con gái một kẻ chăn cừu, con muốn cưới nàng làm vợ. »

Vua cha nói : « Ta là vua, con là con của ta, một mai ta mất, con sẽ thay ta làm vua, tại sao con lại muốn cưới đứa con gái một kẻ chăn cừu ? » Người con nói : « Tâu phụ vương, con cũng không hiểu nữa, nhưng con yêu nàng và muốn nàng làm hoàng hậu của con. »

Vua cha thấy tình yêu của con mình quả là trời định nên mới bảo con : « Ta sẽ cho sứ đi gọi nàng đến. » Và vua bảo sứ giả : Đến nhà người con gái kẻ chăn cừu, bảo rằng con ta muốn cưới nó làm vợ. Sứ giả đến nơi và bảo nàng : Con của nhà vua yêu cô và muốn cô về làm vợ. Cô gái liền bảo : anh ta làm được nghề gì ? Sứ giả nói : Cô xem ! con vua thì cần làm nghề gì nữa? Cô gái bảo : Không, anh ta phải học một nghề.

Sứ-giả trở về tâu lại vua những lời của cô gái. Vua bảo người con : Đứa con gái kẻ chăn cừu ước mong rằng con phải có một nghề. Chừ con vẫn muốn cưới nó làm vợ à. Người con nói : Vâng, con sẽ học nghề dệt thảm. Thế là người ta dạy vị hoàng tử kia nghề dệt thảm. Bày chàng làm những hình có màu và những cảnh trang trí bức thảm Và chàng có thể làm một tấm thảm đẹp để trong ba ngày là xong. Sứ-giả đem đến nhà cô gái và nói : đây là công trình hoàng tử làm được.

Cô gái theo sứ giả về triều và lấy con vua... »

Bà tôi kể tiếp :

« Một hôm, hoàng tử đi rong chơi trong thành phố Bagdad, qua ngang một quán rượu thấy sạch sẽ mát mẻ liền ghé vào ».

Bà tôi nói :

« Nơi đó là sào huyệt của một bọn trộm cướp sát nhân. Chúng liền bắt chàng, nhốt vào một ngục tối chung với nhiều người tai mắt khác trong thành phố cũng bị bắt trước đó. Chúng giết những người mập nhất cho những người ốm nhất ăn. Lấy thế làm trò vui.

Hoàng tử vì xác nhỏ ốm, và lại bọn chúng không biết chàng là con vua, nên chúng không giết. Chàng liền nói với chúng : tôi biết dệt thảm, và thảm đó bán được giá lắm. Chúng liền đem đồ tới cho chàng dệt. Sau ba ngày chàng dệt ba tấm. Chàng bảo : Đem thảm này đến bán cho vua Ba Tư, mỗi tấm sẽ được cả trăm đồng vàng ! Khi vua cha thấy những tấm thảm biết là của con mình làm. Vua đưa cho cô gái và bảo : đây là công trình của con ta chứ ai nữa ? Cô gái xem xét kỹ từng tấm, nơi các hình vẽ, nàng phân tách ra thì được một lời nhắn gửi của chồng. Nàng cho vua cha hay... »

Bà tôi kể tiếp :

« Thế là vua cho lính tìm đến sào huyệt bọn trộm cướp sát nhân. Lính giải thoát được mọi người bị giam, giết hết bọn trộm cướp sát nhân. Hoàng tử trở về bình an vô sự với vua cha và vợ chàng.

Khi về gặp mặt vợ, chàng quì xuống, ôm chân nàng và nói : Em yêu của anh, nhờ em mà anh còn sống. Vua cha cũng rất hài lòng về nàng con gái đó. »

Bà tôi tiếp :

« Chừ thì cháu hiểu tại sao mỗi người đều phải học một nghề đáng quí, phải không ? »

Tôi đáp :

« Cháu rõ. Khi nào cháu kiếm đủ tiền mua được một cái cưa, một cái búa và đủ gỗ, thì cháu sẽ đóng một cái ghế dựa hay cái kệ sách, cháu ưng vậy ».

xin đọc :

NGHỆ - THUẬT

TUẦN BÁO VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
RA NGÀY THỨ BẢY

ĐỌC THƠ THẾ LỮ

* TRẦN TUẤN KIỆT

Nhà thơ Thế-Lữ tên thật là Nguyễn-thứ-Lễ sinh tháng 10 năm Đinh mùi (1907).

Trong quyển Thi-Nhân Việt-Nam có ghi sau đây nơi sinh Thế Lữ lấy làm lạ người nhà Nói là Bắc-Hà ấp Hà-nội còn thi-sĩ cứ tưởng là Lạng-Sơn, nơi ở từ khi còn bé đến năm 11 tuổi, 11 tuổi xuống Hải-Phòng học đến năm thứ ba Thành-Chung thì bỏ.

Sau đó lên Hà-nội học trường Mỹ-thuật nhưng lại thôi ngay bắt đầu viết từ hồi này.

Có chân trong Tự-lực văn đoàn và các tòa soạn: Báo Phong-hóa, Ngày nay, Tinh-hoa

Hiện nay Thế-Lữ ở miền Bắc. Văn nghệ ngoài ấy là thứ văn nghệ hiện thực, tranh đấu cùng một chiều hướng với xã-hội chủ nghĩa. Chúng ta đứng trên bình-diện thi ca và thơ khác với những tính-chất tuyên-truyền,

khác với những lý-thuyết chính trị. Chúng ta không đề cập đến con người của Thế-Lữ ngày nay mà chỉ nhớ đến Thế-Lữ của một thời vang bóng ngày xưa, thời Thế-Lữ của thi ca lãng-mạn và Thế-Lữ một thi-nhân có công trong phong-trào thơ mới tiền chiến.

Giỗ giấc ngủ thanh bình ta tìm về Thế Lữ, hình ảnh vị tiên thi đó hiện ra bồng-lơn trên những dãy ngân hà của thế giới thần tiên.

Ô hay! cái thành công của cuộc đời nào đâu đã là chân lý, những vần thơ thực tế nào phải là thơ, Hoài-Chân Hoài Thanh bởi quá nặng tình với đời sống mà quên rằng.. tâm hồn phiêu-lưu về nẻo kỳ mộng của khách-thơ không phải trong gió bụi đời. Có bao giờ người ta mới nhìn thấy được trong cái lạnh lùng tanh vắng của hư không—của hắc ám, của loạn lạc, của trần ai bụi phả—nó hiện lên cảnh trí thanh bình, ta hãy đi tìm trở về non nước chiêm bao.. vì chiêm bao, mới thực là lẽ sống của loài người. Chúng ta cầu mong những linh hồn quá đau thương hãy về quần tụ cả trong thế giới thần tiên đó, với ngày tháng lung linh mộng, để mà lắng nghe giọng hót của một loài chim truyền kỳ nhớp cánh giữa đảo quạnh mù sương, mang lại tiếng nói của mùa xuân vĩnh cữu.

Bao nhiêu lao khổ nhục-nhằn, những thực tại bi thảm đó chửa vừa ư còn gọi nhau đắm đá! Bao nhiêu lương tâm bị vò xé chửa vừa ư, còn phanh phui toan mang gót giầy đinh mà dẫm lên.. bao nhiêu điều tàn đổ vỡ trên cõi đời chưa vừa ư mà cứ hiu hiu dỗ tuồng anh hùng tuẫn sĩ... để rồi tàn gục vì trò định mệnh. Một giòng thơ nhẹ-nhàng có tác dụng đẹp và cao nhã hơn nghìn trang lý thuyết khô cỗi.

Cái nụ cười mà bọn trưởng giả trí thức.... các nhà tư-tưởng lấy đôi mắt gọng kính mà nhìn bốn chân trời bát ngát của thơ thì thực có nhìn thấy gì đâu... chỉ thấy màu hoang tàn đỏ xiêu trong cặp kính màu bệnh ấy thôi.

Thời kỳ Thế-Lữ là một thời mà người ta còn một niềm tin vào thi-ngữ với vũ trụ thơ của mộng tình. Một thời pha màu sương khói của đường thi và

tuyết mơ của văn học Tây phương mười tám... thời kỳ mà trên tinh thần thi ca còn có một liên mộng của lịch sử nhân-gian... còn có một niềm kính yêu với tạo vật.. nhất là còn yên ổn để chơi thơ.. thơ mà không chơi thì đếch có ra vì cả... Thơ mà làm như Tố-Hữu sau nầy thì đếch phải thơ...không hiểu Nàng Thơ quí phái như thế, bắt Nàng thơ vùi trong hầm mỏ tro than thì nàng thơ sẽ chết gục ngay... xin đừng biện luận nữa các ngài duy vật ạ.

Cỏ cây giao tình xuân sắc lượm ngát hương thơm... lòng người mơn trớn, trong hoa chim mách lẻo, gió mơn trớn hoa và hoa điểm tô cho vườn ngự của nhân gian thêm phần diễm ảo, Cảnh nào xinh bằng cảnh trong *mộng ảnh*:

người đẹp đứng bên nguồn
ông ả như mình liễu
mái tóc tả tơi buông
mặc gió cành trêu ghẹo

Thơ đến kỳ tuyệt là điểm linh hồn trong mộng ảnh lung-linh, ngôn ngữ rực sáng như ngọn hải đăng giữa mù sương, thơ không biện luận, không giải thích. Thơ có viễn tượng, nghệ thuật thơ siêu thực là nối được viễn tượng trong hồn ngôn ngữ chứ không phải tạo những hình bóng quái dị, một tâm-nảo loạn, một lương tri què-quặc ghê khiếp... Thơ như cõi tinh văn được lọc khỏi lớp bụi trần gian — xin các ngài đừng nghĩ là người viết bài nầy khinh hay oán cõi đời — muốn làm cho lẽ đời cao đẹp không phải cựa quậy ở trong cõi tù túng được :

Trèo lên trên đỉnh non cao
Nghe lời chim gọi, gió dào dạt thưa...

để nhìn thấy :

Sóng ròn đôi mắt lung lay
Tình xuân nồng dượm đôi mày thanh thanh
Cười duyên đắm đuối trời tình
Lòng ta như muốn tan thành hư không

để cảm biết được cái chân lý :

Ta ôm thiếu nữ trong lòng
Người yêu thoắt biến thành bông hoa rừng

Sự thật ở đâu, thoát ẩn thoát hiện cả cái nhan sắc của trần gian nầy cũng hồ như ảo như chân...

mộng và thực giao thoa, chỉ còn lại gì, thưa... còn lại :

Bông hoa nay vẫn còn hương
Lòng ta còn vết đau thương, không cùng
Đinh hoa ở một bên lòng,
Ngàn năm tiếc giấc mơ mòng khi xưa (**Bông hoa rừng**)

Mộng ngàn năm... đó là viễn tượng — đó là tình thiên thu, đó là cái mà định mệnh ác liệt không làm tan nát được, còn tất cả, xin thưa.. chỉ là hư ảnh, chỉ là phù du thôi.. đau lòng mà nhìn cái hiện hoạt cõi đời như thế. Chỉ có những vần thơ nhẹ tuyệt mù như sương mỏng mới tạo được cái nghĩa phù-du mà vô cùng, vĩnh viễn đó :

hỏi xem mây có duyên gì,
mà con chim én đi về lửng lơ..?

Bởi vì trong cõi đời :

Cũng như em, tâm hồn ta đã lạnh
Tự lâu rồi ! từ cái thủa xa xăm

Niềm hoài vọng, ý thiết tha, bám chặt mười ngón tay vào cõi đời, nhất mực yêu từ ngọn cây cuốn lá, từng bước xuôi ngược gian nan, muốn nghe được cả nỗi sầu nhân thế trong tiếng hát cung đàn, giữa phường lầu xanh, giữa hồ trăng hay tận hoàng hôn ngất lạnh Tin yêu nghệ thuật, say đắm vẻ đẹp, thông cảm khổ đau, và tìm về một chân trời mộng tưởng hào hoa đó là cái lẽ đẹp say đắm của nhà thơ sĩ ở giữa Hànội mưa phùn... Và đó là giấc mộng vàng... mộng tưởng quá xa xôi, đầm thấm và trẻ trung của một thuở thanh bình ngày nọ...

nhớ Rừng

(lời con Hổ ở vườn Bách-thú)

Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt
Ta nằm dài trông ngày tháng dần qua
Khinh lũ người kia ngạo mạn ngẩn ngơ
Giương mắt bé riễu oai linh rừng thẳm
Nay sa cơ bị nhục nhằn tù hãm
Để làm trò lạ mắt, thứ đồ chơi
Chịu ngang bầy cùng bọn gấu dở hơi
Với cặp báo chuồng bên vô tư lự
Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ

Thuở tung hoành hống hách những ngày xưa
Mỗi cảnh sơn lâm, bóng cả, cây già
Với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hét nút
Với khí thét khúc trường ca dữ dội
Ta bước chân lên đồng dạc đường hoàng
Cuộn tấm thân như sóng cuộn nhịp nhàng
Vồn bóng âm thầm, lá gai, cỏ sắc.

tiếng gọi bên sông

(Lời chinh phụ)

Ta là một khách chinh phu
Dấn bước truân chuyên khắp hết hồ
Mũ lượt bốn bề sương nắng gội
Phong trần quen biết mặt lo âu
Vất vả bao từng chi xá kể ?
Gian lao như lửa rèn tâm chí
Bấy lâu mây nước mãi xông pha
Chưa phút dừng chân chưa lúc nghỉ
Trong thuở sinh bình, đôi mắt ta
Không hề cho đẫm lệ bao giờ
Cuối phen thất bại, khinh nguy hiểm
Mặn gót càng đường nhịp khúc ca
Dang độ nam nhi vui trẻ hoài
Sầu tư bi thiết, gác bên tai
Trái tim chỉ rộn khi căm tức
Giết lũ vô nhân, giận nỗi đời
Trong khi lật đật rẽo sông Mê
Tiện gió heo may đưa nhạn về
Bụi cuốn đường xa chinh khách mỏi
Bỗng nghe tiếng hát vẳng bên kia.

TRIẾT HỌC Y-LÝ ĐÔNG PHƯƠNG

« La Philosophie de la médecine d'Extrême-Orient — Le livre du Jugement Suprême »

★ *Nyoiti Sakurazawa*
● **KÒA-ĐỒNG** *dịch*

CHÚNG tôi đã hai lần viết bài về vấn-đề lý-thuyết âm-dương. Bài thứ nhất đăng ở tạp-chí Phổ-Thông số 147 ra ngày 15-4-65 nhan-đề : « Phương-pháp ẩm-thực theo S.Nyoichi », cốt giới-thiệu đại-cương, tác-giả là Nyoiti Sakurazawa, một nhà hiền-triết Nhật-bản đã soạn nhiều sách nói về lý-thuyết âm-dương và khoa dưỡng sinh. Bài thứ hai đăng ở nguyệt-san Tin Sách số 41 tháng 11-1965 giới-thiệu tác-phẩm « Zen và Dưỡng sinh » của Thái-Khắc-Lê soạn, một tác-phẩm có tính-cách khảo-cứu và trình bầy quan-niệm âm-dương và khoa dưỡng-

sinh cho người Việt dễ hiểu, sau khi cuốn « Tân dưỡng sinh » tức bản dịch cuốn « Le Zen macrobiotique » do Ngô-Thành-Nhân dịch ra đời không hẳn là đúng nguyên-văn và đáng lý phải dịch là « Zen và Dưỡng sinh » hoặc « Thiền và dưỡng sinh » mới đúng, nhưng dịch-giả đã dùng danh-từ « Tân dưỡng-sinh » để nghe cho thích hợp với thời đại mới chăng hoặc tuy là xưa của người nhưng mới của ta ? Vì vậy không phải là Tân. Đây là một lối dưỡng sinh rất kỳ cựu có trên 5.000 năm nay. Đây là lối dưỡng sinh rất xưa của y học Đông-phương so với lối dưỡng sinh của y-học Tây-phương mới có vài trăm năm nay và như vậy giá trị của nó đáng cho chúng ta suy luận. Sau khi đọc Tân dưỡng sinh, một cuốn sách chú-trọng về thực-hành người ta đã thoải mái lúc đọc Zen và Dưỡng sinh của Thái-Khắc-Lễ vì Sakurazawa có viết : « Lý-thuyết mà không thực-hành thì vô bổ, thực-hành mà không có lý-thuyết thì hiểm nguy ». Tuy họ Thái có công tóm tắt công-trình nghiên-cứu của Sakurazawa nhưng không gì hơn là đọc qua một vài tác-phẩm do chính tác-giả viết để hiểu rõ hơn. Công việc này đang được nhiều người lo đến và hôm nay chúng tôi lấy làm hân-hạnh giới-thiệu với quý bạn bản dịch cuốn « La Philosophie de la Médecine d'Extrême-Orient » nhan-đề « Triết-học Y lý Đông-phương » do Hòa-Đồng dịch và xuất-bản năm 1965.

Trước khi vào phần nội dung của sách, chúng tôi tưởng nên giải-thích phần hình thức là cái bìa sách của bản dịch ở mặt trước cũng như ở mặt sau vì việc trình-bày này rất có ý nghĩa nếu không giải rõ độc-giả sẽ khó hiểu.

Trước hết trong sách này tác-giả đã đứng trên quan điểm Thái Cực và Âm Dương, một học-thuyết có từ Phục-Hy « Kinh dịch » và Lão-Tử để luận đàm về Y-Lý và cho đó như là Y Đạo. Bởi vậy ở bìa ngoài ta nhìn thấy một bức hình có vẽ tượng trưng và thuộc loại biểu tượng. Một con người ngồi trong tư thế của Phật hay của nhà đạo-sĩ (Yogi) hoặc trong tư thế Thiền của nhà Sư, trong một vũ-trụ bao quanh bởi một cái vòng tròn chia làm hai : biểu-hiệu cho Âm và Dương. Con người ngồi trong một cái hình kim-tự tháp (hay tam giác) có 7 nấc thang tượng trưng cho cái « Thái cực đồ xoắn ốc đối số của tổ-chức vũ-trụ » (gọi là La spirale logarithmique de l'ordre de l'Univers) — danh từ Sakurazawa dùng trong sách này. Tiếc rằng trong bản dịch thiếu mất mấy cái hình và cái hình của Sakurazawa khác với hình ngoài bìa vì lối diễn tả của chúng tôi — lời người có ý-kiến vẽ hình bìa — có khác tiên sinh, vì chúng tôi vẽ để diễn tả tên cuốn sách chứ không phải một vấn đề. Trong khi con người đang còn ở trong vòng sinh tử, luân hồi của bánh xe tiến-hóa hoặc cõi hồng-trần, ta bà, tương đối thì con người phải bị ràng buộc bởi lý-thuyết nhị nguyên của sự phân biệt Thiện, Ác, Thịnh, Suy, Ánh sáng, Bóng tối, Nóng, Lạnh, Đau, Lành v..v.. và chỉ khi nào con người đạt đến tâm-trạng số 7 là hình tam giác cao hơn hết, tượng trưng cho Dương, hay sự phán đoán Tuyệt đối, hoặc là Giải-Thoát khỏi nhị nguyên-luận và đạt đến nhất-nguyên, chứng được Đại-Giác thì con người vào cõi độc nhất vô nhị hay Thái-Cực hay Đạo vậy. Trong hình vẽ này dịch-giả cho biết nhà in trình bày đã quên in luồng hỏa hầu với hai luồng âm dương thân trong thể con người để tượng trưng cho con người (tiểu vũ-trụ) đứng trước đại thiên địa là Trời Đất. Màu xanh da trời của bìa ngụ ý cõi bao la của không gian vô tận. Cái triết-lý của Y-học Đông-phương nằm trong hình này là sống quân-bình và trật tự trong một vũ-trụ trật-tự và quân bình bằng cách ăm-thực cho đúng nguyên lý âm dương. Con người

Dũng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1330/BYT/DPDC

Dũng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

sẽ hòa đồng cùng vũ trụ và không có bệnh tật. Trang bìa sau là bức vẽ có 7 đoạn chia hai bằng một nét sổ thẳng xuống tượng trưng cho bảy giai đoạn của bệnh tật do ăn uống không đúng cách tương đương với bảy giai-đoạn của sự phán đoán mà dịch giả đã dùng danh từ Tư-duy (Sakurazawa lại còn nói đến 7 cách thức ăn uốngthế nào thì chúng ta sẽ trở thành như thế ấy trong cuốn: « L'ère atomique et la Philosophie d'Extrême-Orient».Như vậy sau khi đọc xong sách và nhìn cái bìa ở lưng sách độc giả sẽnhớ mãimãi cốtyếu những điều mà tác giả muốn trình bầy. Đây là một hình cô đọng giúp trí nhớ, mà dịch giả đã có công nhờ họa sĩ trình bầy với độc-giả. (1)

Bây giờ chúng ta hãy qua phần nhận xét nội dung của tác phẩm.

Trong chương đầu nhan đề : Y-học hay đức tin Sakura (từ đây chúng tôi xin vắn tắt viết như thế) đã trình bày y học Đông-phương như có 7 giai đoạn và trên cao hết tộ đỉnh ở tầng thứ bảy thì y học đã biến thành Y-Đạo. Tiên sinh đã so sánh y học Tây phương và Đông-phương và đề cao y học Đông-phương như là phần tinh túy nhất của các nguồn triết-học và tôn-giáo.

Chương Hai tác giả phân biện âm dương theo đúng biện chứng của Lý Thái Cực. Đây là sự phân biệt rõ ràng cho những người nào thực hành phương pháp Tân dưỡng sinh có thể phân biệt được các món ăn thức uống theo âm dương, theo các tiêu chuẩn rõ ràng như những định-luật và là chìa khóa cho những ai muốn học cách lựa chọn món ăn (có nhiều người muốn tiên sinh làm một

(1) Hình vẽ bìa họa sĩ trình bày rất công phu, và mỹ-thuật, nhưng tiếc thay vì người phụ trách quá bận việc không coi kỹ khi nhà in lên khuôn nên có vài điểm không được đúng với tờ kiểu của họa sĩ làm giảm một phần lớn giá trị của tấm bìa. Tiếc thay !

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

cuốn tự điển kê các loại ẩm thực theo âm dương,song tiên sinh cho đó là một điều buồn cười vì không thể nào chỉ cho hết, và lại nếu ta muốn làm y-sĩ cho ta thì ta phải biết lựa chọn bằng lối suy luận, nếu không ta sẽ trở thành con vẹt hay cái máy hát nhai đi nhai lại mà thôi.

Chương Ba, tác giả trình bầy Lý Thái Cực hay vô song nguyên lý còn gọi là biện chứng pháp thực hành của Đại Tư-tưởng gia Lão-Tử không giống với biện chứng pháp của Marx, đồng thời đưa nhiều ví dụ để tìm hiểu âm dương giúp cho người đọc biết cách phân biệt và áp dụng bằng những dẫn chứng cụ thể về hóa học và vật lý theo khoa học hiện đại (về vấn đề này chúng tôi khuyên các bạn đọc cuốn Le Principe Unique de la Science et de la Philosophie d'Extrême Orient, chưa có dịp dịch, song có lẽ sẽ được dịch hoặc ít nhất trình bày trong một cuốn sách nhan đề: « Tổng hợp 7 tác phẩm của Sakurazawa về lý thuyết âm dương và kho dưỡng sinh » — sẽ soạn nay mai).

Chương Bốn, tác giả đề cập đến nguồn gốc con người và định nghĩa bệnh tật là gì. Tác giả ca tụng bà mẹ thảo mộc và cho rằng sở dĩ có bệnh tật là vì tham ăn tham uống, thật đúng như câu của Y - Lý Đông-Phương cho rằng « Bệnh nhập tại khẩu » (la quantité change la qualité) và muốn ít bệnh phải sống một cuộc đời đơn giản đạm bạc (Vivere parvo). Tiên sinh ngạc nhiên vì sao y học Tây-phương lại không đi tìm nguồn gốc của bệnh để chữa, lại chữa ngọn thay vì gốc ?

Chương Năm đề cập trực tiếp đến Y-Học Đông-Phương kể một số bệnh do tiên sinh chữa theo Y-Lý Đông-Phương và phân tách 7 giai đoạn của bệnh tật để ta biết ta thuộc về giai đoạn nào mà chữa trị và biết rằng bệnh ấy nặng hay không nặng. Đoạn cuối tiên sinh có cho chúng ta những

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

chỉ dẫn cần thiết để ăn uống cho hợp với lẽ âm dương.

Chương Sáu nói đến tổ chức của vũ trụ và thể chất của con người trong đó tiên sinh đưa ra một số định-luật.

Chương Bảy đề cập đến trí phán đoán của con người mà dịch-giả đã dùng danh-từ Tư duy. Vô minh cũng như hạ-trí đều là những đẳng cấp phán đoán thấp kém, còn nếu tiến lên những bậc thang cao hơn chúng ta sẽ là thượng trí, trực-giác hay hữu-minh vậy. Tuy danh-từ tiên-sinh dùng có khác song cũng giống nhiều tôn-giáo nhất là Phật-giáo. Năng lực tối cao của tư duy (la faculté suprême du jugement) chính là chỗ toàn đành chánh giác.

Sau chương 7 còn hai bản phụ lục phiếm luận vài vấn đề nho nhỏ. Sau hết là một ít địa chỉ để độc-giả có thể giao-thiệp với Sakura song tiếc rằng có một số địa chỉ đã thay đổi. Ví dụ địa chỉ ở Pháp 6, rue Lamartine nay không còn nữa mà phải liên lạc với C.I.8 rue Lamartine Paris IX (tức là Centre Ignoramus viết tắt. (Đáng lẽ dịch-giả phải chú thích bên lề để cho độc-giả biết).

Triết-học Y-lý Đông-phương của Sukura chống lại thuyết vi-trùng của Tây-phương vì tiên-sinh quan niệm rằng do cơ thể của chúng ta mà chúng ta bệnh hay không chứ không phải vi-trùng. Thuyết ấy hiện nay cũng được nhiều nhà bác-sĩ Âu Mỹ công nhận khi họ cho rằng « Con vi-trùng không đáng sợ, song chính là cơ-thể của chúng ta ». Đồng thời tiên sinh cũng cho rằng y-học Đông-phương từ chỗ hốt thuốc hay châm-cứu cũng chỉ là cách chữa bệnh bằng ngọn chứ không phải bằng gốc, chỉ có phương pháp ẩm thực mới là chính. Điều ấy không phải nói ngoa nếu ta biết rằng máu và tế-bào trong thân thể chúng ta có thể thay đổi trong một thời gian nào đó. Lý-thuyết của tiên sinh

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

dễ hiểu. Trong vấn đề phân định âm dương chúng tôi có hân hạnh được hội kiến với giáo-sư lúc ông đến Huế. Đây là câu hỏi của chúng tôi và câu đáp của tiên-sinh :

Hỏi : — Thưa tiên-sinh, theo tiên sinh thì nếu muốn phân biệt một món ăn âm hay dương ta sẽ áp dụng các tiêu-chuẩn về hình trái trọng lượng, màu sắc, sức chứa đựng về nước hóa hợp, sự phân phối theo địa lý và mùi vị. Nhưng xin hỏi tiêu chuẩn nào quan trọng hơn hết và nếu trong 7 tiêu chuẩn ấy mà có 4 tiêu chuẩn dương và 3 tiêu-chuẩn âm chẳng hạn ta sẽ cho rằng món đó dương vì thuộc về đa số chăng ?

Sukurazawa đáp : Đúng như thế. Nhưng tiêu chuẩn quan trọng hơn hết chính là : nguồn gốc của nó chứ không phải hiện trạng.

Sau khi điểm qua nội dung sách chúng tôi đề cập đến phần dịch thuật. Dịch giả là Hòa-Đồng đã cố gắng để dịch tác phẩm Việt-văn nhưng không sao hoàn-hảo được. Điều làm cho độc-giả khó chịu là phải đọc lỗi chính tả và phải xem bản errata (đính chính). Tôi có chất vấn dịch giả điểm này và được biết vì dịch-giả ở xa (Huế) mà lại in ở Saigon nên không đích thân sửa chữa bản thảo cho như ý, nên dịch giả rất lấy làm ân hận và xin tạ lỗi cùng bạn đọc.

Ngoài những lỗi về chính tả, tôi thấy dịch giả dịch một, vài đoạn không được rõ ràng. Vì đây là một cuốn sách luận về triết-lý và y-học, có nhiều danh từ chuyên môn đã làm cho tác phẩm khó khăn nên nếu dịch không thông suốt thì đọc ra tối nghĩa. Ví dụ trang 22 bản dịch (và 32 nguyên văn) như sau : Chaleur (donc activité des composants moléculaires Constriction, pesanteur (donc tendance à descendre) và Froid (ralentissement du mouvement des composants Dilatation, expansion (donc tendance à monter) mà tác giả dịch là : Nhiệt (tức [illegible] ác

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

thành phần phân-tử), Co rút, trọng lượng (tức chiều đi xuống) Lạnh (tức trì trệ sức vận động những thành phần), Tuyến khuếch trương (sức bành trướng tức hướng động lực tăng lên) thì người đọc ngờ nước không hiểu gì cả. Đáng lẽ dịch như sau : Sức nóng (nghĩa là các thành phần tổ hợp của phân tử hoạt động tăng lên) Co rút, trọng lực (tức có ý đi xuống) Sức lạnh (nghĩa là các thành phần tổ hợp của các phân tử hoạt động chậm lại), Nới rộng, bành trướng (tức có ý đi lên).

Chúng ta mong rằng trong kỳ tới bản sách này dịch giả sẽ bổ khuyết và tu chỉnh hầu bản dịch lần thứ hai được hay hơn và hoàn hảo hơn. Tuy nhiên, chúng ta không khỏi không hoan nghênh thiện chí của dịch giả đã muốn phổ biến triết lý của y-học đông phương và bản dịch này đáng được hoan hỉ đón nhận trong tủ sách gia-đình của các bạn và để các bạn có đủ yếu tố để trả lời cho những ai chưa hiểu Y Đạo là gì, nhất là Y-lý Đông-phương và triết lý ngàn xưa của nó.

NGUYỄN KHOA-HUÂN

Nhà hàng ĐAI - LA - THIÊN

Điện thoại số 36.893

31-33 Đường Lân-Ông CHOLON

- Đặc-biệt các món ăn Tiều
- Sạch-sẽ, vệ-sinh và ngon lành
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- Có máy điều hòa không-khí

Ở lầu 3 lộ-thiên có không-khí thiên-nhiên trong một khung cảnh huy-hoàng diễm-ảo

nhớ sông cầu

★ TRIỀU VĂN TỪ ★

Dây xứ Sông Cầu trầm lặng
Hàng dừa soi bóng bên sông
Thuyền nan neo dòng nước biếc
Quanh co đồng núi ven đường

Đây xóm nhà tranh nho nhỏ
Vài cô thôn nữ chăn bò
Run run câu hò dưới nắng
Hồng hồng đôi má nên thơ.

Đây mái trường làng êm vắng
Nghiêng nghiêng bóng liễu đôi bờ
Có em học trò nhỏ bé
Ngâm nga mấy chữ i-tờ

Đây cầu Tam giang ngắn ngẩn
Chiều về đoàn nhỏ buông câu
Ngư ông ẩn mình khâu lưới
Nắng vàng phủ nhẹ qua cầu

Đây những gia đình làm gốm
Ngày đêm nhồi đất bên sông
Lửa xanh buông làn khói biếc
Gái trai mỉm nụ cười hồng

Đây chiếc cầu tre xiêu veo
Cập ghềnh nối nhịp ngang khe
Từng cô tóc thề áo trắng
E dè bước nhẹ ven lề

Ôi cả — bài thơ xuân nữ
Sông Cầu tôi nhớ tôi mơ
Lúa vàng đơm bông chín nụ
Tình cô trinh nữ đơn sơ

Giờ đây trông về xứ cũ
Nghe lòng xao xuyến rưng rưng
Ngàn câu đề lên gối mộng
Gieo vần ai nhớ mà thương

xuân nầy hỏi em

Xuân này em có vui không
Có vui thấy xác pháo hồng gượng soi
« Tết này tết của dân nghèo »
Ngàn đời một thuở cóc trèo lên thang !
Em vui kẻo mộng xuân tàn
Em vui có rủ xóm làng cùng vui
Vui xong em có ngừng vui
Để dành vài phút tưởng người trận vong
Tưởng người bị nạn đạn bom
Tưởng người tị nạn, tưởng đàn Cô-nhi
Sống nhờ nơi lòng từ bi
Nhớ cha, nhớ mẹ, nhớ dì, nhớ anh
Nhớ nhà, nhớ khóm cây xanh
Nhớ sông Trà khúc nước xanh bốn mùa
Nhớ khi em tắm vui đùa
Dưới trường Vạn Tượng, trên chùa núi Thiên
Quê em yêu mến ba miền
Kể sao cho xiết nỗi niềm khổ đau
Kêu Trời — Trời lại càng cao
Ngẩn ngơ cầu nguyện nguyện cầu mãi ru

TRÍ - TƯỜNG
(Quảng-ngãi)

Thư Bạn Đọc

O của Ông Hoàng-đình Trử, Công-chức hồi-hưu, 16, Nguyễn-Trãi, Nha Trang

Kính gởi ông Giám đốc,

Tôi, một độc-giả trung thành với quí báo, xin kính gởi lời thăm và bày tỏ một vài điều sau đây :

Quí báo số 168, về mục «Người Chiến-quốc», có đăng tải vế đố ra như sau :

Lạn-tương-như, Tư-mã-tương như,
danh tương như, thựt bất tương như.

Quí báo bảo, vế đối lại đã quên bẵng, không còn nhớ nữa.

Tôi nhớ mường tượng vế đối ấy, do một ông văn-quan gặp một người hàn nho có vẻ khiếm nhã-nhặn, tức cảnh mà ra câu đối ấy. Ông hàn-nho đã đối lại :

Uỷ-vô-ky, Trương-tôn-vô-ky,
bỉ vô ky, ngả diệt vô ky.

Thành thật kính chào ông Giám đốc,
HOÀNG-ĐÌNH-TRỬ
(Nha-Trang)

Dùng midol
Ngăn chặn đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

✶ Ô. Ưng-Thái. Phan-bội-Châu, Huế

— Những câu danh ngôn ngoại-quốc do chính chúng tôi dịch ra để đăng trong P.T. luôn luôn có nguyên-văn ngoại-ngữ đăng kèm, như chúng tôi đã làm. Nhưng những câu do bạn đọc gởi đến, thường không có nguyên văn ngoại ngữ kèm theo.

— Câu ông ghi trong thư : « L'amour est le contact de deux corps», theo nguyên-văn là : *L'amour, c'est le contact de deux épidermes.*

— « Người tù 69 », và « Tuấn, chàng trai nước Việt » sẽ in thành sách sau khi bổ-chính một vài khuyết-điểm. Hân-hạnh đón nhận những ý kiến của ông.

● Ô. Minh, Sàigòn.

Theo thiển-ý của tôi, thì câu : « *Văn-thư dẫn-thượng* », « *Văn thư chiếu thượng* », « *hồ-sơ đình hậu* », v.v... là đúng.

● Ô. Nguyễn-Đức-Anh, Huế.

Quyển truyện « Mồ-hôi Nước mắt » đang in nửa chừng thì bị nạn khan giấy nên phải tạm hoãn. Đợi mua được giấy sẽ tiếp tục. Khi nào phát hành, chúng tôi sẽ báo tin trên P.T.

● Ô. Nhặt Trương, Lê lợi, Định-Tường

Ông đã học Đức-ngữ ở Trung-tâm Văn hóa Đức được gần 3 năm thì ông đã giỏi sinh ngữ ấy rồi. Bây giờ ông nên mua các sách và báo Đức mà tiếp tục luyện thêm, không cần học hàm thụ. Vả lại chúng tôi không thấy ở Saigon có trường nào dạy Đức-ngữ bằng hàm thụ.

● Bạn Nguyễn-tấn-Thưởng, Huế

— Đài phát thanh Luân-đôn, BBC, tức là British Broadcasting Corporation.

— Câu tục ngữ Pháp : « Une hirondelle ne fait pas le printemps » có nghĩa là một con chim én không làm nên mùa Xuân được. Chim

én (bên Pháp) thường xuất hiện về mùa xuân, mùa xuân có nhiều chim én, chứ có một con chim én làm sao thành mùa xuân được ?

Ý nghĩ cũng giống như câu tục ngữ Việt Nam :

« Một cây làm chẳng nên non.

Ba cây dụm lại nên hòn núi cao. »

Nghĩa bóng, là muốn làm một việc gì thành công mỹ mãn, phải có sự góp sức của nhiều người.

— Ngô-đồng nhất diệp lạc,

Thiên-hạ cọng tri thu.

Nghĩa là : Một lá ngô đồng rụng,

Thiên hạ đều biết là mùa Thu đến.

Vì lá ngô-đồng rụng vào đầu mùa Thu.

● Bạn Kỳ-Vân, 20. Phan-thanh-Giản — Cần Thơ

Ngày 10 tháng 2, 1936, là ngày 18 tháng Giêng năm Bính-Tý, ngày thứ Hai trong tuần.

● Ô. Lê-văn-Quới, K.B.C. 4974

Địa-chỉ trường Hàm-thụ lâu năm nhất và được tín-nhiệm nhất ở Pháp, dạy đủ các môn, các trình độ :

L'Ecole Universelle

59, Bd Exelmans, Paris 16è. Ông muốn học về môn gì, thi cấp bằng gì, trình-độ học-vấn của ông hiện giờ thế nào, ông phải viết thư nói rõ cho họ biết, họ sẽ gởi đầy đủ chi-tiết chỉ-dẫn về điều-kiện và chương trình học.

● Ô. T.V (?) Rất tiếc chúng tôi không biết được ngày tháng năm sanh của Bảo-Long, con trai của Bảo-Đại.

● Ô. Duy Linh, Đà-nẵng.

12-3- Giáp thân = 4-4-1944
29-11- Ất dậu = 2-1-1945
13-2- Bính tuất = 16-3-1946

Một bạn độc giả KBC — 4392

Đài BBC = British Broadcasting Corporation

Đài VOA = Voice Of Amrerica

Cô Trần thị Diệu-Tú, Nữ sinh Trần quốc Toản, Saigon.

Thầy Thích-Thiện-Minh đi chiếc xe hơi Huê-kỳ, là tiền của Mỹ hay của một Nữ Phật Tử nào, cô cứ viết thư hỏi thẳng thầy Thiện-Minh. Chúng tôi hoàn toàn không biết gì về vấn đề đó.

Cô lại hỏi : « Hồi xưa Đức Phật Thích-Ca Mâu Ni, có đi xe hơi Huê-kỳ hiệu Mercedès không ?»

Đáp :— Cô là Phật tử, cô cố đọc các kinh sách về Phật giáo, chắc hẳn cô biết rằng thời Đức Phật còn tại thế, chưa có xứ Huê-kỳ và cũng chưa có xe hơi.

Câu hỏi thứ 3, chúng tôi xin miễn trả lời vì chúng tôi không muốn bàn về « chính trị. »

Ô Đỗ-hiến-Tự, K.B.C. 4969

Tội-nhân bị tử-hình, thường bị xử bắn lúc sáng sớm, cũng có nhiều khi bị xử bắn ban ngày, tùy theo hoàn-cảnh và vị-trí của pháp-trường.

— Lấy khăn bịt mặt tử-tội vì một chút lý-do nhân-đạo, muốn tránh cho tội-nhân một kinh-hoảng cuối-cùng, trong lúc nhìn thấy những họng súng chĩa vào mình, và cũng để tránh cho đoàn xạ-binh những cảm-xúc và phản-ứng bất ngờ khi thấy đôi mắt của nạn-nhân ngơ-ngác nhìn mình, tỏ vẻ van-lơn, đau khổ.

Trung-sĩ I. Phan-gia-Yên, K.B.C 4783

Ngày 20 tháng 5 năm Bính-Tý, tức là ngày 11 tháng 6 năm 1876 (cách nay 90 năm), nhằm ngày chủ-nhật.

HỶ-TÍN

Chúng tôi có nhận được hồng thiệp của Ông Bà Đỗ-hữu-Ích 9 Nguyễn-công-Trứ, Đồn-Dương (Tuyên-Đức) báo tin lễ đính hôn của thứ nữ, cô **Đỗ-thị-Thu** đẹp duyên cùng cậu **Bê-văn Sâm**, trưởng-nam của Ông Bà Bê-văn-Quí ở Thủ-đức, Gia-định.

Xin thành thật chúc mừng hai họ.

NGUYỄN-VỸ

ĐỌC

THÁNG NĂM SẦU

THƠ

PHƯƠNG - DUYÊN

Cần Đến kinh kỳ, Bần hàn dã dượi, hay là đang hành kinh mà đau bụng, uống : **Lôi Công Hoàn « ÔNG TIÊN »**. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việ Saigon 228 Lê-hánh-Tôn. *Nhà thuốc* **«Ông Tiên»** Phú-Lâm Cholon

K.N. BYT. số 1 — 9-5-63

Phong Ngứa, *Ghẻ chốc, lở lói, gãi tới đâu lan tới đó không phải thoa phết sơ sài ngoài da mà hết, uống* **Giải Phong Sát-Độc-Hoàn « ÔNG TIỆN »** *30 năm sáng lập. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt.*

Nhà thuốc **Ông Tiên** *Phú-Lâm Cholon (K.N. BYT, số 3 — 9-5-63)*

đón đọc :

HOA NẮNG

TẠP-CHÍ ĐẶT LẠI CĂN NGUYÊN TƯ-TƯỞNG ĐÔNG TÂY

phụ trách mỹ-thuật : *họa sĩ VĨNH ẤN*
thư ký tòa soạn : *cô PHƯƠNG ANH*
chủ trương biên tập : *NGUYỄN THÁI*
và *PHẠM CÔNG THIỆN*

Phát hành trong tháng 5, với sự cộng tác của những người ở Paris qua các bài :

— Đánh giá tư-tưởng phá-sản của Arthur Koestler
— Đánh giá thần học phá-sản của Albert Schweitzer
— Đánh giá sự học-vấn phá-sản của Nguyễn văn Trung (phê-bình luận án tiến-sĩ triết-học)
— Bất tạo động của tư-tưởng
— Đặt lại nguyên-thể của chính-trị
— Triết-lý của Việt-Nam và cho nhân-loại kể từ 10 năm sau
— Trời tháng Tư (tiểu thuyết)
— Mặt trời đầu hạ (tiểu thuyết)
và nhiều truyện ngắn, thơ, kịch khác...

Thư từ bài vở xin gửi về : Cô PHƯƠNG-ANH 8, rue Guy de la Brosse PARIS 5è (France).

CÁC BẠN MUỐN TÌM HIỂU GIÁO LÝ ĐỨC PHẬT, SINH HOẠT CỦA GIÁO HỘI PHẬT GIÁO THỐNG NHẤT Ở MIỀN TRUNG

hãy tìm đọc :

LIÊN HOA
nguyệt san

Tòa soạn : 66 đường Chi Lăng — Hộp thư 24 Huế

NGUỒN VUI — SỨC KHỎE

của mọi người và trong mọi gia-đình

NƯỚC NGỌT CON CỌP Ở ĐÂU
ĐẤY LÀ KHỎE MẠNH, SỐNG LÂU YÊU ĐỜI

K N số 260 ngày 20-6-63

KINH-LÝ VĂN - PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ—Saigon
Điện-thoại 23. 187

Phạm-văn-Lạng

Giám-Định Trắc-địa-sư
Géomètre — Expert

373. Phan-thanh-Giản SAIGON

Giấy phép số 292 CDVITTINĐ ngày 9-10-1961
Quản nhiệm : NGUYỄN-VỸ
In tại THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN
231-231, Phạm Ngũ-Lão — Saigon

KD số 1142 ngày 14-5-66